TUẦN 1: **CHỦ ĐỀ 1: CHẤT**

Bài 1: THÀNH PHẦN VÀ VAI TRÒ CỦA ĐẤT ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

Năng lực khoa học: Nêu được một số thành phần của đất, trình bày được vai trò của đất đối với cây trồng.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: tích cực, chủ động tìm thông tin thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của bài học.

- Năng lực trách nhiệm: Thực hiện nhiệm vụ của nhóm, tìm hiểu thành phần và vai trò của đất đối với cây trồng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia nhiệm vụ nhóm và chia sẻ trong nhóm, trình bày kết quả nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chuẩn bị bài trước khi đến lớp, hăng say tìm tòi kiến thức bên ngoài để mở rộng hiểu biết và thường xuyên xem lại kiến thức bài cũ.

- Phẩm chất trách nhiệm: Hoàn thành các nhiệm vụ tự học cá nhân, nắm được và thực hiện tốt nhiệm vụ khi làm việc nhóm.

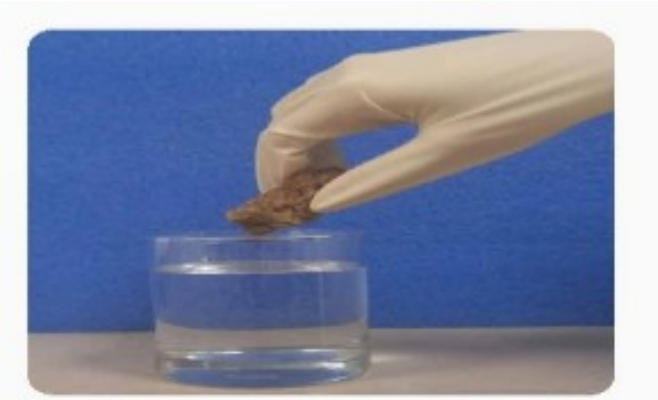
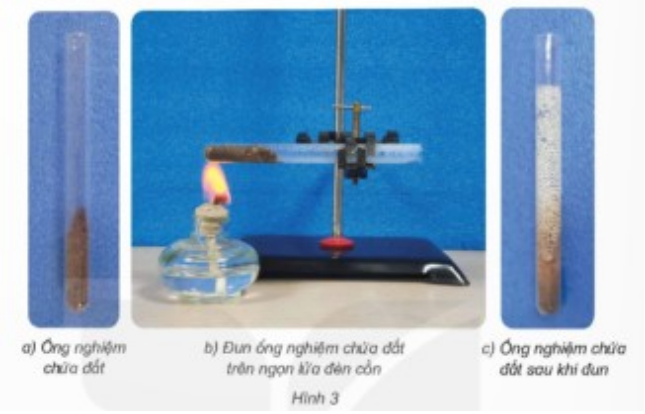
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

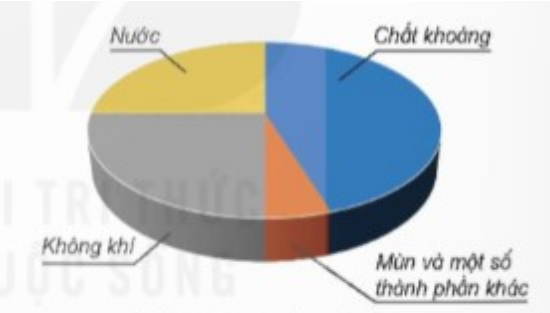
- SGK, tranh ảnh sưu tầm hoặc vật thể về các loại đất và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Nêu được một số cây trên cạn được trồng trên đất ở các nơi khác nhau. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi "Tôi được trồng ở đâu?" Cách chơi - GV đưa ra các bức ảnh có cây trồng để HS	- Cả lớp lắng nghe và tham gia trò chơi. + Ảnh 1: Cây rau cải trồng trên đất trong vườn. (Tự chọn)

đoán Xem cây đó được trồng ở đâu. Ai có câu trả lời đúng sẽ được thưởng.  - GV khen thưởng HS trả lời đúng. - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Cây có thể sống và phát triển trên các loại đất nhưng không thể trồng trên đá. Vậy, trong đất có những thành phần nào giúp cho cây trồng có thể phát triển, các em cùng tìm hiểu ở các hoạt động sau.	+ Ảnh 2: Cây phi lao trồng trên đất ngoài bờ biển. (Tự chọn) + Ảnh 3: Cây ngô trồng trong các khe đất mà không được trồng trên đá (Hình 1 SGK) - HS nhận thưởng - HS lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá: - Mục tiêu: + Nhận biết được thành phần của đất gồm: không khí, nước, chất khoáng và một số chất khác. - Cách tiến hành:	
Hoạt động 1: Trong đất có không khí. - GV cho HS thực hiện TN1 để chứng minh trong đất có không khí theo nhóm và ghi vào phiếu thí nghiệm của nhóm lần lượt theo các bước: + Bước 1: Kiểm tra việc chuẩn bị đồ dùng TN. + Bước 2: Các nhóm thảo luận viết dự đoán hiện tượng xảy ra ngay sau khi thả đất vào cốc nước. + Bước 3: Các nhóm tiến hành thả đất vào cốc nước, quan sát hiện tượng xảy ra.	- HS hoạt động nhóm, nhóm trưởng phân công các bạn thực hiện TN1 và ghi vào phiếu. + HS kiểm tra đồ dùng của nhóm: 1 đĩa ít đất, 1 cốc thủy tinh chứa nước, gang tay. + Các nhóm đưa dự đoán trước khi làm TN: có bọt nổi lên, cốc nước đục màu hơn lúc đầu, trong nước có tạp chất,... + Các nhóm tiến hành làm TN: Lưu ý: HS phải quan sát thật nhanh khi mới thả đất vào cốc nước. + Các nhóm đưa ra kết luận và so sánh

+ Bước 4: Kết luận và so sánh với dự đoán ban đầu.  Hình 2	với dự đoán ban đầu.
- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. - GV kết luận: Hiện tượng xảy ra ngay khi thả đất bàu cấp nước là có bọt khí nổi lên. TN chứng tỏ trong đất có không khí.	- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. - HS lắng nghe
Hoạt động 2: Trong đất có nước. - GV tổ chức cho HS quan sát video hoặc ảnh minh họa TN ở hình 3 và mô tả TN.  a) Ống nghiệm chứa đất b) Đun ống nghiệm chứa đất trên ngọn lửa đèn cồn c) Ống nghiệm chứa đất sau khi đun Hình 3	- HS quan sát hình 3 dựa vào video hoặc tranh ảnh của giáo viên so sánh và nhận xét ống nghiệm ở hình 3 a trước khi đun và hiện tượng của ống nghiệm sau khi đun:
- GV yêu cầu các nhóm thảo luận nêu hiện tượng xảy ra trong TN và cho biết trong đất có những thành phần nào?	- HS thảo luận
- GV mời đại diện các nhóm trình bày, các nhóm nhận xét lẫn nhau.	- Đại diện các nhóm trình bày + Trước khi đun ống nghiệm chứa đất không có hiện tượng gì xảy ra. + Khi đun ống nghiệm chứa đất thấy

	xuất hiện những bong bóng nước nhỏ bám vào thành ống.
- GV nhận xét, khen ngợi HS. - GV kết luận: ***Sau khi đun ống nghiệm chứa đất thấy xuất hiện những giọt nước nhỏ bám vào thành ống nghiệm. Tthí nghiệm chứng tỏ trong đất có nước.*** **Hoạt động 3: Trong đất có chất khoáng, mùn và một số thành phần khác.**	- HS lắng nghe, ghi nhớ.
- GV cho HS hoạt động cá nhân quan sát hình 4 và đọc thông tin về thành phần của đất.  Hình 4. Thành phần của đất	- HS quan sát hình 4 và đọc thông tin.
- GV hỏi: + Ngoài không khí và nước trong đất còn có những thành phần nào?	- HS trả lời: + Ngoài không khí và nước, trong đất còn có chất khoáng, mùn và một số thành phần khác. (HS có thể kể thành phần của đất là chất dinh dưỡng hoặc các sinh vật, xác sinh vật, lá cây, rễ cây,...)
+ Thành phần nào có nhiều nhất ở trong đất?	+ Chất khoáng chiếm tỉ lệ nhiều nhất trong đất.
- GV kết luận: ***Trong đất có nước và không khí, chất khoáng, mùn,...***	- HS lắng nghe, ghi nhớ
3. Hoạt động luyện tập. - Mục tiêu: + HS kể tên được các thành phần của đất.	

- Cách tiến hành:	
Hoạt động nhóm - GV tổ chức cho HS trò chơi "Truyền điện" kể tên các thành phần của đất mà em biết. - GV tổng kết trò chơi. - GV nhận xét chung, tuyên dương.	- HS tham gia chơi + Không khí + Nước + Chất khoáng + Mùn + Một số thành phần khác .... - HS lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho nhóm bạn.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mĩ. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- Nhận xét tiết học . - Dặn dò: + Về nhà quan sát thêm các loại đất khác nhau xem các thành phần của chúng có khác nhau không. + Tìm hiểu vai trò của đất đối với cây trồng.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. - HS nghe và thực hiện - HS tìm hiểu về tác dụng của đất đối với cây trồng.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

TUẦN 1: CHỦ ĐỀ 1: CHẤT

Bài 1: THÀNH PHẦN VÀ VAI TRÒ CỦA ĐẤT ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

Năng lực khoa học: Nêu được một số thành phần của đất, trình bày được vai trò của đất đối với cây trồng.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: tích cực, chủ động tìm thông tin thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của bài học.

- Năng lực trách nhiệm: Thực hiện nhiệm vụ của nhóm, tìm hiểu thành phần và vai trò của đất đối với cây trồng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia nhiệm vụ nhóm và chia sẻ trong nhóm, trình bày kết quả nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chuẩn bị bài trước khi đến lớp, hăng say tìm tòi kiến thức bên ngoài để mở rộng hiểu biết và thường xuyên xem lại kiến thức bài cũ.

- Phẩm chất trách nhiệm: Hoàn thành các nhiệm vụ tự học cá nhân, nắm được và thực hiện tốt nhiệm vụ khi làm việc nhóm.

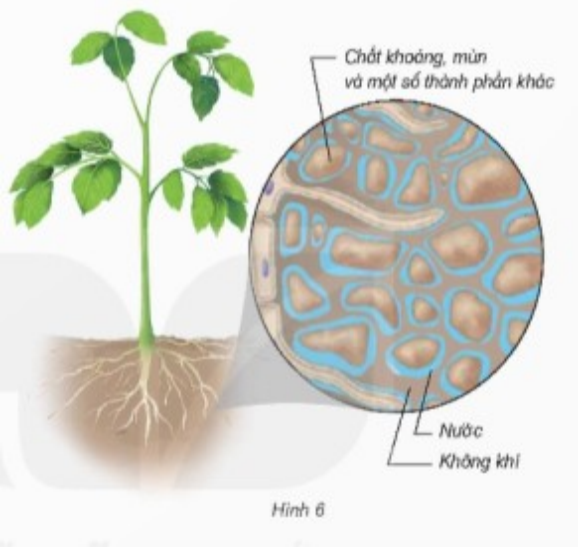
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK, tranh ảnh sưu tầm hoặc vật thể về các loại đất và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Nhắc lại được các thành phần của đất. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi "Mở mảnh ghép" Cách chơi - GV đưa ra các câu hỏi để HS trả lời. Ai có câu trả lời đúng sẽ mở được một mảnh ghép. Mở hết 4 mảnh ghép sẽ xuất hiện một bức ảnh cây mọc trên đất.	- Cả lớp lắng nghe và tham gia trò chơi. - HS trả lời 4 câu hỏi để mở 4 mảnh ghép. + Câu 1: Trong đất có những thành phần nào? + Câu 2:Thành phần nào có trong đất

 - GV khen ngợi HS tham gia chơi. - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Cây có thể sống và phát triển nhờ các thành phần của đất, Vậy đất có vai trò như thế nào đối với cây trồng?	nhiều nhất? + Câu 3: Mùn được hình thành từ đâu? + Câu 4: Kể tên một số loại đất mà em biết? - HS lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá: **-** Mục tiêu: + Nêu được vai trò của đất đối với cây trồng. **-** Cách tiến hành:	
Vai trò của đất đối với cây trồng. - GV gọi 1 HS đọc không thông tin. - GV yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát bộ rễ cây và thông tin ở hình 6 trả lời 2 câu hỏi SGK: + Câu 1: Rễ cây lấy những gì từ đất? + Câu 2: Vì sao cây có thể đứng vững không bị đổ?	- 1 HS đọc thông tin. - HS hoạt động nhóm, chú ý quan sát đến bộ rễ cây và thông tin gợi ý trong ảnh để phát hiện được kiến thức. + Câu 1: Rễ là bộ phận chủ yếu hút chất dinh dưỡng (chất khoáng, mùn), nước và không khí có trong đất. + Câu 2: Vì Rễ có vai trò bám vào lòng đất giúp cây đứng vững hơn, cố định cây ở vị trí ban đầu không bị đổ ngã.



Hình 6

- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.
- HS lắng nghe

- GV kết luận: Rễ cây lấy chất khoáng, mùn, nước, không khí giúp cho cây sống và phát triển tốt giữ cho cây đứng vững.
- Mở rộng: GV gọi 1 HS đọc thông tin phần "Em có biết" để biết thêm các loại đất khác nhau

- 1 HS đọc cả lớp lắng nghe.



Hình 5

- Liên hệ: Địa phương em chủ yếu có đất loại nào? Kể tên một số loại cây thích hợp trồng ở loại đất đó.

- 1 vài HS kể.

3. Hoạt động luyện tập.

- Mục tiêu:

+ HS trình bày được vai trò của đất đối với cây trồng.

+ HS trình bày được một số hoạt động làm thay đổi thành phần đất và tác dụng của nó.

+ HS trình bày được một số hoạt động làm tăng vai trò của đất với cây trồng.

- Cách tiến hành:	
3.1. Vai trò của đất với cây trồng - GV yêu cầu học sinh thảo luận nhóm trình bày vai trò của đất với cây trồng dựa vào nội dung hình 6. - GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác bổ sung ý kiến. - GV nhận xét, khen ngợi HS trình bày đúng. - GV cho HS xem video về vai trò của đất đối với cây trồng. https://youtu.be/zXxIa9TuN8c. - GV kết luận: ***vai trò của đất đối với cây trồng cung cấp nước không khí chất dinh dưỡng cho cây và giữ cho cây đứng vững.***	- HS thảo luận nhóm. - Đại diện nhóm trình bày, bổ sung. - HS lắng nghe, ghi nhớ. - HS xem video.
3.2. Hoạt động làm thay đổi thành phần đất và tác dụng của nó. - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 quan sát việc làm của máy móc và con người trong 2 bức tranh hình 9 và trả lời câu hỏi trong phiếu học tập.  a) Làm tơi đất  b) Bón phân hữu cơ cho đất Hình 9 - GV Gọi đại diện các nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác bổ sung ý kiến.	- HS thảo luận nhóm 2 và hoàn thành phiếu học tập. Tên nhóm:..... **PHIẾU HỌC TẬP** Các hoạt động của con người tác động đến đất trồng | Tên hoạt động | Thành phần của đất bị thay đổi | Tác dụng của hoạt động đối với đất | | --- | --- | --- | | Hình 9a: ..... | | | | Hình 9a: ..... | | | - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả: + Hoạt động hành 9a làm thay đổi thành phần không khí trong đất, giúp đất tơi xốp hơn và tăng không khí trong đất. + Hoạt động hành 9b làm thay đổi chất dinh dưỡng làm tăng chất khoáng và mùn cho đất, giúp cây trồng có thể sống và phát triển.

	- HS lắng nghe.
- GV nhận xét, khen ngợi HS và chốt kết quả đúng của từng tranh.	
3.2. Hoạt động làm tăng vai trò của đất đối với cây trồng. - GV yêu cầu học sinh hoạt động cá nhân kể thêm hoạt động làm tăng vai trò của đất đối với cây trồng mà em biết.	- 1 vài HS kể theo hiểu biết thực tế và thông tin đã sưu tầm: bón phân, vun xới đất, xây dựng hệ thống dẫn nước tưới cho cây trồng, ủ rơm rạ và rau củ dưới đất, tạo rãnh thoát nước,... - HS lắng nghe
- GV kết luận: ***Các hoạt động của con người đã làm thay đổi các thành phần của đất và có tác động đến chất lượng của đất đối với cây trồng.*** - GV cho HS đọc thông tin phần "Em có biết" để biết thêm thông tin về nông nghiệp thông minh và bền vững.	- 1 HS đọc cả lớp lắng nghe
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mĩ. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- Nhận xét tiết học . - Dặn dò: + Thực hiện xới đất và vun đất vào gốc cho cây trồng trong gia đình, + Tìm hiểu thông tin cho bài 2: ô nhiễm, xói mòn đất và bảo vệ môi trường đất.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. - HS nghe và thực hiện ở nhà. - HS tìm hiểu bài sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

BÀI 2: Ô NHIỄM XÓI MÒN ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT (T1)

I. Yêu cầu cần đạt

1. Năng lực đặc thù:

- Nêu được nguyên tắc, tác hại của ô nhiễm xói mòn đất và biện pháp chống ô nhiễm xói mòn đất.

- Đề xuất thực hiện được biện làm giúp bảo vệ môi trường đất và vận động những người xung quanh cùng thực hiện

2. Năng lực chung.

- Tự chủ và tự học: Tích cực và chủ động tìm hiểu về các nguyên nhân tác hại do ô nhiễm xói mòn đất và biện pháp bảo vệ môi trường đất qua các hoạt động sưu tầm tranh ảnh tư liệu...

- Giải quyết các vấn đề sáng tạo:Đề xuất, thực hiện được việc làm giúp bảo vệ môi trường đất giao tiếp và hợp tác tham gia nhiệm vụ nhóm chia sẻ trình bày kết quả

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chuẩn bị bài trước khi đến lớp, hăng say tìm tòi kiến thức bên ngoài để mở rộng hiểu biết và thường xuyên xem lại kiến thức bài cũ.

- Phẩm chất trách nhiệm: Hoàn thành các nhiệm vụ tự học cá nhân, nắm được và thực hiện tốt nhiệm vụ khi làm việc nhóm.

II. Đồ dùng dạy học

- Giáo viên: Video về bảo vệ môi trường (nếu có); các hình ảnh trong sách giáo khoa, thông tin Sưu tầm về ô nhiễm và xói mòn đất; bản ô chữ nhạc phần khởi; động cây hoa lá giấy bìa rác thải sinh hoạt thật hoặc minh họa, các loại thùng rác cho phần trò chơi;..

- Học sinh:Tranh ảnh thông tin sưu tầm về ô nhiễm và xói mòn đất; bảng điều tra về ô nhiễm đất đại địa phương; tranh vẽ, kịch biểu diễn thời trang tái chế bảo vệ môi trường đất.

III.Các hoạt động dạy học chủ yếu

Hoạt động giáo viên	Hoạt động học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học	

sinh tập trung.
- Cách tiến hành:

Giáo viên tổ chức chơi Tìm Chìa Khóa Vàng Cách chơi: Giáo viên đưa bảng ô chữ và yêu cầu học sinh Tìm các chữ các từ có nghĩa trong bảng mỗi từ một chìa khóa vàng ai có câu trả lời đúng và nhanh nhất sẽ được thưởng một chiếc chìa khóa vàng sau khi tìm được bốn chìa khóa vàng sẽ mở ra được kho báu là nội dung của bài học - Giáo viên nhận xét khen thưởng học sinh tham gia chơi - Giáo viên đưa bốn chìa khóa đã tìm để tìm được để giới thiệu nội dung bài học	HS nghe hướng dẫn cách chơi và quan sát bằng ô chữ. X O I M O N A S B Q N T Đ K A T H S A E O S I X T Y V X E K D U E V M T 4 từ khóa cần tìm : ô nhiễm, xói mòn , bảo vệ, đất HS lắng nghe, HS nghe và ghi vở

2. Hoạt động khám phá:
- Mục tiêu:
+ Nêu được một số nguyên nhân gây ô nhiễm đất.
+ Nêu được một số tác hạicuar ô nhiễm đất đối với thực vật, động vật và con người.
+ Nêu được một số biện pháp phòng chống ô nhiễm đất ở gia đình và địa phương.
- Cách tiến hành:

1. Nguyên nhân tác hại và biện pháp phòng chống ô nhiễm đất. **1.1. Các nguyên nhân gây ô nhiễm đất.** - Giáo viên gọi một học sinh đọc khung thông tin. - Quan sát hình 1 thảo luận và cho biết các nguyên nhân gây ô nhiễm đất. - các nhóm báo cáo kết quả thảo luận	- 1 HS đọc yêu cầu bài. - Cả lớp làm việc nhóm 4, quan sát hình 1 và thảo luận xác định các nguyên nhân gây ô nhiễm đất và báo cáo trước lớp: Hình 1a: Đưa quá nhiều lượng rác thải sinh hoạt ra môi trường. Hình 1b: Hiện tượng núi lửa phun trào

 Hình 1 - GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương các nhóm và chốt: *Ô nhiễm đất có thể do con người hoặc do các hiện tượng tự nhiên gây ra nhất định ô nhiễm chưa các chất thải nguy hại gây ảnh hưởng tiêu cực tới đời sống sinh vật và sức khỏe của con người.*	dung nham làm đất bị khô cứng, khó trồng trọt. Hình 1c: Nước chưa qua xử lí thải trực tiếp ra môi trường đất. Hình 1d: Sử dụng dư thừa thuốc trừ sâu, thuốc bảo vệ thực vật. – HS: Nguyên nhân do con người gây ra: không xử lí rác và nước trước khi thải ra môi trường, sử dụng dư thừa thuốc trừ sâu, thuốc bảo vệ thực vật (hình 1a, 1c, 1d) - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe.
1.2. Thực tế tác hại của ô nhiễm đất đối với thực vật, động vật và con người. - Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát hình 2 và từ thực tế cho biết tác hại của ô nhiễm môi trường đất đối với thực vật động vật và sức khỏe con người. 	- HS làm việc chung cả lớp, quan sát hình 2 và từ thực tế cho biết tác hại của ô nhiễm môi trường đất đối với thực vật động vật và sức khỏe con người. Đất bị ô nhiễm ảnh hưởng đến nguồn nước ngầm, gây tác hại đối với thực vật (cây trồng chậm lớn, chất lượng sản phẩm giảm); động vật (mắc các bệnh ngoài da, rời nơi ở hiện tại đến nơi khác để sinh sống làm gián đoạn chuỗi thức ăn); con người (có thể mắc các bệnh như ung thư, bệnh mãn tính, nhiễm độc gan và một số bệnh khác,...).

- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương các nhóm và chốt: *Ô nhiễm đất gây tác hại đến thực vật động vật và sức khỏe của con người.*	- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe.
1.3. Nêu các biện pháp phòng chống ô nhiễm đất. - GV mời HS quan sát hình 3 và thảo luận nhóm để xác định các biện pháp chống ô nhiễm đất. Đồng thời nêu thêm một số biện pháp phòng chống ô nhiễm đất (khuyến khích học sinh kể thêm càng nhiều càng tốt) - Mời các nhóm trình bày.  - GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương các nhóm và chốt: *Chúng ta cần những biện pháp cụ thể và hiệu quả để phòng chống ô nhiễm đất*	- HS làm việc nhóm 4, thảo luận nhóm để xác định các biện pháp chống ô nhiễm đất. Đồng thời nêu thêm một số biện pháp phòng chống ô nhiễm nhất đất - Các nhóm trình bày: Hình 3a:Tái chế thuế liệu để làm giảm chất thải ra môi trường Hình 3b: Hạn chế sử dụng thuốc trừ sâu thuốc bảo vệ thực vật. Hình 3c:Xử lý chất thải tốt nghiệp trước khi đưa ra môi trường Hình 3d:Ngăn chặn xâm nhập mặn ở các vùng đất ven biển. Một số biện pháp khác: Sử dụng sản phẩm sinh học như túi ni lông, túi màng bọc thực phẩm có thể phân hủy; rửa đất ở những vùng có ô nhiễm mặn... - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe.
3. Hoạt động luyện tập. - Mục tiêu:	

+ Nêu được một số những việc làm đã và đang gây ô nhiễm môi trường đất ở gia đình và địa phương. + Nêu được ý nghĩa của việc phân loại rác thải sinh hoạt - Cách tiến hành:	
2. Luyện tập - GV mời HS đọc yêu cầu bài. Cả lớp làm việc cá nhân. Suy nghĩ và nêu những việc làm đã và đang gây ô nhiễm môi trường đất ở gia đình và địa phương. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. - Giáo viên nhận xét, tuyên dương, chốt: *Chúng ta cần tránh các việc làm gây ô nhiễm môi trường đất ở gia đình và địa phương.* **2.Vì sao phải phân loại rác thải sinh hoạt.** - Giáo viên nêu vấn đề: các nhóm cùng thảo luận: Vì sao phải phân loại rác thải sinh hoạt khuyến khích học sinh đưa ra những lập luận ý kiến của mình để làm rõ vấn đề. - Giáo viên chốt kiến thức: *Chúng ta phân loại và xử lý rác thải cho hợp lý để bảo vệ môi trường đất*	- 1 HS đọc yêu cầu bài. - Cả lớp làm việc cá nhân, HS ghi những việc làm đã và đang gây ô nhiễm môi trường đất ở gia đình và địa phương vào vở và nêu trước lớp: Ví dụ: Địa phương có khu công nghiệp chất thải rắn hoặc nước thải chưa xử lý ra môi trường… Học sinh lắng nghe, góp ý, bổ sung - Học sinh: Vì sao phân loại rác thải sinh hoạt để có thể dễ dàng vận chuyển, tái chế; góp phần giảm lượng các rác thải ra môi trường nâng cao ý thức của cộng đồng về bảo vệ môi trường. Học sinh nghe và thực hiện
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS về nhà sưu tầm một số tài	- HS lắng nghe để về nhà thực hiện.

liệu về cách chống xói mòn đất. - Nhận xét, đánh giá tiết dạy. - Dặn dò về nhà	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC

.....

.....

.....

.....

BÀI 2: Ô NHIỄM XÓI MÒN ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT (T2)

I. Yêu cầu cần đạt

1. Năng lực đặc thù:

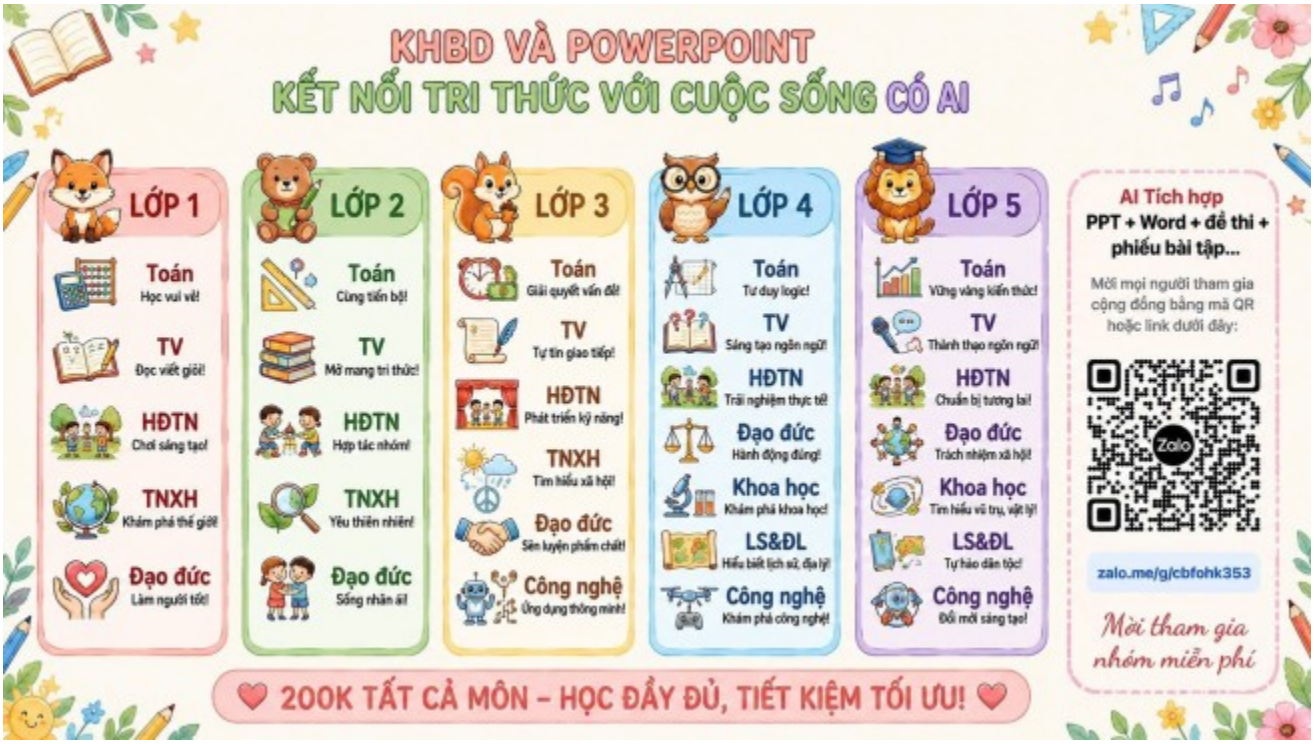
- Nêu được một số nguyên nhân gây xói mòn đất. Một số tác hại của xói mòn đất đối với thực vật, động vật và con người.

- Nêu được ý nghĩa của việc trồng cây gây rừng đối với việc chống xói mòn đất.

2. Năng lực chung.

- Tự chủ và tự học: Tích cực và chủ động tìm hiểu về các nguyên nhân gây xói mòn đất. Một số tác hại của xói mòn đất đối với thực vật, động vật và con người qua các

hoạt động sưu tầm tranh ảnh tư liệu...



- Giải quyết các vấn đề sáng tạo: Nêu được ý nghĩa của việc trồng cây gây rừng đối với việc chống xói mòn đất

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chuẩn bị bài trước khi đến lớp, hăng say tìm tòi kiến thức bên ngoài để mở rộng hiểu biết và thường xuyên xem lại kiến thức bài cũ.

- Phẩm chất trách nhiệm: Hoàn thành các nhiệm vụ tự học cá nhân, nắm được và thực hiện tốt nhiệm vụ khi làm việc nhóm.

II. Đồ dùng dạy học

- Giáo viên: Video về hiện tượng xói mòn đất, quang cảnh trồng rừng (nếu có)

- Học sinh:Tranh ảnh thông tin sưu tầm liên quan đến bài học.

III.Các hoạt động dạy học chủ yếu

Hoạt động giáo viên	**Hoạt động học sinh**
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Học sinh hứng thú để bắt đầu giờ học thông qua trò chơi kết nối vào bài học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	

- Giáo viên tổ chức cho học sinh chơi trò chơi:Ai nhanh mắt. Cách chơi: Giáo viên đưa lần lượt từng dòng chữ và yêu cầu học sinh sắp xếp các từ thành các cụm từ có nghĩa chỉ hiện tượng thiên nhiên. Học sinh trả lời đúng và nhanh nhất sẽ được thưởng. - Giáo viên nhận xét, khen học sinh tham gia trò chơi. - Giáo viên đưa vào các hiện tượng thiên nhiên vừa tìm được qua trò chơi để giới thiệu bài học và ghi bảng.	- Học sinh lắng nghe và thực hiện nhiệm vụ. làm mất lớp đất trên bề mặt phá hủy tầng đất bên dưới nước chảy ở vùng đất dốc Học sinh lắng nghe

2. Hoạt động khám phá:

- Mục tiêu: Nêu được một số nguyên nhân gây xói mòn đất. Một số tác hại của xói mòn đất đối với thực vật, động vật và con người.
- Cách tiến hành:

1. Nguyên nhân tác hại và biện pháp phòng chống xói mòn đất. - Giáo viên yêu cầu một học sinh đọc khung thông tin. - Giáo viên kết nối với nội dung học sinh tìm được ở hoạt động mở đầu dẫn dắt và hoạt động khám phá điều gì xảy ra khi môi trường đất nơi con người động vật và thực vật bị xói mòn? **1.1. Một số nguyên nhân gây xói mòn đất.** - Quan sát hình 1 thảo luận và cho biết các nguyên nhân gây xói mòn đất. - Các nhóm báo cáo kết quả thảo luận	- 1 HS đọc thong tin, cả lớp đọc thầm. - Cả lớp làm việc nhóm 4, quan sát hình 1 và thảo luận xác định các nguyên nhân gây xói mòn đất và báo cáo trước lớp: - Các nhóm quan sát thảo luận các hiện

 Hình 4 - GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV yêu cầu HS trao đổi, thảo luận: Kể thêm một số hoạt động của con người làm gia tăng xói mòn đất. - GV nhận xét, tuyên dương các nhóm và chốt: *Xói mòn đất có thể do thiên nhiên hoặccon người gây ra.*	tượng tự nhiên diễn ra trong sách giáo khoa và tránh sưu tầm nêu được một số nguyên nhân gây xói mòn đất. Hình 4a: Xói mòn do nước chảy. Hình 4b: Xói mòn do độ dốc của ở đất. Hình 4c: Xói mòn do gió Hình 4d: Xói mòn do con người chặt phá rừng. Nguyên nhân ở hình 4d do con người trực tiếp gây ra - Các nhóm nhận xét, bổ sung. - Học sinh có thể kể thêm khai thác đất quán cho phép không cải tạo đất làm mặt lớp đất che phủ bên trên mặt đất… Học sinh lắng nghe và ghi nhớ kiến thức
1.2. Thực tế tác hại của xói mòn đất đối với thực vật, động vật và con người. - Giáo viên mời học sinh làm việc chung, suy nghĩ và nêu tác hại của xói mòn đất đối với thực vật động vật và sức khỏe con người. - GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ	- HS làm việc chung cả lớp, suy nghĩ và nêu tác hại của xói mòn đất đối với thực vật động vật và sức khỏe con người. - Cá nhân nêu những tác hại của xói mòn đất đối với thực vật, động vật và con người và chia sẻ trước lớp: + Cuốn trôi tất cả dưỡng chất của đất, phá huỷ nhanh chóng kết cấu của đất. + Tạo các khe rãnh lớn gây xói mòn làm mất đất. + Cuốn các hạt đất bay đi làm mất đất. + Thành phần đất và các chất hữu cơ bị suy giảm. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

sung. - GV nhận xét, tuyên dương và chốt: *Đất bị xói mòn dẫn đến* mất đất, *cuốn trôi dưỡng chất, phá huỷ kết cấu của đất làm đất cằn cỗi, khó gieo, trồng, ảnh hưởng trực tiếp đến thực vật, động vật và con người.*	- HS lắng nghe.
1.3. Một số biện pháp phòng chống xói mòn đất. - GV mời HS quan sát hình 5, thảo luận nhóm để nêu các biện pháp chống xói mòn đất. Đồng thời nêu thêm một số biện pháp phòng chống xói mòn đất (khuyến khích học sinh kể thêm càng nhiều càng tốt) - Mời các nhóm trình bày.   - GV mời HS nêu thêm các biện pháp khác - GV mời các nhóm khác nhận xét. - GV nhận xét, tuyên dương và chốt: *Chúng ta cần những biện pháp cụ thể và hiệu quả để phòng chống xói mòn đất*	- HS làm việc nhóm 4, thảo luận nhóm để xác định các biện pháp chống xói mòn đất. Đồng thời nêu thêm một số biện pháp phòng chống xói mòn đất - Các nhóm trình bày: Hình 5a: Trồng cây gây rừng phủ xanh đất trống, đồi trọc để nước mưa không xối thẳng xuống mặt đất, giữ nước trong đất, hạn chế dòng nước chảy. Hình 5b: Trồng thảm cỏ giúp nước mưa thấm vào lòng đất, hạn chế tác động xói mòn khi mưa rơi xuống. Hình 5c: Xây bờ kè giảm tốc độ của dòng nước từ cao xuống thấp, giữ cho đất chặt hơn. - Biện pháp khác phòng chống xói mòn đất: Làm ruộng bậc thang; Trồng cây chắn gió, tưới nước để duy trì độ ẩm cho đất,.. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe.
3. Hoạt động luyện tập. - Mục tiêu: Nêu được ý nghĩa của việc trồng cây gây rừng đối với việc chống xói mòn	

đất. - Cách tiến hành:	
2. Luyện tập - GV mời HS đọc yêu cầu bài. Cả lớp làm việc cá nhân. Suy nghĩ và nêu nguyên nhân vì sao trồng cây gây rừng là biện pháp hiệu quả nhất để phòng chống xói mòn đất? - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. - GV hỏi thêm: Ở địa phương em có hiện tượng xói mòn đất không? Hiện tượng đó đang diễn ra như thế nào? - Giáo viên nhận xét, tuyên dương	 - 1 HS đọc yêu cầu bài. - Cả lớp làm việc cá nhân, HS ghi những ý kiến của mình vào vở và nêu trước lớp: + Rừng bảo vệ và cải tạo đất. Nhờ có tán lá xoè rộng như chiếc ô, nước mưa không xối thẳng xuống mặt đất, nắng không đốt cháy mặt đất, nên lớp đất trên mặt khó bị rửa trôi theo nước mưa. + Đất rừng hầu như tự bón phân, vì cành lá rơi rụng từ cây sẽ bị phân huỷ, tạo thành các chất dinh dưỡng, làm tăng độ màu mỡ của đất. Đất phì nhiêu, tơi xốp sẽ thấm tốt, giữ nước tốt và hạn chế xói mòn. + Rừng có tác dụng điều hoà dòng chảy trong sông ngòi và dưới đất. Những vùng có nhiều rừng che phủ sẽ giảm bớt được thiên tai hạn hán và lũ lụt. Học sinh lắng nghe, góp ý, bổ sung - HS trả lời theo hiểu biết của mình tại địa phương.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV giới thiệu: Ở Việt Nam, xói mòn đất do gió thường xảy ra ở một số dải đất cát ven biển miền trung, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất nông	- HS theo dõi

nghiệp và giao thông  - GV yêu cầu HS về nhà sưu tầm một số tài liệu về bảo vệ môi trường đất. - Nhận xét, đánh giá tiết dạy. - Dặn dò về nhà	- HS lắng nghe để về nhà thực hiện. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC

.....

.....

.....

.....

BÀI 2: Ô NHIỄM XÓI MÒN ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT (T3)

I. Yêu cầu cần đạt

1. Năng lực đặc thù:

- Nêu được ý nghĩa của một số việc làm để bảo vệ môi trường đất. Kể được việc làm để bảo vệ môi trường đất.

- Nêu được một số việc làm để thực hiện và vận động những người xung quanh cùng tham gia bảo vệ môi trường đất.

2. Năng lực chung.

- Tự chủ và tự học: Tích cực và chủ động tìm hiểu ý nghĩa của một số việc làm để bảo vệ môi trường đất.

- Giải quyết các vấn đề sáng tạo: Đề xuất được những việc làm để bảo vệ môi trường.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chuẩn bị bài trước khi đến lớp, hăng say tìm tòi kiến thức bên ngoài để mở rộng hiểu biết và thường xuyên xem lại kiến thức bài cũ.

- Phẩm chất trách nhiệm: Hoàn thành các nhiệm vụ tự học cá nhân, nắm được và thực hiện tốt nhiệm vụ khi làm việc nhóm.

II. Đồ dùng dạy học

- Giáo viên: Video về bảo vệ môi trường đất (nếu có); các hình ảnh trong sách giáo khoa, thông tin Sưu tầm về một số việc làm để bảo vệ môi trường đất

- Học sinh:Tranh ảnh thông tin sưu tầm về một số việc làm để bảo vệ môi trường đất.

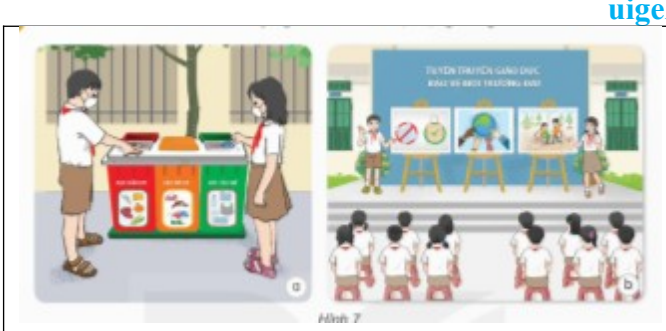
III.Các hoạt động dạy học chủ yếu

<table>
<tr><th>Hoạt động giáo viên</th><th>Hoạt động học sinh</th></tr>
<tr><td colspan="2">1. Khởi động:
- Mục tiêu: Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.
- Cách tiến hành:</td></tr>
<tr><td>- Giáo viên tổ chức cho học sinh múa hát bài Chung tay bảo vệ môi trường
- Giáo viên nhận xét khen học sinh tham gia.
- Giáo viên đưa nội dung bài hát để giới thiệu nội dung tiết học ghi bảng.</td><td>Học sinh múa hát theo giai điệu của bài hát.

Học sinh nghe</td></tr>
<tr><td colspan="2">2. Hoạt động khám phá:
- Mục tiêu:
+ Nêu được ý nghĩa của một số việc làm để bảo vệ môi trường đất..
+ Kể được việc làm để bảo vệ môi trường đất.
+ Đề xuất được những việc làm để bảo vệ môi trường.
- Cách tiến hành:</td></tr>
<tr><td>1. Bảo vệ môi trường đất.
1.1. ý nghĩa của một số việc làm để bảo vệ môi trường đất.
- Giáo viên gọi một học sinh đọc khung thông tin.
- Quan sát hình 7 thảo luận và cho biết ý nghĩa các hoạt động trong hình.
- Các nhóm báo cáo kết quả thảo luận</td><td>

- 1 HS đọc yêu cầu bài.

- Cả lớp làm việc nhóm 4, quan sát hình 7 và thảo luận nêu ý nghĩa các hoạt động trong hình và báo cáo trước lớp:
Hình 7a: Phân loại để giảm lượng rác thải ra mỗi ra môi trường tăng lượng rác</td></tr>
</table>

 - GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương các nhóm và chốt: *Để giảm lượng rác thải ra mỗi ra môi trường tăng lượng rác thải có thể tái chế và tuyên truyền để mọi người nâng cao ý thức bảo vệ môi trường đất.*	thải có thể tái chế. Hình 7b: tuyên truyền vận động để nâng cao ý thức của cộng đồng trong việc bảo vệ môi trường đất. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe.
1.2. Kể được việc làm để bảo vệ môi trường đất. - Giáo viên phát cho mỗi nhóm một số bông hoa bằng giấy yêu cầu học sinh viết các việc làm em đã bảo vệ môi trường đất vào các bông hoa rồi dán lên cây xanh được gắn trên bảng - Giáo viên đọc nội dung được ghi trên một số bông hoa và yêu cầu học sinh cùng nhận xét. -Giáo viên tuyên dương học sinh đã có những việc làm tốt để bảo vệ môi trường đất.	 - Học sinh viết vào bông hoa rồi dán lên cây xanh trên bảng ví dụ: trên bông hoa giấy viết phân loại rác thải sử dụng sản phẩm tái chế. Học sinh nghe và nhận xét các việc làm được ghi trên hoa giấy của các bạn. Học sinh lắng nghe
1.3. Đề xuất được những việc làm để bảo vệ môi trường. - Giáo viên tiếp tục phát cho mỗi nhóm một chiếc lá bằng giấy yêu cầu học sinh viết đề xuất những việc làm để bảo vệ môi trường đất vào những chiếc lá rồi gắn lên cây xanh để trên bảng . - Giáo viên đọc nội dung được ghi trên	 - Học sinh viết rồi dán lên cây xanh trên bàn ví dụ trên chiếc lá Giấy viết các đề xuất trồng cây xanh tham gia Tuyên truyền vận động,… - Học sinh lắng nghe và nhận xét các

chiếc lá và yêu cầu học sinh cùng nhận xét	việc làm được y trong lán giấy của các bạn
3. Hoạt động luyện tập. - Mục tiêu: Nêu được một số việc làm để thực hiện và vận động những người xung quanh cùng tham gia bảo vệ môi trường đất. - Cách tiến hành:	
2. Luyện tập - Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận nhóm 4 hoặc 6 học sinh, nêu một số việc làm để thực hiện và vận động những người xung quanh tham gia vào việc bảo vệ môi trường đất. -Giáo viên yêu cầu các nhóm trình bày kết quả các nhóm khác nhận xét bổ sung. - Giáo viên chốt kiến thức: *Cần tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường đất và vận động những người xung quanh cùng tham gia.*	- Học sinh tham gia thảo luận nhóm và cùng lựa chọn nội dung cách trình bày bảo vệ môi trường đất của nhóm mình. - Các nhóm trình bày kết quả với nhiều hình thức khác nhau như tranh vẽ, diễn kịch, biểu diễn thời trang tái chế, hát vè hùng biện… về việc làm để thể hiện và vận động những người xung quanh tham gia vào việc bảo vệ môi trường đất. - Học sinh nghe và ghi nhớ.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- Giáo viên tổ chức cho học sinh tổng kết bài học theo nội dung mục: Em đã học. -Giáo viên khuyến khích học sinh chia sẻ với mọi người xung quanh vì sao phải trồng cây gây rừng và phủ xanh rất trống đồi chập và vì sao phải thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt trong gia đình.	- Đại diện học sinh đọc học sinh lắng nghe. - Học sinh nghe và thực hiện theo yêu cầu của giáo viên.

Dặn dò: Học sinh hiểu nội dung Bài 3 hỗn hợp và dung dịch chuẩn bị đồ thí nghiệm cho tiết học.	Học sinh chuẩn bị trước khi đến lớp

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC

.....

.....

.....

TUẦN 3: **CHỦ ĐỀ 1: CHẤT**

Bài 3: HỖN HỢP VÀ DUNG DỊCH (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực khoa học tự nhiên:

- Phân biệt được hỗn hợp và dung dịch từ các ví dụ đã cho.
- Thực hành tách muối hoặc đường ra khỏi dung dịch muối hoặc đường.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu các thí nghiệm tạo ra dung dịch và hỗn hợp qua các hoạt động: sưu tầm tranh ảnh, vật thật để tiến hành thí nghiệm, …
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nêu được một số hỗn hợp và dung dịch; tạo được 1 số hỗn hợp và dung dịch ngoài sách giáo khoa.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nhận biết và trao đổi với bạn và mọi người về vai trò của hỗn hợp và dung dịch trong đời sống. Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tim tòi để mở rộng hiểu biết vận dụng những kiến thức đã học về hỗn hợp và dung dịch vào trong cuộc sống.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể. Yêu thích khi làm thí nghiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

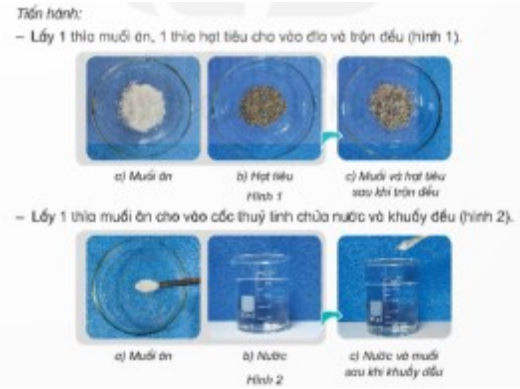
- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.
- Dụng cụ thí nghiệm theo nhóm và theo yêu cầu của mỗi thí nghiệm

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi: **Nhà ẩm thực thông thái.** - GV chia nhóm - Cách chơi: GV đưa ra 4 loại nước: nước đường, nước muối, nước coca, nước khoáng đựng trong 4 chai bịt kín giống nhau. GV đố HS tìm được chai chứa nước muối. - GV nhận xét, khen học sinh tham gia chơi. - Vì sao em biết đấy là mước muối? - Vì sao nước muối có vị mặn? - Trong tự nhiên em biết nước nào có vị mặn? - GV nhận xét và GTB: Nước biển là một ví dụ sinh động về hỗn hợp và dung dịch mà chúng ta có thể dễ dàng liên hệ trong cuộc sống hàng ngày. Hiểu về hỗn hợp và dung dịch không chỉ giúp các em hiểu sâu hơn về cấu tạo của các chất xung quanh chúng ta mà còn áp dụng vào nhiều lĩnh vực khác nhau trong khoa học và đời sống. Hôm nay, lớp chúng mình sẽ cùng nhau đến với bài học "Hỗn hợp và dung dịch".	- HS nghe hướng dẫn cách chơi và tham gia. Mỗi nhóm cử một đại diện lên chơi. HS có thể uống một ngụm nước trong chai để tìm một chai nước muối. - Vì nó mặn - Nước muối mặn vì có muối. - Nước biển - HS lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá: - Mục tiêu: + HS thực hiện được thí nghiệm tạo hỗn hợp và dung dịch. + Phân biệt được hỗn hợp và dung dịch từ các ví dụ đã cho. - Cách tiến hành:	
Hoạt động 1: thực hiện được thí nghiệm tạo hỗn hợp và dung dịch.	

- GV yêu cầu các nhóm báo cáo việc chuẩn bị dụng cụ thí nghiệm H1,2 theo phân công
- GV nhận xét việc chuẩn bị của các nhóm.
- GV giao nhiệm vụ cho các nhóm:

+ Quan sát H1 và H2



+ Tiến hành làm thí nghiệm.

+ Dựa vào thông tin TLCH: thí nghiệm nào tạo ra hỗn hợp? Thí nghiệm nào tạo ra dung dịch? Vì sao em biết

- GV quan sát, hướng dẫn, góp ý với từng nhóm để hoàn thiện phiếu TN của nhóm.
- Tổ chức cho HS các nhóm báo cáo kết quả, nhóm khác nhận xét và bổ sung.
- GV hỏi:

- HS đọc thông tin.
- Đại diện các nhóm báo cáo
- Các nhóm làm thí nghiệm và hoàn thành phiếu thí nghiệm.

Nhóm: ….

PHIẾU TN

Phân biệt hỗn hợp và dung dịch

Chuẩn bị	**cách tiến hành**	**hiện tượng**	**kết luận**
một thìa muối ăn, một thìa hạt tiêu	trộn muối ăn và hạt tiêu vào nhau.	Sau khi trộn vẫn nhìn thấy hạt muối và hạt tiêu.	Tạo ra hỗn hợp.
Một thìa muối ăn, cốc thủy tinh chứa nước.	Cho muối ăn vào cốc thủy tinh chứa nước và khuấy đều.	Sau khi khuấy tan không còn nhìn thấy muối ăn.	Tạo ra dung dịch; dung dịch cũng là một hỗn hợp.

+ Trong hỗn hợp ở TN1 nhận xét về tính chất của muối và hạt tiêu sau khi trộn vào nhau. + Trong dung dịch ở TN2, nhận xét về tính chất của muối và nước sau khi khuấy tan vào nhau. - GVKL: ***hỗn hợp được tạo thành từ 2 hay nhiều chất trộn lẫn với nhau. Hỗn hợp chất lỏng với chất rắn hoặc hỗn hợp chất lỏng với chất lỏng hòa tan, phân bố đều vào nhau tạo thành dung dịch. Dung dịch là một trường hợp đặc biệt của hỗn hợp.*** - GV nhận xét, tuyên dương. **Hoạt động 2: Phân biệt được hỗn hợp và dung dịch** - GV tổ chức cho HS làm việc nhóm theo kỹ thuật khăn trải bàn. - GV yêu cầu các nhóm quan sát H3, thảo luận và cho biết hỗn hợp nào là dung dịch. Giải thích  - Yêu cầu đại diện nhóm lên trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung, - GVKL: ***trong cuộc sống có rất nhiều các hỗn hợp và dung dịch được tạo ra từ các chất. Hỗn hợp hay dung dịch được phân biệt dựa vào độ hòa tan và phân bố đều của các chất trong đó.***	- Trong hỗn hợp ở TN1, sau khi trộn vào nhau muối và hạt tiêu giữ nguyên tính chất của nó. - Trong dung dịch ở TN2, sau khi khuấy muối vào nước thì hòa tan, phân bố đều vào nhau. - HS lắng nghe và ghi nhớ kiến thức. - HS trao đổi và hoàn thiện sản phẩm làm việc nhóm: hỗn hợp H3c, 3d là dung dịch vì cốc trong suốt và không nhìn thấy giấm, đường ở trong cốc sau khi khuấy đều và để vài phút. - Đại diện nhóm trình bày. - HS nghe và ghi nhớ kiến thức

3. Hoạt động luyện tập, vận dụng. - Mục tiêu: + HS nêu được một số ví dụ về hỗn hợp và dung dịch trong cuộc sống. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi truyền điện: yêu cầu HS lấy thêm ví dụ về hỗn hợp, dung dịch trong cuộc sống mà em biết. - GV tổng kết trò chơi. - GV nhận xét chung, tuyên dương.	- HS tham gia chơi. + Hỗn hợp: nước cam, nước chanh, gia vị muối tiêu, gói ngũ cốc, … + Dung dịch: rượu hòa tan vào nước phải thực phẩm màu hòa tan trong nước, nước mắm hòa tan trong nước, ….
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò: + Về nhà thực hành tạo ra các hỗn hợp và dung dịch có sẵn trong cuộc sống hàng ngày và chia sẻ với bạn cách làm vào tiết học sau. + Tìm hiểu tác dụng của nước muối 0,9% trong cuộc sống ở mục "Em có biết?" Và cách tách muối ra khỏi dung dịch muối	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. - HS nghe và thực hiện - HS tìm hiểu về tác dụng của nước muối 0,9% và chuẩn bị cho tiết học sau theo yêu cầu.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

.....

TUẦN 4: **CHỦ ĐỀ 1: CHẤT**

Bài 3: HỖN HỢP VÀ DUNG DỊCH (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực khoa học tự nhiên:

- Phân biệt được hỗn hợp và dung dịch từ các ví dụ đã cho.
- Thực hành tách muối hoặc đường ra khỏi dung dịch muối hoặc đường.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu các thí nghiệm tạo ra dung dịch và hỗn hợp qua các hoạt động: sưu tầm tranh ảnh, vật thật để tiến hành thí nghiệm, …
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nêu được một số hỗn hợp và dung dịch; tạo được 1 số hỗn hợp và dung dịch ngoài sách giáo khoa.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nhận biết và trao đổi với bạn và mọi người về vai trò của hỗn hợp và dung dịch trong đời sống. Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tim tòi để mở rộng hiểu biết vận dụng những kiến thức đã học về hỗn hợp và dung dịch vào trong cuộc sống.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể. Yêu thích khi làm thí nghiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.
- Dụng cụ thí nghiệm theo nhóm và theo yêu cầu của mỗi thí nghiệm

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, GV dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút HS tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi: **Siêu đầu bếp nhí** - GV chia lớp thành các nhóm. - Cách chơi: GV đưa ra tên của một số món ăn hoặc thức uống: nước cam có cả tép cam, nước cốt chanh pha nước đường, gia vị muối tiêu, trà sữa trân châu, nước mắm hòa tan trong nước, mì trộn, cơm rang thập cẩm, salad rau củ, nước muối, … GV yêu cầu HS cho biết món nào là dung dịch, món nào là hỗn	- HS nghe hướng dẫn cách chơi và tham gia. Mỗi nhóm cử một đại diện lên chơi. + dung dịch: nước cốt chanh pha nước đường, nước mắm hòa tan trong nước, nước muối.

hợp. - GV nhận xét, tuyên dương. - GTB: Các em có bao giờ tự hỏi làm thế nào để chúng ta có thể lấy lại muối từ nước biển? Đây là những kiến thức không chỉ hữu ích trong học tập mà còn áp dụng trong nhiều lĩnh vực của đời sống. Hôm nay, cô sẽ giới thiệu một chủ đề rất thú vị và thực tế, liên quan đến những gì chúng ta gặp gỡ hàng ngày – đó là cách tách muối ra khỏi dung dịch.	+ hỗn hợp: nước cam có cả tép cam, gia vị muối tiêu, trà sữa trân châu, mì trộn, cơm rang thập cẩm, salad rau củ. - HS lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá: **-** Mục tiêu: + HS thực hành tách muối ra khỏi dung dịch muối. **-** Cách tiến hành:	
Hoạt động 1: tách muối ra khỏi dung dịch muối - GV tổ chức cho HS thực hành làm thí nghiệm tách muối ra khỏi dung dịch muối. - GV yêu cầu các nhóm báo cáo việc chuẩn bị dụng cụ thí nghiệm H5 theo phân công - GV nhận xét việc chuẩn bị của các nhóm. - GV giao nhiệm vụ cho các nhóm: + Quan sát H5  + Tiến hành làm thí nghiệm theo các bước trong SGK. Ghi chép dự đoán hiện tượng xảy ra với dung dịch muối khi đun; hiện tượng xảy ra khi đun dung dịch muối và so sánh với dự đoán ban	- HS đọc thông tin. - Đại diện các nhóm báo cáo - Các nhóm làm thí nghiệm và hoàn thành phiếu thí nghiệm Nhóm: .... **PHIẾU TN** Tách muối ra khỏi dung dịch muối **Dụng cụ thí nghiệm** | **cách tiến hành** | **giải thích hiện tượng** | **những lưu ý khi tiến hành TN**

đầu. + Hoàn thành phiếu thí nghiệm. - GV quan sát, hướng dẫn, góp ý với từng nhóm để hoàn thiện phiếu TN của nhóm mình. - Tổ chức cho HS các nhóm báo cáo kết quả tách muối ra khỏi dung dịch muối. Gọi các nhóm khác nhận xét và bổ sung. - GVKL: ***có thể tách muối ra khỏi dung dịch muối bằng phương pháp cô cạn.***	 - Các nhóm báo cáo kết quả. - HS lắng nghe và ghi nhớ kiến thức.
3. Hoạt động luyện tập. - Mục tiêu: + HS nói được cách tách muối ra khỏi dung dịch muối. + HS nói được cách sản xuất muối từ nước biển. - Cách tiến hành:	
3.1. Nói với bạn - GV yêu cầu HS nói với bạn về cách tách muối ra khỏi dung dịch muối theo nhóm đôi. - GV gọi HS nêu lại cách tách muối ra khỏi dung dịch muối trước lớp. **3.2. Người dân ở vùng ven biển** - GV liên hệ thực tế: người dân ở vùng ven biển làm cách nào để sản xuất muối từ nước biển?	- HS nói với bạn cùng bàn. - 2 HS nêu lại cách làm: + Cho một thìa muối ăn vào cốc thủy tinh chứa 80 ml nước, khuấy đều. + Lấy 5 đến 6 thìa dung dịch muối cho vào bát sứ và đặt bát lên trên kiềng sắt có lưới tản nhiệt. + Đốt nến và đưa cốc nến vào phía dưới lưới tản nhiệt. Khi đun dung dịch muối sẽ nóng lên và bốc hơi. Sau vài phút thì có hiện tượng nước bốc hơi hết và chỉ còn lại muối trắng trong bát. - Để sản xuất muối từ nước biển người ta dẫn nước biển vào các ruộng cát, sau đó lợi dụng sức nóng của mặt trời làm nước bốc hơi, muối không bay hơi sẽ đọng lại trên đồng muối để thu hoạch.

- GV mở video quy trình sản xuất muối biển: *https://www.youtube.com/watch?v=ksjxm_aRK88* - GV KL: ***muối được làm ra từ nước biển trong tự nhiên***	- HS xem video. - HS nghe và ghi nhớ kiến thức

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ Tạo ra được một hỗn hợp nước chấm hoặc món ăn đơn giản có thể dùng trong bữa ăn

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học xong bài học.

- Cách tiến hành:

- GV cho các nhóm tiến hành làm một vài món ăn, dung dịch hoặc hỗn hợp nước chấm phục vụ cho bữa ăn hằng ngày. Lưu ý: Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và vệ sinh lớp học sau khi thực hiện.	- HS dựa vào những hiểu biết và kiến thức được học trong bài để làm ra một vài món ăn, dung dịch hoặc hỗn hợp nước. Phục vụ cho bữa ăn hằng ngày như: nước mắm chanh, muối gia vị hạt tiêu chanh ớt, salad rau củ, mì trộn, nước chanh, ….
- GV nhận xét và khen HS đã biết tạo ra những món ăn và phân biệt chúng là dung dịch hay hỗn hợp.	
- GV yêu cầu HS đọc tổng kết nội dung bài học ở mục "em đã học". - Nhận xét sau tiết dạy.	- HS đọc.
- Dặn dò: Về nhà tạo ra một hỗn hợp lớp. Hoặc món ăn đơn giản có thể dùng trong bữa ăn.	- Dựa vào những hiểu biết và kiến thức đã học để làm ra một vài món ăn (là hỗn hợp).
+ Tìm hiểu nội dung bài 4, chuẩn bị dụng cụ thí nghiệm cho tiết học.	- HS nghe, chuẩn bị trước khi đến lớp.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

.....

TUẦN 4: **CHỦ ĐỀ 1: CHẤT**

Bài 4: ĐẶC ĐIỂM CỦA CHẤT Ở TRẠNG THÁI RẮN, LỎNG, KHÍ. SỰ BIẾN ĐỔI TRẠNG THÁI CỦA CHẤT (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

Năng lực nhận thức khoa học tự nhiên:

+ Nêu được ở mức độ đơn giản một số đặc điểm của chất ở trạng thái rắn, lỏng, khí.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực, chủ động tìm hiểu về đặc điểm của chất ở trạng thái rắn, lỏng, khí và sự biến đổi trạng thái của chất trong đời sống.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nêu được một số đặc điểm của chất ở trạng thái rắn, lỏng, khí.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia nhiệm vụ nhóm, chia sẻ, trình bày kết quả nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Học sinh ham thích tìm hiểu khoa học, yêu thích môn học.

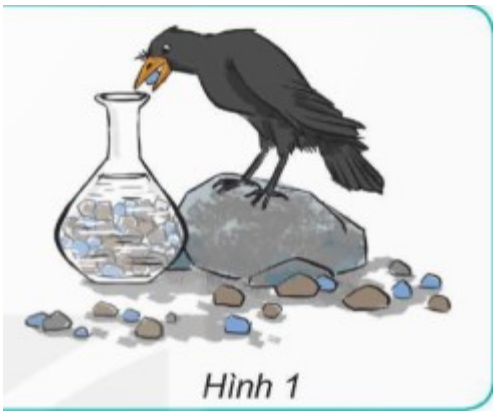
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS quan sát bức tranh mở đầu trong SGK (Hình 1) kết hợp cho HS xem video "Chú quạ thông minh". + GV tổ chức cho HS chia sẻ về hiểu biết của mình qua câu hỏi: + Theo em, con quạ có thể uống nước được	- Cả lớp quan sát tranh. - HS1: Con quạ có thể uống nước

không? + Vì sao? - GV mời một số học sinh chia sẻ.  Hình 1 - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Nhờ có viên sỏi mà quạ đã uống được nước. Viên sỏi tồn tại ở dạng rắn và không bị tan trong nước. Vậy đặc điểm của chất ở các trạng thái khác nhau như rắn, lỏng, khí sẽ như thế nào? Hôm nay, lớp chúng mình sẽ cùng nhau đến với bài học "Đặc điểm của chất ở trạng thái rắn, lỏng, khí. Sự biến đổi trạng thái của chất".	được. - HS2: Vì khi thả viên sỏi vào bình thì nước trong bình sẽ dâng lên cao hơn so với ban đầu. - HS lắng nghe.

2. Hoạt động khám phá:

- Mục tiêu:

+ Học sinh nêu được ở mức độ đơn giản một số đặc điểm của chất ở trạng thái rắn, lỏng, khí.

- Cách tiến hành:

Hoạt động khám phá 1. Phân biệt ba trạng thái của chất.

- GV yêu cầu HS đọc thông tin, thảo luận nhóm 4:

Sắp xếp các chất: *muối ăn, hơi nước, nhôm, ni-tơ, nước uống, dầu ăn, giấm ăn, ô-xi, thủy tinh* (ở nhiệt độ bình thường) vào vị trí thích hợp theo bảng gợi ý dưới đây.

Trạng thái rắn	Trạng thái lỏng	Trạng thái khí
?	?	?

- HS thảo luận và sắp xếp các chất đã cho vào vị trí thích hợp.

Trạng thái rắn	Trạng thái lỏng	Trạng thái khí
muối ăn,	*nước*	*hơi nước,*



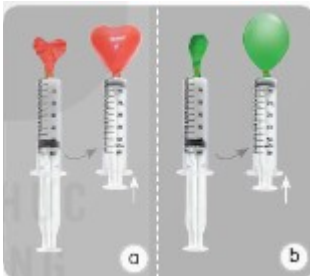
- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.
- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV cho HS thi kể thêm các chất tồn tại ở ba thể rắn, lỏng, khí.

- GV kết luận: ***Các chất có thể tồn tại ở ba thể: lỏng thể rắn, thể khí.***
- GV nhận xét, tuyên dương.

Hoạt động khám phá 2. Đặc điểm cơ bản của chất ở trạng thái rắn, lỏng, khí.

- GV tổ chức GV chia lớp thành 6 nhóm chuyên gia, tổ chức dạy học theo trạm: Ở mỗi trạm, HS quan sát hình để trả lời câu hỏi và ghi kết quả theo mẫu bảng gợi ý.

Nhóm 1 và nhóm 4:



+ HS quan sát phần không khí trong bơm tiêm và trong bóng bay ở hình 2 để trả lời câu hỏi: *Chất ở trạng thái khí có hình dạng xác định hay có hình dạng của vật chứa nó?*

+ HS tiếp tục quan sát vị trí của ruột bơm tiêm ở hình 3 để trả lời câu hỏi: *Chất ở trạng thái khí chiếm khoảng không gian*

nhôm, thủy tinh (ở nhiệt độ bình thường)	*uống, dầu ăn, giấm ăn*	*ni-tơ, ô-xi*

- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

- HS kể tên:
+ *Trạng thái rắn: Bánh mì, sắt, cốc,...*
+ *Trạng thái lỏng: Sữa, xăng, coca,...*
+ *Trạng thái khí: Khói, hi-đờ-rô,...*
- HS lắng nghe.

- HS lắng nghe nhiệm vụ để chuẩn bị thực hiện.
- Các nhóm thảo luận và tiến hành thực hiện theo yêu cầu.

+ Kết quả quan sát hình 2, 3:

Trạng thái	**Hình dạng**	**Chiếm khoảng không gian**
Khí	Không xác định/có hình dạng của vật chứa	Không xác định

xác định hay không xác định?

Nhóm 2 và nhóm 5:

+ HS quan sát hình dạng của nước khi thay đổi vật chứa ở hình 4 để trả lời câu hỏi: *Chất ở trạng thái lỏng có hình dạng xác định hay có hình dạng của vật chứa nó?*



+ HS tiếp tục quan sát để so sánh số mi-li-lít nước trong ống đong và bình tam giác ở hình 4 để trả lời câu hỏi: *Chất ở trạng thái lỏng chiếm khoảng không gian xác định hay không xác định?*

Nhóm 3 và nhóm 6:

+ HS đọc thông tin, quan sát hình 5 để nhận xét đặc điểm về hình dạng của chất ở trạng thái rắn.



+ HS tiếp tục quan sát mức nước trước và sau khi thả viên đá ở hình 6 và trả lời câu hỏi: *Chất ở trạng thái rắn chiếm khoảng không gian xác định hay không xác định?*



-

- GV yêu cầu các nhóm 1, 2, 3 và 4, 5, 6 di chuyển tạo thành các nhóm mới có đủ các nội dung thảo luận từ nhóm chuyên gia và trình bày trong nhóm mới.

- GV mời đại diện 1 nhóm lên trình bày, các nhóm khác nghe, nhận xét và bổ sung.

+ Kết quả quan sát hình 4:

Trạng thái	**Hình dạng**	**Chiếm khoảng không gian**
Lỏng	Không xác định/có hình dạng của vật chứa	Xác định

+ Kết quả quan sát hình 5,6:

Trạng thái	**Hình dạng**	**Chiếm khoảng không gian**
Rắn	Xác định	Xác định

- Các nhóm di chuyển và tạo thành nhóm mới.

- Đại diện nhóm chia sẻ.

- GV nhận xét, tuyên dương và kết luận:

Trạng thái	Hình dạng	Chiếm khoảng không gian
Khí	Không xác định và có hình dạng của vật chứa	Không xác định
Lỏng		Xác định
Rắn	Xác định	Xác định

- HS lắng nghe và chốt kiến thức.

3. Hoạt động luyện tập.

- Mục tiêu:

+ Củng cố những kiến thức về đặc điểm của chất ở trạng thái rắn, lỏng, khí.

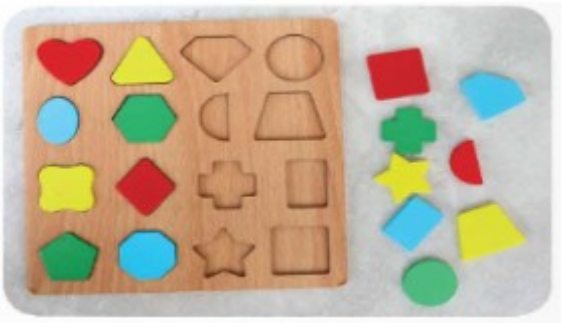
- Cách tiến hành:

3.1. Hoạt động trò chơi: "Nhà tớ ở đâu?"

- GV tổ chức trò chơi "**Nhà tớ ở đâu?**"

- Luật chơi:

GV tổ chức cho HS chơi trò chơi tìm hình để đưa mảnh ghép vào.



- Người ta đã vận dụng đặc điểm nào của chất ở trạng thái rắn trong trò chơi xếp hình ở hình 7?

- GV nhận xét, khen ngợi HS có câu trả lời tốt.

- HS lắng nghe luật chơi.

- HS tham gia chơi.

- Vận dụng được đặc điểm của chất ở trạng thái rắn có hình dạng xác định.

3.2. Phản hồi thông tin

- GV yêu cầu cá nhân HS suy nghĩ trả lời câu hỏi:

Con quạ trong hoạt động mở đầu đã làm gì để nước dâng lên trong bình? Lượng nước

- Để mực nước trong bình dâng lên, con quạ đã gắp sỏi cho vào bình

dâng lên thể hiện rõ đặc điểm nào của chất ở trạng thái rắn? - GV mời 1 HS trả lời, các HS khác chú ý lắng nghe để nhận xét và bổ sung. - GV nhận xét, chốt kiến thức: ***Trong cuộc sống có rất nhiều tình huống cần dựa vào đặc điểm của chất để giải quyết vấn đề.***	chứa nước. Lượng nước dâng lên thể hiện rõ chất ở trạng thái rắn chiếm khoảng không gian xác định. - HS lắng nghe và ghi nhớ kiến thức.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV mời HS chia sẻ về một số vật chất xung quanh trong lớp và cho biết chất đó tồn tại ở thể nào? - GV nhận xét tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- Học sinh tham gia chia sẻ về một số vật chất xung quang và xác định thể tồn tại của chất đó. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

TUẦN 5: **CHỦ ĐỀ 1: CHẤT**

Bài 4: ĐẶC ĐIỂM CỦA CHẤT Ở TRẠNG THÁI RẮN, LỎNG, KHÍ. SỰ BIẾN ĐỔI TRẠNG THÁI CỦA CHẤT (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

Năng lực nhận thức khoa học tự nhiên:

+ Nêu được ở mức độ đơn giản một số đặc điểm của chất ở trạng thái rắn, lỏng, khí.

+ Trình bày được ví dụ về biến đổi trạng thái của chất.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực, chủ động tìm hiểu về sự biến đổi trạng thái của chất trong đời sống.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Trình bày được ví dụ về biến đổi trạng thái của chất.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia nhiệm vụ nhóm, chia sẻ, trình bày kết quả nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Học sinh ham thích tìm hiểu khoa học, yêu thích môn học.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

<table>
<tr><th>Hoạt động của giáo viên</th><th>Hoạt động của học sinh</th></tr>
<tr><td colspan="2">1. Khởi động:
- Mục tiêu:
+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.
+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.
- Cách tiến hành:</td></tr>
<tr><td>- GV tổ chức trò chơi “Ai tinh mắt”.
+ + GV đưa ra bảng ô chữ chủ đề Chất, yêu cầu HS tìm ra các từ có nghĩa trong bảng.
+ Ai có câu trả lời đúng và nhanh nhất sẽ được thưởng.
<table>
<tr><td>T</td><td>R</td><td>A</td><td>N</td><td>G</td><td>T</td><td>H</td><td>A</td><td>I</td></tr>
<tr><td>H</td><td>Ă</td><td>T</td><td>L</td><td>O</td><td>N</td><td>G</td><td>N</td><td>K</td></tr>
<tr><td>A</td><td>N</td><td>C</td><td>O</td><td>K</td><td>H</td><td>I</td><td>T</td><td>T</td></tr>
<tr><td>S</td><td>Ư</td><td>B</td><td>I</td><td>Ê</td><td>N</td><td>Đ</td><td>Ô</td><td>I</td></tr>
</table>
- GV nhận xét, khen ngợi HS tham gia trò chơi.
- GV dẫn dắt vào bài học mới: Sự biến đổi trạng thái của chất là gì? Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu ở bài học ngày hôm nay: “Bài 4 – Đặc điểm của chất ở trạng thái rắn, lỏng, khí. Sự</td><td>- Cả lớp tham gia trò chơi
<table>
<tr><td>T</td><td>R</td><td>A</td><td>N</td><td>G</td><td>T</td><td>H</td><td>A</td><td>I</td></tr>
<tr><td>H</td><td>Ă</td><td>T</td><td>L</td><td>O</td><td>N</td><td>G</td><td>N</td><td>K</td></tr>
<tr><td>A</td><td>N</td><td>C</td><td>O</td><td>K</td><td>H</td><td>I</td><td>T</td><td>T</td></tr>
<tr><td>S</td><td>Ư</td><td>B</td><td>I</td><td>Ê</td><td>N</td><td>Đ</td><td>Ô</td><td>I</td></tr>
</table>
- 5 từ khóa: sự biến đổi, trạng thái, rắn, lỏng, khí.

- HS lắng nghe.</td></tr>
</table>

biến đổi trạng thái của chất – Tiết 2”.	
2. Hoạt động khám phá: - Mục tiêu: + Học sinh trình bày được ví dụ về biến đổi trạng thái của chất. - Cách tiến hành:	
Hoạt động khám phá 1. Sự biến đổi trạng thái của cồn. - GV yêu cầu HS tiến hành làm thí nghiệm, thảo luận nhóm 4: GV lưu ý: Cẩn thận khi làm thí nghiệm với lửa, không chạm tay vào vật nóng. - Quan sát và nhận xét sự biến đổi trạng thái của nến vụn dưới tác dụng của nhiệt? - Khi tắt nến, để nguội bát sứ thì trạng thái của nến như thế nào?  Hình 8 - GV nhận xét các nhóm. - GV: Nến chuyển từ trạng thái rắn (hình 8a) sang trạng thái lỏng (hình 8b) khi được đun nóng. Khi bát sứ nguội dần, nến từ trạng thái lỏng chuyển về trạng thái rắn (hình 8c). **Hoạt động khám phá 2. Sự biến đổi trạng thái của cồn.** - GV tổ chức cho HS nhắc lại sự bay hơi của nước đã học ở lớp 4. - GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm 4 đọc thông tin và mô tả sự biến đổi của cồn trong quá trình sử dụng vào phiếu học tập. - GV nhận xét các nhóm, kết luận.	- HS tiến hành thí nghiệm theo nhóm 4. - Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả quan sát, các nhóm khác đặt câu hỏi, nhận xét và bổ sung. - Dưới tác dụng của nhiệt, nến đã chuyển từ trạng thái rắn sang lỏng. - Khi tắt nến, để nguội bát sứ thì nến chuyển từ trạng thái lỏng sang rắn. - HS lắng nghe và ghi nhớ kiến thức. - Dưới tác dụng của nhiệt độ, nước sẽ bị bay hơi vào không khí. - HS đọc thông tin và mô tả sự biến đổi của cồn bằng phiếu học tập. - Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận.

	- Cồn chuyển từ trạng thái lỏng sang trạng thái khí trong quá trình sử dụng vì cồn là chất dễ bay hơi.
Hoạt động khám phá 2. Sự biến đổi trạng thái của chất trong cuộc sống hằng ngày - GV tổ chức trò chơi "Nhà Khoa học nhí" - Chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm sẽ được phát một tờ giấy trắng. - Trong thời gian 3 phút, các nhóm sẽ thi nhau viết vào phiếu các chất ở ba thể khác nhau hoặc tên các chất có thể chuyển từ thể này sang thể khác. - GV nhận xét, tuyên dương.	- HS tham gia trò chơi. - Các nhóm dán phiếu của mình lên bảng, mỗi nhóm cử một đại diện trình bày kết quả. Ví dụ: - Làm nước đá (chuyển từ thể lỏng sang thể rắn). - Làm đồ dùng bằng thủy tinh (Chuyển từ thể lỏng sang thể rắn)/ - Đun bơ (Từ thể rắn sang thể lỏng)
3. Hoạt động luyện tập. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức về đặc điểm về sự biến đổi trạng thái của chất. - Cách tiến hành:	
- Chiếu lên thành phần của nước rửa tay (được làm chủ yếu từ cồn) - Vì sao người ta sử dụng cồn là thành phần chính trong nước rửa tay khô? - GV cho HS quan sát tranh kết hợp đọc thông tin SGK. - Vì sao trong tương lai gấu Bắc Cực có thể không còn nơi để sinh sống?  Hình 10	- Cồn là chất lỏng dễ bay hơi nên nhanh chóng chuyển từ trạng thái lỏng sang trạng thái khí. Vì vậy, tay sẽ nhanh khô khi sử dụng nước rửa tay khô. - HS quan sát tranh và đọc thông tin. - Khi môi trường ô nhiễm, nhiệt độ trung bình của Trái Đất tăng lên làm băng tan ra. Quá trình băng chuyển từ trạng thái rắn sang trạng thái lỏng làm môi trường sống của gấu Bắc Cực (là băng) dần biến mất.

- GV nhận xét.	
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV mời HS chia sẻ về cách em có thể làm để bảo vệ môi trường, hạn chế làm Trái Đất nóng lên, bảo vệ môi trường sống của gấu Bắc Cực. - GV nhận xét tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- Học sinh tham gia chia sẻ về những việc làm bảo vệ môi trường: tái chế đồ dùng làm bằng nhựa. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

.....

CHỦ ĐỀ 1: CHẤT

BÀI 5: SỰ BIẾN ĐỔI HÓA HỌC CỦA CHẤT- TIẾT 1

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Xác định được biến đổi hóa học là biến đổi chất và các dấu hiệu của sự biến đổi hóa học (thường thể hiện qua sự thay đổi về màu sắc, mùi, vị,…)

- Trình bày được một số ví dụ đơn giản gần gũi với cuộc sống về biến đổi hóa học (ví dụ: Giấy cháy, than cháy,...)

- Rèn luyện kĩ năng làm thí nghiệm, hoạt động trải nghiệm thực hành, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực, chủ động tìm hiểu sự biến đổi hóa học qua một số ví dụ đơn giản.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hiện tốt và có sáng tạo trong thực hiện các hoạt động của bài học để nắm chắc kiến thức.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm và thí nghiệm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Xây dựng tốt mối quan hệ thân thiện với bạn trong học tập và trải nghiệm.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để nắm vững nội dung yêu cầu cần đạt của bài học.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức chuẩn bị dụng cụ thí nghiệm theo phân công của nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point. Dụng cụ để HS làm được thí nghiệm ở hình 3 SGK.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học. - Cách tiến hành:	

- Giáo viên cho HS xem video cách làm bánh flan ca-ra-men (https://www.youtube.com/watch?v=aV33vcmMQCg) - Giới thiệu bài: Để tạo hương vị Cho bánh kẹo như bánh flan, người ta thường thêm ca-ra-men. Dù được nấu từ đường có màu trắng và vị ngọt nhưng caramen lại có màu nâu, vị đắng và ngọt dịu. vậy biến đổi nào đã xảy ra thì chúng ta cùng tìm hiểu bài học ngày hôm nay, Bài 5: Sự biến đổi hóa học của chất.	- HS xem video - HS theo dõi, ghi bài mới.

2. Hoạt động khám phá: Biến đổi hóa học

- Mục tiêu:

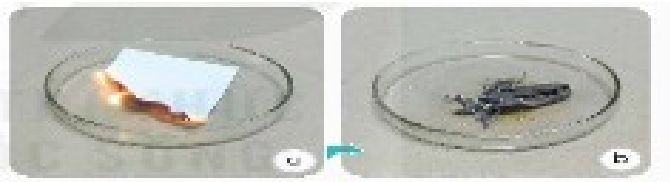
+ HS xác định được biến đổi hóa học là biến đổi chất.

+ Vận dụng được kiến thức về biến đổi hóa học để giải thích hiện tượng xảy ra trong cuộc sống hằng ngày

- Cách tiến hành:

<u>Hoạt động khám phá 1:</u> Sự biến đổi hóa học của giấy (nhóm 4)

- Yêu cầu HS quan sát hình 2 SGK và thảo luận nhóm 4 điền vào phiếu học tập câu hỏi:



Hình 2

Quan sát tờ giấy	Trước Khi đốt	Sau Khi đốt
Màu sắc		
Hình dạng		

- Tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả

Giáo viên nhận xét, kết luận: Ban đầu giấy có màu trắng, hình chữ nhật sau khi bị đốt cháy giấy có màu đen, không có hình dạng xác định. chứng tỏ biến đổi hóa học đã xảy ra dưới tác dụng của nhiệt.

- HS quan sát và thảo luận

Quan sát tờ giấy	Trước khi đốt	Sau khi đốt
Màu sắc	Màu trắng	Màu đen
Hình dạng	Hình chữ nhật	Không có hình dạng xác định

- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét

- HS lắng nghe

Hỏi: - Biến đổi hóa học xảy ra khi nào? - Có thể nhận biết sự biến đổi hóa học nhờ vào đâu? *Chốt: Biến đổi hóa học xảy ra khi có sự tạo thành chất mới. Người ta có thể nhận ra sự biến đổi này nhờ vào sự thay đổi tính chất của chất (ví dụ như: màu sắc, mùi vị, tính tan,...)*	- Biến đổi hóa học xảy ra khi có sự tạo thành chất mới - Có thể nhận biết sự biến đổi hóa học nhờ vào sự thay đổi tính chất của chất - HS lắng nghe
<u>Hoạt động khám phá 2:</u> Sự biến đổi hóa học của đường (nhóm 6)	
Giáo viên tổ chức cho học sinh hoạt động theo nhóm 6: Yêu cầu các nhóm tìm hiểu nội dung và thực hiện thí nghiệm theo cách tiến hành như hình 3 trong sách giáo khoa (lưu ý HS cẩn thận khi làm thí nghiệm với lửa, không chạm tay vào vật nóng.) 	- HS hoạt động nhóm tìm hiểu nội dung và thực hiện thí nghiệm theo cách tiến hành trong SGK
- Nhận xét sự biến đổi màu của đường dưới tác dụng của nhiệt? - Nếu tiếp tục đun thì hiện tượng gì sẽ xảy ra? - Yêu cầu các nhóm trình bày kết quả *GV nhận xét, kết luận: Sự biến đổi của đường khi bị đun nóng là biến đổi hóa học.*	- Dưới tác dụng của nhiệt, đường chuyển dần từ màu trắng sang màu vàng nâu - Nếu tiếp tục đun thì đường sẽ dần biến hoàn toàn thành màu đen và có một khét bốc lên - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét - HS lắng nghe

Hoạt động khám phá 3: Sự biến đổi hóa học của than (cá nhân)	
Yêu cầu HS làm việc cá nhân: Quan sát hình 4 và trả lời câu hỏi:  - Sự biến đổi nào đã xảy ra? Vì sao? - Gọi HS khác nhận xét - GV nhận xét, tuyên dương. *GV nhận xét, tuyên dương và chốt: Sự biến đổi hóa học xảy ra khi đốt than thành tro.*	- HS quan sát, trả lời câu hỏi - Sự biến đổi hóa học đã xảy ra vì than bị cháy thành tro dưới tác dụng của ngọn lửa. - HS khác nhận xét - Nghe
Hoạt động 4: Nhận biết sự biến đổi hóa học trong thực tế (cặp đôi)	
- Yêu cầu HS quan sát hình 5 và thảo luận cặp đôi - Gọi các nhóm trình bày và nhận xét 	- HS thảo luận cặp đôi - Các nhóm trình bày, nhận xét + Hình 5a: Sự biến đổi hóa học, vì gỗ bị cháy chuyển thành chất khác có màu đen. + Hình 5b: Không phải biến đổi hóa học, vì trộn hỗn hợp xi măng và cát vẫn chỉ gồm xi măng và cát, không xuất hiện chất mới. + Hình 5c: Không phải biến đổi hóa học,vì ở trạng thái lỏng hay khí thì nước vẫn chỉ là nước (không tạo thành chất mới). + Hình 5d: Không phải biến đổi hóa học,vì ở trạng thái lỏng hay rắn nến vẫn là nến. + Hình 5e: Sự biến đổi hóa học, vì trộn xi măng, cát, nước sẽ tạo ra vữa xi măng (chất mới) có khả năng kết dính gạch và giữ nguyên hình dạng khi khô

Giáo viên kết luận, khen nhóm trả lời đúng	- HS lắng nghe
3. Vận dụng, trải nghiệm - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
+ Yêu cầu kể tên các ví dụ về sự biến đổi hóa học trong thực tế + Chia lớp thành các nhóm. Và cùng thi một lượt tổng thời gian 2 phút. + Mỗi lần đưa ra câu đúng sẽ được nhận 1 hoa dán vào vị trí nhóm. Sau 2 phút, nhóm nào nhiều đáp án đúng nhất nhóm đó thắng cuộc. - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.	+ Học sinh lắng nghe yêu cầu trò chơi. + HS tham gia trò chơi - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

CHỦ ĐỀ 1: CHẤT
BÀI 5: SỰ BIẾN ĐỔI HÓA HỌC CỦA CHẤT (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Trình bày được một số ví dụ đơn giản gần gũi với cuộc sống về biến đổi hóa học (ví dụ: Đinh bị gỉ, giấy cháy, than cháy,...)

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực, chủ động tìm hiểu sự biến đổi hóa học qua một số ví dụ đơn giản.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hiện tốt và có sáng tạo trong thực hiện các hoạt động của bài học để nắm chắc kiến thức.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Xây dựng tốt mối quan hệ thân thiện với bạn trong học tập và trải nghiệm.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để nắm vững nội dung yêu cầu cần đạt của bài học.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

<table>
<tr><th>Hoạt động của giáo viên</th><th>Hoạt động của học sinh</th></tr>
<tr><td colspan="2">1. Khởi động:
- Mục tiêu:
+ Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.
- Cách tiến hành:</td></tr>
<tr><td>- GV tổ chức trò chơi: Hộp quà bí mật để khởi động bài học.
+ Câu 1: Biến đổi hóa học xảy ra khi nào?

+ Câu 2: Người ta có thể nhận ra sự biến đổi hóa học dựa vào những dấu hiệu nào?
- GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài</td><td>- HS tham gia trò chơi. Quan sát hình và trả lời câu hỏi
+ Biến đổi hóa học xảy ra khi có sự tạo thành chất mới.
+ Dựa vào sự thay đổi về màu sắc, mùi, vị,…

- HS lắng nghe.</td></tr>
<tr><td colspan="2">2. Hoạt động khám phá : Một số ví dụ về biến đổi hóa học trong cuộc sống
- Mục tiêu:
+ Trình bày được một số ví dụ đơn giản gần gũi với cuộc sống về biến đổi hóa
+ Vận dụng được kiến thức về biến đổi hóa học để giải thích hiện tượng xảy ra trong cuộc sống hằng ngày
- Cách tiến hành:</td></tr>
<tr><td colspan="2"><u>Hoạt động khám phá 1:</u> Sự biến đổi hóa học của đinh sắt (nhóm 4)</td></tr>
</table>

- Yêu cầu HS quan sát hình 4 SGK, đọc thông tin và thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi: + Sự thay đổi màu sắc của đinh sắt sau khi bị gỉ + Biến đổi nào đã diễn ra với đinh sắt? Giải thích. - Gọi các nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung + Để chống gỉ cho đinh người ta thường làm gì? *Chốt: Biến đổi hóa học đã diễn ra đối với đinh sắt vì vì sau một thời gian sắt đã hình thành chất mới có màu và tính chất khác. Để chống gỉ cho đinh người ta thường sơn hoặc bôi dầu mỡ lên đinh để chống gỉ.*	- HS quan sát và thảo luận + Sau khi bị gỉ đinh sắt chuyển sang màu nâu đỏ, dễ bị gãy và sẽ không sử dụng được nữa + Biến đổi hóa học đã xảy ra với đinh sắt vì sau một thời gian sắt đã hình thành chất mới có màu và tính chất khác. - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét + Người ta thường sơn hoặc bôi dầu mỡ lên đinh để chống gỉ. - HS lắng nghe
<u>Hoạt động khám phá 2:</u> Trình bày ví dụ về sự biến đổi hóa học (cá nhân)	
Giáo viên cho HS làm việc cá nhân Gọi HS trả lời nối tiếp mỗi em 1 ví dụ *GV nhận xét, kết luận: Có rất nhiều sự biến đổi hóa học diễn ra xung quanh chúng ta, chỉ cần chúng ta chú ý quan sát sẽ nhận ra các dấu hiệu của sự biến đổi hóa học* - GV giới thiệu và gọi HS đọc mục "em có biết?"	- HS hoạt động cá nhân - HS trả lời nối tiếp - HS lắng nghe - Nghe và đọc
<u>Hoạt động khám phá 3:</u> Các trường hợp biến đổi hóa học	
Yêu cầu HS quan sát hình 8, 9 và thảo luận nhóm 4: - Sự biến đổi nào đã xảy ra khi đun đường	- Biến đổi hóa học vì có sự hình thành

thành ca-ra-men? Giải thích - Cửa sắt bị biến đổi hóa học như thế nào? - Người ta thường làm gì để ngăn ngừa sự biến đổi hóa học của các vật làm bằng sắt? - Gọi các nhóm nhận xét, bổ sung *GV nhận xét, tuyên dương và chốt: Sự biến đổi hóa học có thể xảy ra dưới tác dụng của nhiệt độ (đun đường thành ca-ra-men, không khí, ánh sáng (sắt bị gỉ khi để lâu trong không khí). Để chống gỉ cho các đồ vật làm bằng sắt người ta thường sơn hoặc bôi mỡ lên các đồ vật đó.*	chất mới: Đường có màu trắng, vị ngọt chuyển thành chất khác có màu vàng, vị đắng và ngọt dịu. - Cửa sắt chuyển sang màu nâu đỏ - Người ta thường sơn hoặc bôi mỡ lên vật làm bằng sắt để chống gỉ - HS nhận xét, bổ sung câu trả lời - Nghe
3. Vận dụng, trải nghiệm - Mục tiêu: + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Cách tiến hành:	
- Gọi HS đọc mục em đã học - GV hướng dẫn học sinh liên hệ kiến thức đã học để giải thích cho người thân về sự biến đổi hóa học của các trường hợp trong thực tiễn cuộc sống hàng ngày . - Hãy cùng người thân thực hiện việc chống gỉ các đồ dùng làm bằng sắt trong gia đình. - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.	- HS đọc - Học sinh lắng nghe yêu cầu. - HS tham gia thực hiện. - Lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

.....

KHOA HỌC

BÀI 6: ÔN TẬP CHỦ ĐỀ CHẤT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Tóm tắt được những nội dung chính đã học dưới dạng sơ đồ.

- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng của chủ đề vào giải quyết một số tình huống đơn giản trong cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực những nội dung chính đã học về chủ đề chất dưới dạng sơ đồ.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng được kiến thức và kĩ năng của chủ đề vào giải quyết một số tình huống đơn giản trong cuộc sống

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Vận dụng và trao đổi với bạn và mọi người về chủ đề chất.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tim tòi để mở rộng hiểu biết về kiến thức và kĩ năng của chủ đề vào giải quyết một số tình huống đơn giản trong cuộc sống.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

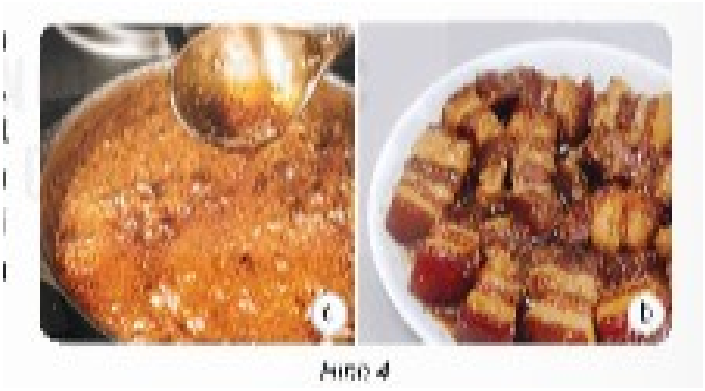
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

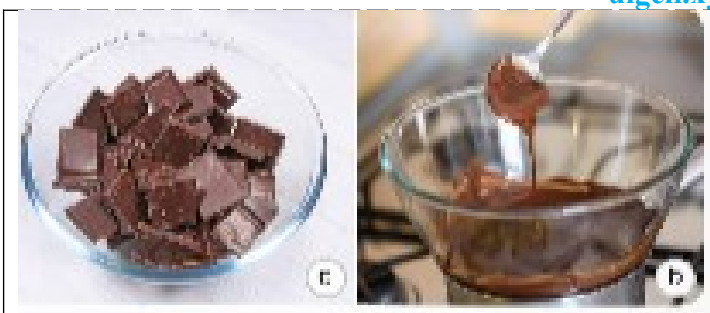
- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV đưa ra câu hỏi: ? Kể tên một số chất mà em đã học? - GV mời một số học sinh trình bày - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: "Ôn tập chủ đề chất"	 -Hs nêu. - HS lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá: - Mục tiêu:	

+ Học sinh trình bàyvòng đời và sự phát triển của động vật đẻ trứng . - Cách tiến hành:	
Hoạt động khám phá 1. **- GV yêu cầu hs quan sát hình 1, đọc thông tin và nói với bạn về một trong những nội dung đã học trong chủ đề chất.**  - GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. - GV nhận xét, tuyên dương. **Hoạt động khám phá 2.** **GV tổ chức cho Hs tham gia hoạt động nhóm 2, quan sát hình 2, đọc thông tin và trả lời câu hỏi** - Vai trò của đất đối với cây lúa. - Lợi ích của việc trồng lúa trên ruộng bậc thang ở những vùng đất có độ dốc cao.  - GV mời đại diện các nhóm trình bày, các nhóm nhận xét lẫn nhau.	- HS quan sát tranh và trao đổi về chủ đề chất. - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. - Đại diện các nhóm trình bày kết quả và nhận xét lẫn nhau.

- GV nhận xét, tuyên dương.	- HS đọc
Hoạt động khám phá 3.	
- GV yêu cầu hs quan sát hình 3 và cho biết bát nào chứa hỗn hợp. Trong các hỗn hợp đó, hỗn hợp nào là dung dịch? Giải thích? 	- HS **quan sát và TLCH.**
- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. Gv kết luận.	- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. HS lắng nghe
Hoạt động khám phá 4. **- GV yêu cầu hs quan sát hình 4 và cho biết biến đổi nào đã diễn ra với đường trong quá trình nấu nước màu.** 	- HS **quan sát và TLCH.**
- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. Gv kết luận.	- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. HS lắng nghe
- GV yêu cầu hs quan sát hình 5 và đề xuất cách làm để tạo nên các viên sô cô la có nhiều hình dạng khác nhau.	- HS **quan sát và TLCH.**

 Hình 5 - GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. Gv kết luận.	- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. HS lắng nghe
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mĩ. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV mời HS chia sẻ về chủ đề chất. - GV nhận xét tuyên dương. (có thể cho xem video) - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- Học sinh tham gia chia sẻ. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

.....

TUẦN 8 **CHỦ ĐỀ 1: CHẤT**

Bài 8: SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG ĐIỆN (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù.

- Nêu được một số quy tắc cơ bản về an toàn điện và tuân thủ các quy tắc an toàn điện trong tình huống thường gặp.

- Nêu và thực hiện được những việc làm thiết thực để tiết kiệm năng lượng điện ở trường và ở nhà.

- Đề xuất và trình bày được những việc cần làm để sử dụng an toàn, tiết kiệm năng lượng điện một cách đơn giản, dễ nhớ (như dùng hình ảnh, sơ đồ,..) để vận độnggia đình và cộng đồng cùng thực hiện.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tìm hiểu việc sử dụng nguồn năng lượng điện ở trường và ở nhà, chủ động hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất được việc cần làm để sử dụng điện an toàn cho gia đình vfa những người xung quanh.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia nhiệm vụ nhóm, trình bày kết quả làm việc nhóm.

3. Phẩm chất.

- Đoàn kết, nhân ái, chăm chỉ, trung thực.

- Trách nhiệm: Có ý thức thực hiện, sử dụng điện an toàn và tiết kiệm điện khi ở trường và ở nhà.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Các hình trong SGK; bảnh phụ, giấy A3, bút lông dầu.

- HS: SGK, VBT

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động. **- Mục tiêu:** + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Khơi gợi những hiểu biết đã có của HS về tính chất của nước. **- Cách tiến hành:**	
- GV đặt câu hỏi: + Khi dùng năng lượng để thắp sáng, chạy máy..., người ta thường lấy điện từ đâu? + Em hãy nêu một số tình huống không an toàn khi sử dụng điện mà em biết. - GV mời một vài HS trả lời. - GV nhận xét. - GV giải thích thêm:	- HS trả lời. - HS lắng nghe.

+ Điện năng được lấy từ các nhà máy điện và thường ở xa nơi tiêu thụ nên cần truyền tải điện đi xa. Để giảm hao phí điện năng trên đường truyền thì cần sử dụng máy biến thể để tăng điện áp tới hàng trăm ki-lô-vôn (kV). *+ Để an toàn khi sử dụng điện lại dùng máy biến thể để hạ áp tới khoảng vài trăm vôn trước khi đưa vào sử dụng.* *+ Điện được sản xuất từ nhà máy điện và truyền tải trên đường dây là dòng điện ba pha, ở nơi tiêu dùng có thể sử dụng dòng điện ba pha hoặc một pha.* - GV dẫn vào bài học: *Sử dụng năng lượng điện.*	

2. Khám phá và luyện tập.

- Mục tiêu:

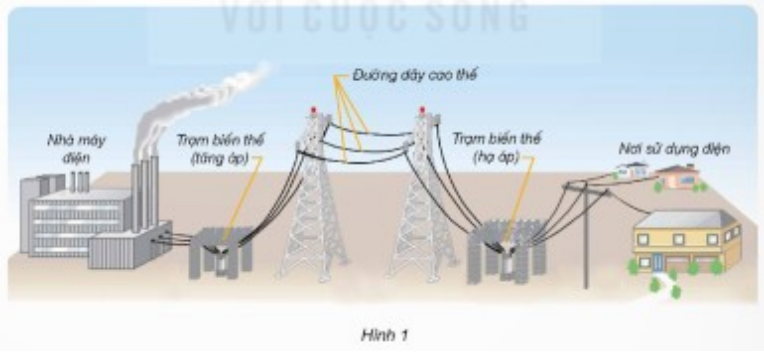
+ Nêu được một số quy tắc cơ bản về an toàn điện và tuân thủ các quy tắc an toàn điện trong tình huống thường gặp.

+ Nêu và thực hiện được những việc làm thiết thực để tiết kiệm năng lượng điện ở trường và ở nhà.

- Phát triển năng lực khoa học.

Hoạt động 1: An toàn khi sử dụng điện.

1.1 Tiềm hiểu điện được sử dụng vào những việc gì và điện được truyền từ nhà máy điện đến nơi tiêu thụ như thế nào. - GV yêu cầu HS thảo luận để nêu những việc sử dụng điện trong cuộc sống hằng ngày. - GV gọi HS trình bày. - GV nhẫn xét, kết luận: + Điện được dùng để thắp sáng, sấy khô, đun nấu thức ăn, đun nước, chạy máy móc như: xe đạp điện, xe máy điện, quạt máy, máy điều hoà, máy giặt, tủ lạnh ….. Điện được sử dụng rất nhiều trong cuộc sống hằng ngày. Vậy điện được lấy từ đâu? - GV yêu cầu HS quan sát hình 1 (SGK trang 30) rồi mô tả sự truyền điện từ nhà máy điện đến ổ điện của mỗi gia đình, cơ quan, trường học… như thế nào.	- HS thảo luận để nêu những việc sử dụng điện trong cuộc sống hằng ngày. - HS trình bày. - HS nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe. - HS quan sát hình 1 (SGK trang 30) rồi mô tả sự truyền điện từ nơi sản xuất đến nơi tiêu thụ.



Hình 1

- GV giải thích thêm: Điện năng được lấy từ các nhà máy điện và thường ở xa nơi tiêu thụ nên cần truyền tải điện đi xa. Để giảm hao phí điện năng trên đường truyền thì cần sử dụng máy biến thế để tăng điện áp tới hàng trăm ki-lô-vôn (kV).

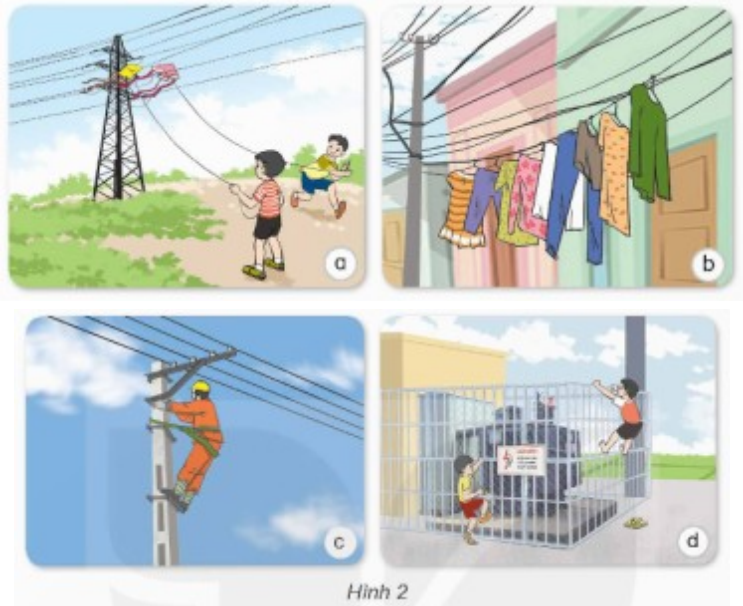
- HS lắng nghe.

1.2 Tìm hiểu một số việc nên làm và không nên làm để đảm bảo an toàn khi sử dụng điện.

(Làm việc nhóm)

- GV yêu cầu HS quan sát hình 2 (SGK trang 31) và cho biết việc nên làm, không nên làm dể đảm bảo an toàn cho con người.

- HS quan sát hình 2 (SGK trang 31) và cho biết việc nên làm, không nên làm dể đảm bảo an toàn cho con người.



Hình 2

- **Nên làm:**

+ Hình c: Sửa điện trên đường dây tải điện.

- **Không nên làm:**

+ Hình a; Chơi thả diều dưới đường dây điện.

+ Hình b: Phơi quần áo trên đường dây điện.

+ Hình d: Bám hoặc trèo vào trạm biến thế.

- GV yêu cầu HS chia sẻ kết quả trước lớp.

- HS chia sẻ kết quả trước lớp.

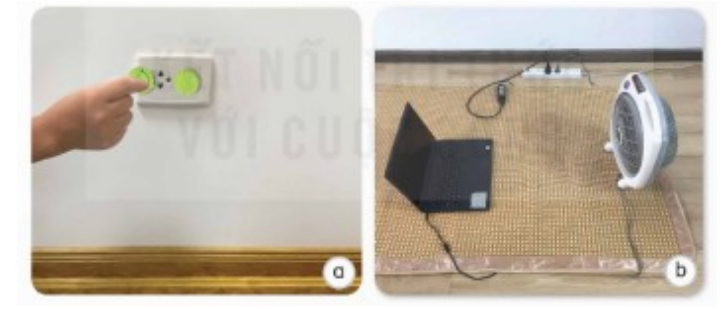
- GV mời HS nhận xét và bổ sung.

- HS nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét.

- GV yêu cầu HS quan sát hình 3 (SGK trang 31) và hình 4 (SGK trang 32) rồi cho biết trường hợp nào

- HS quan sát hình 3 (SGK trang 31) và cho biết trường hợp nào sử

sử dụng điện an toàn, trường hợp nào sử dụng điện không an toàn. Vì sao?  Hình 3  Hình 4 - GV yêu cầu HS chia sẻ kết quả trước lớp. - GV mời HS nhận xét và bổ sung. - GV nhận xét. - GV yêu cầu HS kể thêm một số trường hợp sử dụng điện an toàn và không an toàn.	dụng điện an toàn, trường hợp nào sử dụng điện không an toàn và giải thích. **- Trường hợp sử dụng điện an toàn.** + Hình 3a: Dùng nắp nhựa đậy lỗ cắm điện ở chỗ thấp để trẻ em không chạm vào ổ cắm gây nguy hiểm. + Hình 3d: Dùng tay cầm chuôi điện cắm vào ổ điện đảm bảo an toàn khi sử dụng. + Hình 4b: Đứng trên ghế khô để ngắt cầu dao điện khi nước tràn vào nhà vì nước dẫn điện dễ dàng truyền điện qua người gây giật điện. **- Trường hợp sử dụng điện không an toàn.** + Hình 3b: Trải thảm, chiếu đề lên dây điện đang nối ở cắm với các thiết bị dùng điện dễ gây nguy hiểm cho người sử dụng. + Hình 3c: Cầm tay vào dây điện để rút phích cắm ra khỏi ổ điện rất dễ kéo ở điện rời khỏi vị trí đã cố định. + Hình 4a: Không dùng nhiều thiết bị điện cắm vào một ở cắm dễ gây chập điện. - HS chia sẻ kết quả trước lớp. - HS nhận xét, bổ sung. - HS kể thêm một số trường hợp sử dụng điện an toàn và không an toàn.

	+ Khi nhìn thấy dây điện bị đứt thì không lại gần mà cần báo ngay cho người lớn. + Leo trèo lên cột điện. + Thay bóng đèn ở bàn khi chưa rút phích cắm ra khỏi ổ điện. + Không vừa sạc điện thoại vừa sử dụng.

3. Hoạt động nối tiếp

- Mục tiêu:

+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

+ Chuẩn bị bài cho tiết sau.

+ Phát triển năng lực khoa học.

- Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS đọc thông tin mục Em có biết? và quan sát hình 5 (SGK trang 32).  Hình 5 - GV yêu cầu HS thảo luận trả lời các câu hỏi: + Để an toàn khi sử dụng điện, chúng ta cần tuân theo những quy tắc gì?	- HS đọc thông tin mục Em có biết? và quan sát hình 5 (SGK trang 32). - HS thảo luận trả lời các câu hỏi - Để an toàn khi sử dụng điện, chúng ta cần tuân theo những quy tắc sau: + Không nên đến gần đường dây điện cao thế, trạm biến thế. + Ngắt nguồn điện của các thiết bị điện trong nhà khi có mưa giông, sấm sét.

+ Em hãy đề xuất việc cần làm để sử dụng điện an toàn cho gia đình và những người xung quanh. - GV yêu cầu HS về nhà: + Ghi nhớ và tuân thủ những quy tắc an toàn điện. + Làm một bảng cảnh báo an toàn khi sử dụng điện (viết hoặc vẽ) để tiết sau chia sẻ cùng các bạn.	+ Cần sử dụng các dụng cụ bảo hộ chuyên dụng và ngắt các thiết bị điện ra khỏi nguồn điện khi sửa chữa điện. + Lựa chọn vị trí lắp đặt công tắc, ổ cắm điện phù hợp. + Không tiếp xúc trực tiếp với ổ điện, dây điện bị hở. - Đề xuất việc cần làm để sử dụng điện an toàn cho gia đình và những người xung quanh. + Bản thân cần ghi nhớ và tuân thủ những quy tắc an toàn điện. + Xây dựng bảng "Cảnh báo an toàn khi sử sụng điện", dễ nhớ. - HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ):

.....

.....

.....

TUẦN 8 **CHỦ ĐỀ 1: CHẤT**

Bài 8: SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG ĐIỆN (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù.

- Nêu được một số quy tắc cơ bản về an toàn điện và tuân thủ các quy tắc an toàn điện trong tình huống thường gặp.
- Nêu và thực hiện được những việc làm thiết thực để tiết kiệm năng lượng điện ở trường và ở nhà.
- Đề xuất và trình bày được những việc cần làm để sử dụng an toàn, tiết kiệm năng lượng điện một cách đơn giản, dễ nhớ (như dùng hình ảnh, sơ đồ,..) để vận độnggia đình và cộng đồng cùng thực hiện.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tìm hiểu việc sử dụng nguồn năng lượng điện ở trường và ở nhà, chủ động hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất được việc cần làm để sử dụng điện an toàn cho gia đình vfa những người xung quanh.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia nhiệm vụ nhóm, trình bày kết quả làm việc nhóm.

3. Phẩm chất.

- Đoàn kết, nhân ái, chăm chỉ, trung thực.
- Trách nhiệm: Có ý thức thực hiện, sử dụng điện an toàn và tiết kiệm điện khi ở trường và ở nhà.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Các hình trong SGK; bảnh phụ, giấy A3, bút lông dầu.
- HS: SGK, VBT

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động. **- Mục tiêu:** + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Khơi gợi những hiểu biết đã có của HS về vai trò của nước trong đời sống hàng ngày, trong sản xuất công nghiệp và nông nghiệp,... **- Cách tiến hành:**	
– GV yêu cầu HS chia sẻ bảng cảnh báo an toàn khi sử dụng	- HS chia sẻ bảng cảnh

điện mà các em đã chuẩn bị ở nhà. – GV mời HS nhận xét. – GV nhận xét và dẫn vào tiết 2 của bài học. Năng lượng điện mà chúng ta sử dụng hằng ngày không phải tự nhiên mà có. Vậy: + Chúng ta cần sử dụng điện như thế nào cho hợp lí và tiết kiệm? + Nếu chúng ta sử dụng điện một cách hợp lí và tiết kiệm sẽ mang lại lợi ích gì?	báo an toàn khi sử dụng điện - HS nhận xét. - HS lắng nghe.
2. Hoạt động Khám phá và luyện tập. **- Mục tiêu:** + Đề xuất và trình bày được những việc cần làm để sử dụng an toàn, tiết kiệm năng lượng điện một cách đơn giản, dễ nhớ (như dùng hình ảnh, sơ đồ,..) để vận độnggia đình và cộng đồng cùng thực hiện. - Phát triển năng lực khoa học.	
Hoạt động 2: Tiết kiệm năng lượng điện.	
2.1 Những việc cần làm để tiết kiệm năng lượng điện. (Thảo luận nhóm) – GV yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát hình 6 (SGK trang 33) rồi nêu những việc cần làm để tiết kiệm năng lượng điện.  - GV tổ chức cho HS chia sẻ. - GV nhận xét.	- HS đọc thông tin và quan sát hình. - HS thảo luận nhóm. **- Những việc cần làm để tiết kiệm năng lượng điện:** + Cài đặt nhiệt độ hợp lí cho máy điều hoà. + Sử dụng bóng đèn tiết kiệm điện + Hạn chế số lần và thời gian mở tủ lạnh. + Tắt thiết bị điện khi không sử dụng. - HS chia sẻ. - HS nhận xét.

2.2. Các trường hợp sử dụng điện lãng phí. Đề xuất cách tiết kiệm năng lượng điện. - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm rồi viết vào Phiếu học tập: + Trường hợp sử dụng năng lượng điện lãng phí ở gia đình và nhà trường. + Đề xuất cách khắc phục một cahs hợp lí để tiết kiệm năng lượng điện cho gia đình và nhà trường. - GV tở chức cho HS trình bày. - GV yêu cầu HS nhận xét. - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi sau: 1. Vì sao nên bật bình nóng lạnh trước khi tắm khoảng 15 phút và tắt trước khi tắm? 2. Vì sao không nên là (ủi) quần áo trong phòng có bật máy điều hoà nhiệt độ? **3.3 Xây dựng quy tắc sử dụng điện an toàn.** - GV yêu cầu HS dựa vào kiến thức đã học, những trải nghiệm thực tế để xây dựng bảng "Quy tắc sử dụng điện an toàn, tiết kiệm". - GV tổ chức cho HS chia sẻ dưới hình thức sắm vai "Em làm tuyên truyền viên nhí". - GV mời các HS khác góp ý. - GV nhận xét, tuyên dương.	- HS lắng nghe. - HS thảo luận nhóm rồi viết vào Phiếu học tập.  - HS trình bày. - HS khác nhận xét, bổ sung. - HS thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi. 1. Nên bật bình nóng lạnh trước khi tắm khoảng 15 phút để có đủ nước nóng cần dùng và tắt trước khi tắm để đảm bảo an toàn và tiết kiệm điện. 2. Là (ủi) quần áo trong phòng có bật máy điều hoà nhiệt độ sẽ làm lãng phí điện năng do bàn là toả nhiều nhiệt lượng làm nóng phòng, mặt khác sử dụng cùng lúc nhiều thiết bị điện có mức tiêu thụ điện nhiều sẽ làm đường truyền điện không ổn định. - HS xây dựng bảng "Quy tắc sử dụng điện an toàn, tiết kiệm". - HS chia sẻ dưới hình thức sắm vai "Em làm tuyên truyền viên nhí".. - HS góp ý.

3. Hoạt động nối tiếp

- Mục tiêu:

+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

+ Chuẩn bị bài cho tiết sau.

+ Phát triển năng lực khoa học.

- Cách tiến hành:

- GV tổ chức cho HS đọc nội dung mục "Em đã học". - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi *Tìm nhà thông thái.* - Luật chơi: + HS nêu các ví dụ về sử dụng điện an toàn, tiết kiệm và chống lãng phí. + HS ghi kết quả vào bảng nhóm. Sau 3 phút, nhóm nào nêu được nhiều ví dụ về sử dụng điện an toàn, tiết kiệm thì các thành viên của nhóm đó là những nhà thông thái. - GV yêu cầu HS về nhà thực hiện việc sử dụng điện an toàn và tiết kiệm. - GV nhận xét tiết dạy, tuyên dương.	- HS đọc nội dung mục "Em đã học". - HS tham gia trò chơi. - HS lắng nghe. - HS về nhà thực hiện việc sử dụng điện an toàn và tiết kiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ):

.....

.....

TUẦN 10

CHỦ ĐỀ 2: NĂNG LƯỢNG

Bài 9: MẠCH ĐIỆN ĐƠN GIẢN, VẬT DẪN ĐIỆN VÀ VẬT CÁCH ĐIỆN (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù.

- Mô tả được cấu tạo và hoạt động của mạch điện thắp sáng gồm: nguồn điện, công tắc và bóng đèn..

- Giải thích được lí do sử dụng vật dẫn điện, vật cách điện trong một số đồ vật, tình huống thường gặp.

- Đề xuất được cách làm thí nghiệm để xác định vật dẫn điện, vật cách điện.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực, chủ động tìm hiểu cấu tạo và hoạt động của mạch điện.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất cách làm thí nghiệm.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia nhiệm vụ nhóm, chia sẻ ý kiến, trình bày kết quả làm việc của nhóm.

3. Phẩm chất.

Đoàn kết, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Các hình trong SGK được trình chiếu.

- Dụng cụ thí nghiệm như hình 2, 5, 6 SGK và một số vật dẫn điện, cách điện.

- Bảng nhóm, giấy A3, bút lông.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động. **- Mục tiêu:** + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Khơi gợi những hiểu biết đã có của HS về tính chất của nước. **- Cách tiến hành:**	
- GV tổ chức cho HS quan sát dây điện của máy chiếu cắm truyền từ ổ điện của lớp học rồi tra lời câu hỏi: + Những vật có đặc điểm như thế nào thì dẫn điện, cách điện? + Làm cách nào để biết một vật dẫn điện hay cách điện? - GV xác nhận ý kiến đúng - GV nhận xét, kết luận: + Vật dẫn điện cho dòng điện chạy qua nó, vật cách điện không cho dòng điện chạy qua nó. + Muốn biết được một vật dẫn điện hay cách điện thì ta dùng day dẫn điện nối hai đầu vật với một bóng đèn điện vfa đèn pin. Nếu đèn sáng thì vật đó dẫn điện, đèn không sáng thì vật đó cách điện. - GV dẫn vào bài.	- HS quan sát và trả lời câu hỏi. - HS lắng nghe.

2. Khám phá và luyện tập.

- Mục tiêu:

+ Đề xuất được cách làm thí nghiệm để xác định vật dẫn điện, vật cách điện.

- Phát triển năng lực khoa học.

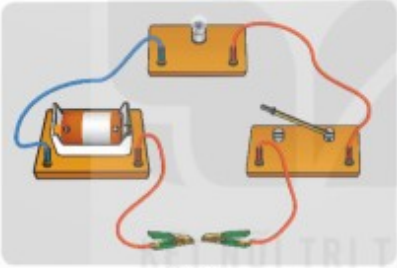
Hoạt động 2: Vật dẫn điện và vật cách điện

2.1 Thí nghiệm xác định miếng bìa là vật cách điện.

- GV yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát hình 5 và hình 6 (SGK trang 36) rồi trả lời các câu hỏi:

+ Khi đóng khoá K thì đèn sáng hay không sáng?

+ Miếng bìa là vật dẫn điện hay vật cách điện?



Hình 5



- HS đọc thông tin, quan sát hình 5 và hình 6.

- HS trả lời câu hỏi.

.

- GV áp dụng Phương pháp "Bàn tay nặn bột" để HS dự đoán kết quả ban đầu về vật dẫn điện, vật cách điện.

- HS đưa ra dự đoán ban đầu.

- GV tổ chức thực hiện thí nghiệm, yêu cầu HS quan sát và ghi kết quả vào Phiếu.

Tên vật	Đèn sáng	Đèn không sáng	Vật dẫn điện	Vật cách điện
?	?	?	?	?

- HS thực hành làm thí nghiệm.

- HS quan sát và ghi kết quả.

+ Vật dẫn điện: đồng, sắt, thiếc

+ Vật cách điện: nhừa, da, cao su, thuỷ tinh.

+ Cách làm thí nghiệm:

Dùng hai cái kẹp A, B lần lượt kẹp vào hai đầu các vật bằng: đồng, nhựa, da, sắt, thiếc, cao su, thuỷ tinh.. Nếu đèn sáng thì vật đó dẫn điện, nếu đèn không sáng thì vật đó cách điện.

- GV mời nhóm trình bày.

- GV yêu cầu HS so sánh với kết quả dự đoán ban đầu của nhóm.

- GV nhận xét, kết luận.

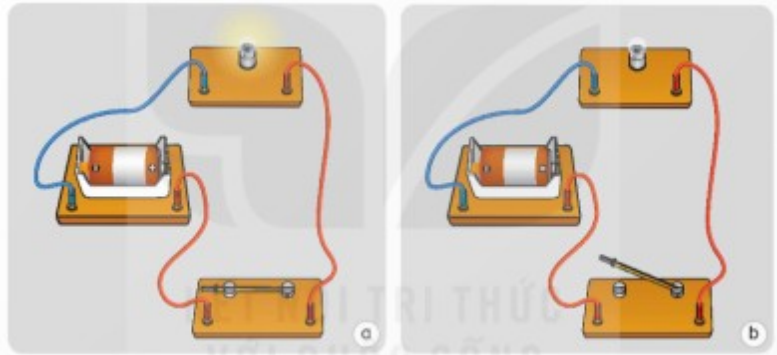
+ Vật cho dòng điện chạy qua là vật dẫn điện.

- Đại diện nhóm trình bày.

- Nhóm khác nhận xét.

- HS so sánh với kết quả dự đoán ban đầu của nhóm.

- HS lắng nghe.

Những vật dẫn điện đều được làm bằng kim loại: đồng, sắt, chì, kẽm…. + Vật không cho dòng điện chạy qua là vật cách điện. Những vật cahcs điện được làm bằng: nhựa, cao su, da, thủ tinh, bìa carton. **2.2 Xác định những bộ phận làm bằng vật dẫn điện, vật cách điện.** . GV yêu cầu HS tìm hiểu mạch điện hình 3 (SGK trang 35) rồi chỉ ra những bộ phận làm bằng vật dẫn điện, vật cách điện.	- HS tìm hiểu mạch điện hình 3 (SGK trang 35) rồi chỉ ra những bộ phận làm bằng vật dẫn điện, vật cách điện. + Lõi dây điện được làm bằng kim loại (đồng, nhôm) là vật dẫn điện để cho dòng điện chạy qua. + Vỏ dây điện được làm từ nhựa hoặc cao su, là vật cách điện để đảm bảo an toàn cho người sử dụng.
 Hình 3 - GV tổ chức cho HS chia sẻ trước lớp.	- HS chia sẻ trước lớp. - Lớp nhận xét, góp ý.
- GV yêu cầu HS quan sát hình 7 (SGK trang 37) và: + Chỉ ra những bộ phận làm bằng vật dẫn điện, vật cách điện ở mỗi đồ dùng. + Vì sao lại sử dụng vật dẫn điện hoặc vật cách điện ở mỗi bộ phận đó?	- HS quan sát hình. + Bộ phận làm bằng vật dẫn điện: lõi của dây điện, chốt của phích cắm ở các dụng cụ. Những đồ vật này làm bằng vật dẫn điện vì cần cho dòng điện chạy qua. + Bộ phận làm bằng vật cách điện: vỏ của dây điện, vỏ của bàn là, máy sấy tóc, cánh quạt. Làm bằng vật cách điện để khi sử dụng không bị điện giật, đảm bảo an toàn cho người dùng.
 Hình 7 - GV nhận xét, tuyên dương.	

3. Hoạt động nối tiếp

- Mục tiêu:

+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

+ Chuẩn bị bài cho tiết sau.

+ Phát triển năng lực khoa học.

- Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS đọc mục "Em đã học" để ghi nhớ lại kiến thức đã học. - GV yêu cầu HS về nhà đọc và tìm hiểu thông tin của mục "Em có thể" và "Em có biết" để chia sẻ cùng bạn vào tiết học tiếp theo. - GV nhận xét tiết dạy, tuyên dương.	- HS đọc mục "Em đã học" HS về nhà đọc và tìm hiểu thông tin của mục "Em có thể" và "Em có biết". -HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ):

.....

.....

.....

CHỦ ĐỀ 2: NĂNG LƯỢNG

Bài 10: NĂNG LƯỢNG CHẤT ĐỐT (tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù.

Năng lực khoa học tự nhiên: Nêu được một số nguồn năng lượng chất đốt và vai trò của chúng trong đời sống và sản xuất.

- Trình bày được biện pháp phòng chống cháy, nổ, ô nhiễm khi sử dụng năng lượng chất đốt

- Nêu và thực hiện được việc làm thiết thực để tiết kiệm năng lượng chất đốt.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực, chủ động hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất cách sử dụng nguồn năng lượng trong đun nấu hằng ngày mà không gây cháy nổ; biện pháp phòng chống cháy nổ, ô nhiễm môi trường khi sử dụng năng lượng chất đốt

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia nhiệm vụ nhóm, chia sẻ ý kiến, trình bày kết quả làm việc nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng hiểu biết vận dụng những kiến thức đã học về vai trò của năng lượng chất đốt vào trong cuộc sống.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức và thực hiện sử dụng năng lượng chất đốt an toán, tiết kiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Kết nối được kiến thức HS đã biết với nội dung kiến thức của bài, tạo hứng thú học tập. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức chơi trò chơi "Ô cửa bí mật". + Cách chơi: GV lần lượt đưa ra các câu hỏi sau mỗi ô cửa để HS trả lời. Ai có câu trả lời đúng sẽ được mở một ô cửa. Mở hết 4 ô cửa sẽ xuất hiện bức ảnh các bạn nhỏ miền núi ngồi sưởi ấm bên	- HS thực hiện chơi trò chơi - HS lắng nghe GV phổ biến cách chơi. Và lần lượt lật chọn ô cửa nêu câu trả lời.

đống lửa. Câu 1: Mạch điện thắp sáng đơn giản có những bộ phận nào? Câu 2: Trong mạch điện thắp sáng, bộ phận nào là nguồn điện? Câu 3: Vật dẫn điện có đặc điểm gì? Câu 4: Nêu ví dụ về một số vật chất cách điện? + GV nhận xét, khen ngợi HS tham gia chơi. - GV nêu câu hỏi: Các bạn trong bức ảnh đang làm gì? Nguồn năng lượng nào tạo hơi ấm cho các bạn? - GV đặt vấn đề: Có những nguồn năng lượng chất đốt nào và chúng được sử dụng như thế nào trong cuộc sống? - GV giới thiệu bài. Ghi bảng.	Câu 1: Mạch điện thắp sáng đơn giản gồm: nguồn điện, bóng đèn, dây điện và công tắc. Câu 2: Trong mạch điện thắp sáng, bộ phận công tắc là nguồn điện Câu 3: Vật dẫn điện cho dòng điện chạy qua. Câu 4: Ví dụ: Sứ, nhựa, gỗ, cao su, thuỷ tinh,... - HS nghe, suy nghĩ về vấn đề GV đặt ra. - HS lắng nghe, ghi vở.
2. Hoạt động khám phá: **-** Mục tiêu: Nêu được một số năng lượng chất đốt. + HS trình bày được một số vai trò của một số nguồn năng lượng chất đốt trong đời sống và sản xuất. + HS nêu được lợi ích của việc sử dụng năng lượng chất đốt trong cuộc sống. **-** Cách tiến hành:	
Hoạt động khám phá 1. **1. Một số năng lượng chất đốt** - GV yêu cầu HS quan sát và đọc nội dung thông tin ở hình 1 SGK.	- HS đọc nội dung thông tin ở hình 1.



- GV giúp HS phân tích nội dung thông tin thông qua các câu hỏi:
+ Than được khai thác từ đâu và sử dụng vào những việc gì?
+ Dầu mỏ được khai thác như thế nào và dùng để làm gì?
+ Khí tự nhiên được sử dụng vào những việc gì?

+ Khí sinh học được tạo ra bằng cách nào và dùng để làm gì?
- GV xác nhận ý kiến đúng, tuyên dương.

Hoạt động khám phá 2.

2. Vai trò của năng lượng chất đốt trong đời sống và sản xuất

- GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm đôi thực hiện nhiệm vụ trong phiếu học tập: Quan sát hình 2 và cho biết con người, máy móc, dụng cụ và phương tiện giao thông trong hình sử dụng loại chất đốt nào.

- HS lắng nghe và nêu câu trả lời.

+ Than được khai thác từ các mỏ than trong lòng đất
+ Dầu mỏ được lấy lên từ các giếng dầu
+ Khí tự nhiên thường được tìm thấy cùng với than đã và dâu mỏ
+ Khí sinh học được tạo ra từ việc ủ các chất thải hữa cơ.
- HS lắng nghe.

- HS quan sát các đối tượng: con người, máy móc, dụng cụ và phương tiện giao thông hình 2 SGK.



Hình 2

- GV sử dụng các câu hỏi gợi mở cho HS thảo luận:

+ Hình 2a: Động cơ máy bay sử dụng chất đốt gì?

+ Hình 2b: Chất đốt nào giúp bếp ga toả nhiệt để nấu chín thức ăn?

+ Hình 2c: Tàu thuỷ chạy được nhờ năng lượng chất đốt nào?

+ Hình 2d: Năng lượng của loại chất đốt nào giúp cơ thể các bạn nhỏ ấm lên trong những ngày mùa đông lạnh giá?

+ Hình 2e: Xe lu hoạt động được nhờ năng lượng chấtt đốt nào?

+ Hình 2g: Máy cấy lúa lấy năng lượng từ đâu để hoạt động?

- GV yêu cầu các nhóm HS trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, khen ngợi HS và chốt kết quả đúng của từng hình.

Hoạt động khám phá 3:

- GV tổ chức cho HS hoạt động thảo luận theo nhóm:

+ Chia HS thành các nhóm và giao cho mỗi nhóm tìm hiểu lợi ích của một loại năng lượng chất đốt khác nhau (ví dụ: Than đá, dầu mỏ, khí đốt tự

- Thảo luận nhóm theo các câu hỏi gợi mở của GV, hoàn thành phiếu học tập:

Hình	Chất đốt	Sử dụng vào việc
2a	Xăng	Làm động cơ máy bay hoạt động.
2b	Khí tự nhiên	Nấu thức ăn
2c	Dầu đi-ê-den	Làm động cơ tàu thuỷ hoạt động.
2d	Củi	Sưởi ấm.
2e	Dầu đi-ê-den	Làm động cơ xe lu hoạt động.
2g	Dầu đi-ê-den	Làm động cơ máy cấy lúa hoạt động.

- HS trình bày, nhận xét nội dung.

- HS lắng nghe ghi nhớ.

- HS làm việc theo nhóm:

+ Cá nhân mỗi HS trong từng nhóm nêu ý kiến về lợi ích của năng lượng chất đốt.

+ Nhóm trưởng tổng hợp ý kiến của các thành viên (mỗi nhóm có thể tổng hợp bằng cách viết, vẽ sơ đồ tư

nhiện, khí đốt sinh học). + Yêu cầu mỗi nhóm tìm hiểu và trình bày về lợi ích của loại năng lượng chất đốt được giao. - Sau khi trình bày, tổ chức thảo luận để HS so sánh và đối chiếu lợi ích của các loại năng lượng chất đốt khác nhau. - GV nhận xét, khen ngợi các nhóm.	duy, vẽ tranh minh hoạ,..) - Các nhóm lần lượt trình bày kết quả thảo luận trước lớp.
3. Hoạt động luyện tập. - Mục tiêu: + HS kể tên được các nguồn năng lượng chất đốt có trong tự nhiên và do con người tạo ra. - Cách tiến hành:	
- GV cho HS kể tên các nguồn năng lượng chất đốt khác và cho biết nguồn năng lượng đó có trong tự nhiên hay do con người tạo ra. - GV xác nhận ý kiến đúng, khen ngợi HS. - GV nhận xét chung tuyên dương.	- HS suy nghĩ, và lần lượt kể các nguồn năng lượng chất đốt khác và cho biết nguồn năng lượng đó có trong tự nhiên hay do con người tạo ra. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Nêu được ví dụ về việc sử dụng năng lượng chất đốt đã làm tăng hiệu quả sản xuất và giúp con người giảm bớt sức lao động. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV chia HS thành 4 nhóm và giao cho mỗi nhóm tìm ví dụ về việc sử dụng năng lượng chất đốt đã làm tăng hiệu quả sản xuất và giúp con người giảm bớt sức lao động trong các lĩnh vực khác nhau. - GV tổ chức cho các nhóm trình bày trước lớp.	- HS thực hiện thảo luận nhóm, nhóm trưởng điều khiển nhóm. HS nêu ví dụ về việc sử dụng năng lượng chất đốt, phân tích vì sao việc đó lại giúp tăng hiệu quả lao động và giảm bớt sức lao động. - Lần lượt các nhóm nêu kết quả

	thảo luận, các nhóm khác bổ sung (nếu có).
+ Nhóm 1 về nông nghiệp.	+ Nhóm 1(Nông nghiệp): Sử dụng dầu đi-ê-den để chạy máy cày, mấy cấy, máy bơm nước,.. giúp con người đỡ vất vả mà tăng năng suất lao động.
+ Nhóm 2 về công nghiệp.	+ Nhóm 2 (công nghiệp): Sử dụng xăng, dầu đi-ê-den để chạy máy xúc, máy ủi,.. giúp tăng năng suất sản xuất, giảm chi phí.
+ Nhóm 3 về Giáo thông vận tải.	+ Nhóm 3(Giáo thông vận tải): Sử dụng các phương tiện giao thông chạy bằng xăng, dầu đi-ê-dem để vận chuyển và tăng hiệu quả kinh tế.
+ Nhóm 4 về sinh hoạt.	+ Nhóm 4(sinh hoạt): Sử dụng bếp ga để nấu ăn, giúp tiết kiệm thời gian và công sức so với nấu bếp than củi.
- GV nhận xét, tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

TUẦN 12: **CHỦ ĐỀ 2: NĂNG LƯỢNG**

Bài 11: SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI, NĂNG LƯỢNG GIÓ, NĂNG LƯỢNG NƯỚC CHẢY (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

Năng lực khoa học: HS kể được những việc con người sử dụng năng lượng gió trong cuộc sống.

+ Kể tên được những việc có sử dụng năng lượng gió.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: tích cực, chủ động tìm thông tin thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của bài học.

- Năng lực trách nhiệm: Thực hiện nhiệm vụ của nhóm, tìm hiểu thành phần và vai trò của đất đối với cây trồng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia nhiệm vụ nhóm và chia sẻ trong nhóm, trình bày kết quả nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chuẩn bị bài trước khi đến lớp, hăng say tìm tòi kiến thức bên ngoài để mở rộng hiểu biết và thường xuyên xem lại kiến thức bài cũ.

- Phẩm chất trách nhiệm: Hoàn thành các nhiệm vụ tự học cá nhân, nắm được và thực hiện tốt nhiệm vụ khi làm việc nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK, tranh ảnh sưu tầm hoặc vật thể về các loại đất và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

<table>
<tr><th>Hoạt động của giáo viên</th><th>Hoạt động của học sinh</th></tr>
<tr><td colspan="2">1. Khởi động:
- Mục tiêu:
+ Nhắc lại được các thành phần của đất.
+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.
- Cách tiến hành:</td></tr>
<tr><td>- GV tổ chức kể tên các đồ vật sử dụng năng lượng mặt trời trong gia đình em.

- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Năng lượng gió cần cho sự sống của mọi sinh vật trên Trái Đất. Con người đã sử dụng năng lượng gió, lợi ích của năng lượng gió như thế nào cô và các em cùng tìm hiểu bài hôm nay.</td><td>- HS trả lời: bình nước nóng, bóng điện, đèn pin,…
- HS lắng nghe.</td></tr>
</table>

2. Hoạt động khám phá:

- Mục tiêu:

+ HS kể được những việc con người sử dụng năng lượng gió trong cuộc sống.

- Cách tiến hành:

Vai trò của đất đối với cây trồng. GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm: Yêu cầu HS quan sát hình 4 và cho biết con người sử dụng năng lượng gió vào những việc gì?  Hình 4	- Nhóm trưởng tổ chức cho các bạn: + Cá nhân HS quan sát hình, trả lời câu hỏi. + Nhóm thống nhất ý kiến.
- Tổ chức cho các nhóm chia sẻ kết quả trước lớp. - GV hướng dẫn thảo luận, giao lưu giữa các nhóm.	- Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận, giao lưu giữa các nhóm: Hình 4a: Chạy thuyền buồm. Hình 4b: Rê thóc (Loại bỏ thóc lép). Hình 4c: Chạy tua-bin gió để phát điện. Hình 4d: Thả diều.
- GV đưa ra câu hỏi gợi mở, HS thảo luận để hiểu sâu hơn về việc sử dụng năng lượng gió: + Vì sao năng lượng gió có thể giúp người nông dân loại bỏ được những hạt thóc lép? + Nơi nào ở nước ta có thể xây dựng nhà máy phong điện (điện được sản xuất từ năng lượng gió)? Vì sao?	+ HS trả lời theo ý hiểu + Ngoài khơi hoặc giáp biển: có 3 nhà máy điện gió lớn nhất Việt Nam 1.Tổ hợp điện gió Ea Nam – Ninh Thuận 2. Tổ hợp điện gió Bạc Liêu – Bạc Liêu 3. Tổ hợp điện gió Trà Vinh – Trà Vinh
- GV xác nhận ý kiến đúng, khen ngợi HS.	- HS lắng nghe
3. Hoạt động luyện tập.	

<table>
<tr><td colspan="2">- Mục tiêu:
+ Kể tên được những việc có sử dụng năng lượng gió.
+ Nêu được những lợi ích của năng lượng gió đối với con người.
- Cách tiến hành:</td></tr>
<tr><td>* Những việc có sử dụng năng lượng gió.
- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Xì điện.
- GV hướng dẫn cách chơi: GV sẽ “châm ngòi” đầu tiên và nêu tên một việc sử dụng năng lượng gió (chẳng hạn: thả diều) rồi chỉ vào một em thuộc một trong hai đội, HS này phải nêu được ngay một việc khác cũng sử dụng năng lượng gió. Nếu kết quả đúng thì em đó có quyền “xì điện” một bạn thuộc đội đối phương.
+ GV chia lớp thành hai đội để thi đua.
- GV nhận xét trò chơi.
* Những lợi ích của năng lượng gió đối với con người.
- GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm 4.
- Sử dụng kĩ thuật Khăn trải bàn, yêu cầu các nhóm dựa vào những hiểu biết trong thực tế nêu lợi ích của năng lượng gió đối với con người.
+ Bao quát, có thể hướng dẫn các nhóm cách tổng hợp kết quả và ghi nội dung kết luận chung của nhóm.
- GV tổ chức cho HS trình bày kết quả trước lớp.
- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm và kết luận.</td><td>HS lắng nghe cách chơi.
HS tham gia chơi: Vận dụng những hiểu biết của bản thân để có thể kể tên các việc sử dụng năng lượng gió như: thả diều, phơi quần áo, chạy thuyền buồm, rê thóc, làm cối xay gió, quay tua-bin chạy máy phát điện,…
- Các nhóm làm việc: Cá nhân HS ghi lợi ích của năng lượng gió đối với con người vào mỗi góc khăn trải bàn, phần giữa khăn trải bàn ghi nội dung kết luận chung của nhóm.
+ Tiết kiệm chi phí.
+ Giảm bớt sức lao động.
+ Năng lượng gió có thể tái tạo.
+ Năng lượng gió là nguồn năng lượng xanh và không gây ô nhiễm.
- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.
- HS lắng nghe.</td></tr>
<tr><td colspan="2">4. Vận dụng trải nghiệm.
- Mục tiêu:
+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</td></tr>
</table>

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mĩ. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- Nhận xét tiết học . - Dặn dò HS: + Tìm hiểu về việc sử dụng năng lượng nước chảy + Những lợi ích của năng lượng nước chảy đối với con người.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. - HS tìm hiểu bài sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

TUẦN 12 **CHỦ ĐỀ 2: NĂNG LƯỢNG**

Bài 11: SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI, NĂNG LƯỢNG GIÓ, NĂNG LƯỢNG NƯỚC CHẢY (T3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

Năng lực khoa học: HS nêu được những việc con người sử dụng năng lượng nước chảy trong cuộc sống.

+ Trình bày được việc sử dụng năng lượng nước chảy ở địa phương và lợi ích của năng lượng nước chảy.

+ Vận dụng kiến thức về năng lượng gió giải thích được vì sao khi thuyền buồm đi ngược gió, người ta phải hạ buồm xuống; chỉ ra được năng lượng giúp bè gỗ trôi được trên sông.

+ Tìm hiểu và trình bày được việc khai thác, sử dụng năng lượng ở Việt Nam.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: tích cực, chủ động tìm thông tin thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của bài học.

- Năng lực trách nhiệm: Thực hiện nhiệm vụ của nhóm, tìm hiểu thành phần và vai trò của đất đối với cây trồng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia nhiệm vụ nhóm và chia sẻ trong nhóm, trình bày kết quả nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chuẩn bị bài trước khi đến lớp, hăng say tìm tòi kiến thức bên ngoài để mở rộng hiểu biết và thường xuyên xem lại kiến thức bài cũ.

- Phẩm chất trách nhiệm: Hoàn thành các nhiệm vụ tự học cá nhân, nắm được và thực hiện tốt nhiệm vụ khi làm việc nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK, tranh ảnh sưu tầm hoặc vật thể về các loại đất và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV cho HS đọc bài thơ *Bè xuôi sông La* (tác giả Vũ Duy Thông), có thể kết hợp xem hình ảnh hoặc video về bè gỗ trôi trên sông. - GV hỏi HS: Con người đã sử dụng nguồn năng lượng nào để chở gỗ từ miền núi về đồng bằng? - GV kết nối với tiết học: Trong cuộc sống, con người còn sử dụng năng lượng nước chảy vào những việc gì? - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Năng lượng nước chảy cần cho sự sống của mọi sinh vật trên Trái Đất. Con người đã sử dụng năng lượng nước chảy, lợi ích của năng lượng nước chảy như thế nào cô và các em cùng tìm	- HS đọc thơ, quan sát tranh hoặc xem video. - HS trả lời: Năng lượng nước chảy giúp bè gỗ trôi về xuôi. - HS lắng nghe, ghi vở.

hiểu bài hôm nay.	

2. Hoạt động khám phá:

- Mục tiêu:

+ HS nêu được những việc con người sử dụng năng lượng nước chảy trong cuộc sống.

- Cách tiến hành:

*** Những việc con người sử dụng năng lượng nước chảy trong cuộc sống.** - GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm: - Yêu cầu HS quan sát hình 5 và thực hiện nhiệm vụ trong SGK.  - Tổ chức cho các nhóm chia sẻ kết quả trước lớp. - GV xác nhận ý kiến đúng, khen ngợi HS. *** Sử dụng năng lượng nước chảy ở địa phương và lợi ích của năng lượng nước chảy.** - GV tổ chức cho HS làm việc nhóm, thảo luận theo các nhiệm vụ trong SGK: + Ở địa phương em, năng lượng nước chảy được sử dụng vào những việc gì? + Những lợi ích của năng lượng nước chảy đối với con người. - GV tổ chức cho các nhóm trình bày trước	- Nhóm trưởng tổ chức cho các bạn: + Cá nhân HS quan sát hình, cho biết con người sử dụng năng lượng nước chảy vào những việc gì. + Nhóm thống nhất ý kiến. - Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận, giao lưu giữa các nhóm. Hình 5a: Làm quay cọn nước, đưa nước về bản. Hình 5b: Chạy máy phát điện ở nhà máy thuỷ điện. Hình 5c: Giã gạo. Hình 5d: Vận chuyển tre, gỗ,… trên sông từ thượng nguồn về xuôi. - HS thảo luận nhóm theo các nhiệm vụ GV yêu cầu và ghi kết quả vào phiếu thảo luận nhóm. **Việc sử dụng năng lượng nước chảy** | **Lợi ích** Quay cọn nước để đưa nước về | - Giảm bớt sức lao động.

<table>
<tr>
<td>lớp.
- GV xác nhận ý kiến đúng, khen ngợi các nhóm làm việc hiệu quả.

- GV cho HS đọc mục “Em có biết?”
GV giới thiệu về hệ thống làm lạnh sản xuất đá viên và bảo quản thực phẩm nhờ sử dụng năng lượng nước chảy.</td>
<td>
<table>
<tr><td>bản</td><td rowspan="4">- Tiết kiệm chi phí.
- Bảo vệ môi trường.</td></tr>
<tr><td>Giã gạo</td></tr>
<tr><td>Vận chuyển gỗ</td></tr>
<tr><td>Chạy thuyền buồm</td></tr>
</table>
- Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận trước lớp.
- HS đọc.
- HS lắng nghe.
</td>
</tr>
<tr>
<td colspan="2">3. Hoạt động luyện tập.
- Mục tiêu:
+ Vận dụng kiến thức về năng lượng gió giải thích được vì sao khi thuyền buồm đi ngược gió, người ta phải hạ buồm xuống; chỉ ra được năng lượng giúp bè gỗ trôi được trên sông.
+ Tìm hiểu và trình bày được việc khai thác, sử dụng năng lượng ở Việt Nam
- Cách tiến hành:</td>
</tr>
<tr>
<td>* Vì sao khi thuyền buồm đi ngược gió, người ta phải hạ buồm xuống - chỉ ra được năng lượng giúp bè gỗ trôi được trên sông.
- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm: thảo luận theo các câu hỏi gợi mở của GV:

+ Thuyền buồm sử dụng năng lượng nào để di chuyển?

+ Vì sao khi thuyền buồm đi ngược gió, người ta phải hạ buồm xuống?

+ Nguồn năng lượng nào đã giúp bè gỗ trôi được trên sông?
- GV tổ chức cho các nhóm chia sẻ kết quả</td>
<td>

- HS suy nghĩ và trao đổi ý kiến trong nhóm theo các câu hỏi gợi mở của GV. Nhóm thống nhất ý kiến:
+ Thuyền buồm sử dụng sức gió để di chuyển.

+ Khi thuyền buồm đi ngược gió, cánh buồm sẽ chịu lực cản rất lớn của gió, làm thuyền di chuyển chậm lại. Để giảm thiểu lực cản này, người ta phải hạ buồm.
+ Nguồn năng lượng nước chảy (chủ yếu) và năng lượng gió (góp phần) đã giúp bè gỗ trôi được trên sông.</td>
</tr>
</table>

thảo luận trước lớp. - GV xác nhận ý kiến đúng, khen ngợi HS. - GV mở rộng: Khi di chuyển ngược gió, thuyền buồm thường phải sử dụng động cơ để hỗ trợ thuyền di chuyển. Hạ buồm giúp giảm tải cho động cơ, tiết kiệm nhiên liệu và giảm chi phí vận hành.	- Các nhóm chia sẻ ý kiến trước lớp. - Nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến.
*** Tìm hiểu và trình bày** - GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm thực hiện nhiệm vụ: tìm hiểu và trình bày việc khai thác, sử dụng năng lượng theo gợi ý SGK trang 45. + Những việc trong đời sống, sản xuất có khai thác, sử dụng nguồn năng lượng đã chọn. + Nguồn năng lượng này mang lại lợi ích gì cho địa phương em? + Những thuận lợi và khó khăn khi sử dụng nguồn năng lượng này. - GV bao quát, hỗ trợ các nhóm (nếu cần). - GV tổ chức cho các nhóm trình bày sản phẩm và thuyết trình. - GV nhận xét, tuyên dương các nhóm làm việc tốt.	- HS tự chọn tham gia một trong các nhóm theo chủ đề: năng lượng mặt trời, năng lượng gió và năng lượng nước chảy. - Mỗi nhóm thực hiện nhiệm vụ tìm hiểu và trình bày việc khai thác, sử dụng năng lượng ở Việt Nam: + Năng lượng mặt trời được dùng vào rất nhiều việc trong đời sống, sản xuất tại địa phương em. Mọi người sử dụng năng lượng mặt trời để phơi lúa vào các vụ mùa. + Năng lượng mặt trời, năng lượng gió được sử dụng trong các hoạt động hằng ngày là chiếu sáng, sưởi ấm, làm khô quần áo, đồ đạc,… + Vào ngày nắng nóng, việc phơi lúa diễn ra rất thuận lợi. Nhưng thời tiết nắng nóng cũng gây hại cho sức khoẻ con người. - Nhóm tự lựa chọn hình thức trình bày: Phiếu thông tin, hình ảnh và thuyết minh cho các hình ảnh đó, sơ đồ tư duy,... - Trình bày sản phẩm. Nhận xét, đánh giá, bổ sung cho nhóm bạn (nếu có).

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mĩ.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV tổ chức cho HS tổng kết theo 3 nội dung ở mục "Em đã học". - Dặn dò HS chuẩn bị cho nội dung bài Ôn tập..	- Đại diện HS đọc, HS lắng nghe. - HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

TUẦN 13 (tiết 1):

ÔN TẬP CHỦ ĐỀ NĂNG LƯỢNG

Bài 12: ÔN TẬP CHỦ ĐỀ NĂNG LƯỢNG (1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Tóm tắt được những nội dung chính đã học dưới dạng sơ đồ.
- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng của chủ đề vào một số tình huống đơn giản trong cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hiện tốt và có sáng tạo các hoạt động của bài học để nắm chắc kiến thức.
- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự thực hiện thí nghiệm, trải nghiệm để kiểm chứng tính thực tiễn của nội dung bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tích cực trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm và thí nghiệm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Tạo mối quan hệ tốt với bạn trong học tập và trải nghiệm.

- Phẩm chất chăm chỉ: Tích cực tham gia các hoạt đông để nắm vững nội dung yêu cầu cần đạt của bài học.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức hoàn thành nhiệm vụ cá nhân và nhiệm vụ khi hoạt động nhóm

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Củng cố kiến thức về các nguồn năng lượng + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV giới thiệu trò chơi "Đuổi hình bắt chữ" và phổ biến luật chơi: GV cho HS xem hình ảnh về sử dụng các dạng năng lượng (Ví dụ: thuyền buồm, bình nước nóng sử dụng năng lượng mặt trời, con nước, quạt điện, máy bay,...) và yêu cầu HS đoán tên dạng năng lượng đó. Mỗi lần HS trả lời đúng được GV tặng một tích khen.	- HS lắng nghe, nắm bắt cách chơi.
- GV điều hành HS chơi	- HS tham gia chơi
- Sau khi tổ chức trò chơi, GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:	- HS TL:
+ Em đã học về những nguồn năng lượng nào?	+ NL điện, chất đốt, mặt trời, nước chảy, gió +3-5 HS trả lời
+ Các nguồn năng lượng đó đã được sử dụng trong cuộc sống như thế nào?	- HS lắng nghe.
- GV nhận xét, kết luận, để dẫn vào bài mới.	
- GV ghi bảng tên bài	- HS ghi vở
2. Hoạt động luyện tập vận dụng:	

- Mục tiêu:

+ Ôn tập kiến thức của chủ đề.

+ Hình thành cách đọc một sơ đồ đơn giản và biết được mối quan hệ giữa các kiến thức đã học.

+ Khai thác ứng dụng của năng lượng trong cuộc sống, vận dụng được kiến thức về sử dụng năng lượng tiết kiệm và an toàn.

- Cách tiến hành:

Hoạt động 1: Tóm tắt được các nội dung chính đã học dưới dạng sơ đồ. (Làm việc nhóm 4)	
- GV mời 1 HS đọc yêu cầu.	- 1 HS đọc yêu cầu bài.
- GV chiếu tranh lên bảng để HS quan sát, đồng thời hướng dẫn HS quan sát các bức tranh.	- HS quan sát 4 bức tranh.
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 và giao nhiệm vụ học tập cho các nhóm: + Hoàn thiện sơ đồ hình 1. + Chia sẻ với bạn về việc sử dụng một số nguồn năng lượng trong cuộc sống hằng ngày.	- HS thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi.
- GV cho các nhóm trình bày	- Đại diện các nhóm trình bày: + Cá nhân mỗi HS nêu tên các nguồn năng lượng đã học, nêu ý kiến về việc sử dụng các nguồn năng lượng đó. + Nhóm thống nhất ý kiến và điền vào sơ đồ.
- GV khuyến khích HS đặt câu hỏi cho các nhóm để hiểu kĩ hơn về vai trò của các nguồn năng lượng trong cuộc sống. Chẳng hạn: + Hãy nêu ví dụ về việc sử dụng năng lượng chất đốt để chạy máy. + Sử dụng năng lượng mặt trời trong cuộc sống có lợi ích gì? + Vì sao cần tránh lãng phí khi sử dụng năng lượng chất đốt?	- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung, giao lưu với nhóm bạn. -HS lắng nghe, ghi nhớ kiến thức

<table>
<tr>
<td>+Loại năng lượng nào sạch nhất?
- GV nhận xét, khen HS. Lưu ý HS thực hành tiết kiệm và đảm bảo an toàn khi sử dụng các nguồn năng lượng</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Hoạt động 2. Vận dụng được kiến thức về sử dụng năng lượng điện vào giải quyết một số tình huống đơn giản trong cuộc sống. (Làm việc nhóm 6)
- GV cho HS đọc YC: Thảo luận nhóm 6, Quan sát các hoạt động trong hình 2 và hoàn thành phiếu học tập
- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 6 để hoàn thành phiếu học tập.
- GV cho đại diện nhóm trình bày

-GV cho HS nhận xét, giao lưu</td>
<td>-1 HS đọc trước lớp, HS khác đọc thầm. HS nắm được nhiệm vụ thảo luận
- HS thảo luận nhóm 6 hoàn thành phiếu học tập.
-Đại diện nhóm trình bày trước lớp
<table>
<tr><th>Hình</th><th>Hoạt động</th><th>Tác hại</th><th>Biện pháp phòng tránh</th></tr>
<tr><td>2a</td><td>Đi chân trần, cắm dây ở quạt vào ổ điện khi dây điện bị hở.</td><td>Có thể bị điện giật.</td><td>Không cầm điện, báo cho người lớn biết,..</td></tr>
<tr><td>2b</td><td>Đứng trên sàn nhà ướt để sấy tóc.</td><td>Có thể bị điện giật.</td><td>Không sấy tóc trong nhà tắm hoặc đi dép nhựa khô để sấy tóc</td></tr>
<tr><td>2c</td><td>Sử dụng điện thoại khi đang cắm sạc điện.</td><td>Có thể bị điện giật hoặc nổ điện thoại.</td><td>Không sử dụng điện thoại khi đang cắm sạc điện.</td></tr>
<tr><td>2d</td><td>Thay bóng đèn bàn học</td><td>Có thể bị điện</td><td>Rút phích cắm ra khỏi ổ điện trước</td></tr>
</table>
</td>
</tr>
</table>

	khi vẫn cắm điện.	giật.	khi thay bóng đèn.

- GV NX, khen ngợi và hỏi:
+Khi sử dụng năng lượng điện có thể xảy ra nguy hiểm gì?
+Em đã từng chứng kiến sự cố liên quan đến sử dụng năng lượng điện chưa? Khi đó em có cảm nghĩ gì?
+Cần làm gì để đảm bảo an toàn khi sử dụng năng lượng điện
- GV nhận xét, khen HS chốt: Cần thực hiện tốt các biện pháp an toàn khi sử dụng điện tránh các tai nạn đáng tiếc

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung, giao lưu với nhóm bạn.

-3-5HS trả lời theo ý kiến cá nhân

- HS lắng nghe rút kinh nghiệm

Hoạt động 3. Vận dụng được kiến thức về sử dụng năng lượng vào giải quyết một số tình huống đơn giản trong cuộc sống. (Làm việc nhóm bàn)

-GV YC HS đọc
-GV cho HS làm việc nhóm bàn xử lí tình huống với câu hỏi gợi ý:
+ Theo em, nguồn năng lượng nào tốt nhất để làm nóng chậu nước?
+ Em có thể làm gì để đảm bảo an toàn và tiết kiệm năng lượng khi đun nước?
-GV cho các nhóm trình bày phương án xử lí trong nhóm tổ, chọn cách xử lí thích hợp nhất trong tổ.
-GV cho nhóm đại diện tổ trình bày cách xử lí trước lớp, cho HS giao lưu, bình chọn phương án xử lí tốt nhất.
-GV nhận xét, khen HS, chốt kiến thức:
Sử dụng năng lượng mặt trời an toàn và tiết kiệm hơn và góp phần bảo vệ môi trường.

- 1-2 HS đọc, lớp đọc thầm
- HS thảo luận nhóm bàn xử lí tình huống theo câu hỏi gợi ý

- Các nhóm chia sẻ trong tổ và đề cử phương án tốt nhất

-Đại diện các nhóm tổ đưa phương án trước lớp.
-HS nhận xét, giao lưu, bình chọn

- HS lắng nghe, ghi nhớ bài học

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:
+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS chơi trò "Tuyên truyền viên nhí": các tổ sáng tạo các động tác hoặc slogan tuyên truyền về sử dụng năng lượng an toàn và tiết kiệm. - GV cho các tổ trình bày trước lớp. - GV nhận xét tiết học, tuyên dương HS học tích cực. - Dặn dò về nhà.	- HS lắng nghe hướng dẫn và thực hiện theo tổ - Các tổ trình bày trước lớp. -HS lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

TUẦN 13: **CHỦ ĐỀ 3: THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT**

Bài 13: SINH SẢN CỦA THỰC VẬT CÓ HOA (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Năng lực khoa học: Xác định được cơ quan sinh sản của thực vật có hoa.
- Phân biệt được hoa đơn tính và hoa lưỡng tính.
- Sử dụng sơ đồ đã cho ghi chú được tên các bộ phận của hoa.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: tích cực, chủ động tìm thông tin thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của bài học.
- Năng lực trách nhiệm: Thực hiện nhiệm vụ của nhóm, tìm hiểu thành phần và vai trò của đất đối với cây trồng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia nhiệm vụ nhóm và chia sẻ trong nhóm, trình bày kết quả nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chuẩn bị bài trước khi đến lớp, hăng say tìm tòi kiến thức bên ngoài để mở rộng hiểu biết và thường xuyên xem lại kiến thức bài cũ.

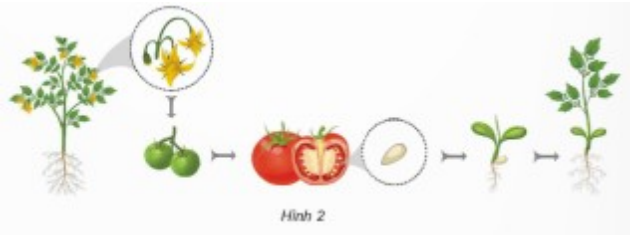
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm chăm sóc cây, không hái hoa, quả, chơi đùa bẻ cành, dẫm lên cây,...

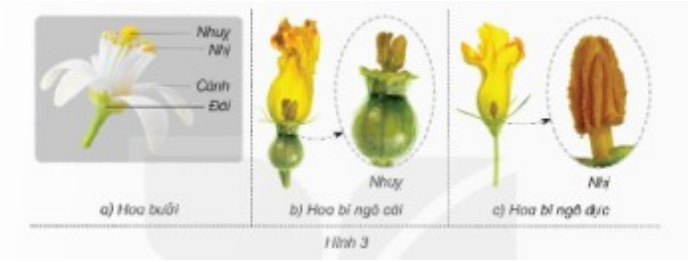
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

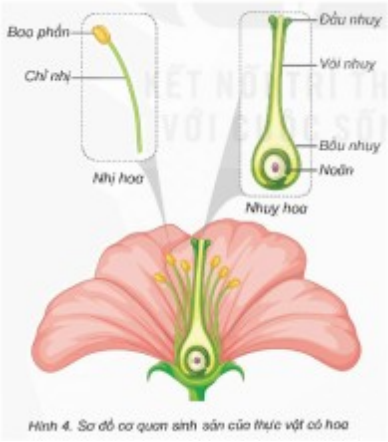
- SGK, tranh ảnh sưu tầm hoặc vật thể về các loại đất và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

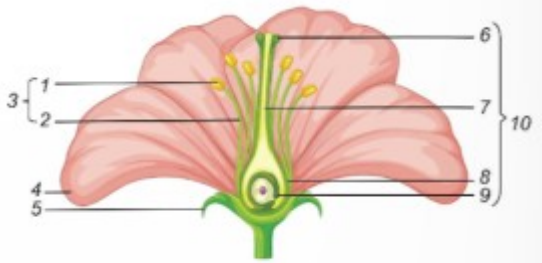
III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

<table>
<tr><th>Hoạt động của giáo viên</th><th>Hoạt động của học sinh</th></tr>
<tr><td colspan="2">1. Khởi động:
- Mục tiêu:
+ HS nêu được tên một số hoa, chức năng của hoa và sinh sản ở thực vật có hoa bằng kiến thức thực tế và hiểu biết ban đầu.
+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.
- Cách tiến hành:</td></tr>
<tr><td>- GV phổ biến cách chơi và tổ chức cả lớp chơi trò chơi Ong tìm mật sử dụng các câu hỏi nhận biết một số hoa quen thuộc và chức năng của hoa như gợi ý trong SGK:
+ Có 3 đội chơi với 6 câu hỏi tương ứng với 6 bông hoa, mỗi đội được quyền trả lời 2 câu hỏi. Đội nào trả lời đúng chú ong sẽ tìm được mật hoa, đội nào trả lời sai chú ong sẽ không lấy được mật. Đội nào không trả lời được hoặc trả lời sai sẽ nhường quyền trả lời cho các đội còn lại. Các đội chơi cùng giúp chú ong lấy được mật nhé.
+ Các câu hỏi tương ứng với hình hoa của các cây khác nhau. Các đội cho biết tên cây có hoa tương ứng đó. Một số hoa như hoa sen, hoa hoa bưởi, hoa hồng, hoa mướp, hoa đu đủ, hoa hướng dương,…
- GV tổng kết và đặt thêm câu hỏi cho đội chiến thắng: Theo các em, hoa có chức năng gì?
- GV không đánh giá đúng sai mà tìm ý để kết</td><td>- Cả lớp lắng nghe cách chơi.
- HS tham gia trò chơi và được chia làm 3 đội, mỗi đội 2 – 3 HS.
- HS quan sát và lắng nghe câu hỏi, khi có tín hiệu kết thúc nêu đáp án, nếu sau 5 giây không có đáp án quyền trả lời sẽ thuộc về các đội còn lại.
- HS lắng nghe câu hỏi.
- HS có thể nêu một số chức năng của hoa như chức năng tạo quả, hạt; hoa trang trí, làm đẹp cảnh quan;…
- HS lắng nghe, ghi tên bài.</td></tr>
</table>

nối vào bài. Ví dụ: Hoa tham gia vào sự sinh sản của thực vật như thế nào? Các bộ phận của hoa là gì? Vai trò các bộ phận của hoa trong sinh sản ở thực vật như thế nào chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong bài hôm nay. - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới, ghi bảng: Cây có thể sống và phát triển trên các loại đất nhưng không thể trồng trên đá. Vậy, trong đất có những thành phần nào giúp cho cây trồng có thể phát triển, các em cùng tìm hiểu ở các hoạt động sau.	
2. Hoạt động khám phá: - Mục tiêu: + Nhận biết được thành phần của đất gồm: không khí, nước, chất khoáng và một số chất khác. - Cách tiến hành:	
Hoạt động 1: Cơ quan sinh sản của thực vật có hoa - GV yêu cầu HS quan sát hình 2 về sự hình thành cây cà chua con từ cây cà chua mẹ và trả lời câu hỏi trong SGK.  Hình 2 - GV nhận xét, kết luận: Hoa là cơ quan sinh sản của thực vật có hoa. + Tên cơ quan sinh sản của cây cà chua. + Bộ phận nào của quả hình thành nên cây cà chua con? - Khi xác định được hoa là cơ quan sinh sản của thực vật, GV có thể sử dụng *kĩ thuật KWL* để tổ chức khám phá bài học: + GV phát bảng nhóm, đồng thời chia bảng	- HS quan sát hình 2, trả lời câu hỏi: + Hoa là cơ quan sinh sản của cây cà chua. + Từ hạt (nằm trong quả) hình thành nên cây cà chua con. - HS ghi vở kết luận: Hoa là cơ quan sinh sản của thực vật có hoa. - HS lắng nghe, nhận bảng nhóm.

lớp thành 3 cột: *K* (những điều đã biết), *W* (điều muốn biết) và *L* (điều học được). + GV yêu cầu: Hãy nói những điều em biết về các bộ phận của hoa và sự sinh sản tạo cây con ở thực vật có hoa và yêu cầu HS ghi vào cột *K*. + GV quan sát và viết tổng hợp, chắt lọc nhanh các ý và viết vào cột *K*. + GV hỏi: Em có muốn tìm hiểu thêm điều gì về các bộ phận của hoa, vai trò các bộ phận đó với sự sinh sản của cây. - GV quan sát và viết tổng hợp, chắt lọc nhanh các ý và viết vào cột *W*. GV dẫn dắt: Để giải đáp những điều muốn biết chúng ta cùng khám phá về các bộ phận của một số hoa.	- HS suy nghĩ nhanh và nêu ra các từ, cụm từ có liên quan đến các bộ phận của hoa và sự sinh sản tạo cây con ở thực vật có hoa và theo nhóm ghi vào cột K như: Hoa có các bộ phận đài hoa, cánh hoa, nhị hoa, nhuỵ hoa; cánh hoa có nhiều màu, hình dạng khác nhau, hoa hình thành nên quả có hạt, hạt nảy mầm thành cây con,… - HS nghe câu hỏi, thảo luận nói và ghi một số điều muốn biết vào cột W như thế nào để từ hoa tạo được quả, hạt; vai trò của các bộ phận của hoa trong tạo quả và hạt, có phải các hoa đều có đủ các bộ phận,… - HS lắng nghe.
Hoạt động 2: Phân biệt hoa đơn tính và lưỡng tính - GV yêu cầu HS đọc khung thông tin trang 49 và trả lời câu hỏi.  Hình 3 + Hoa có những bộ phận nào? + Hoa đơn tính là gì? Hoa lưỡng tính là gì? - GV nhận xét. - GV dẫn dắt: Để tìm hiểu rõ hơn các bộ phận của hoa đơn tính, hoa lưỡng tính các em thực hiện các nhiệm vụ tiếp theo. - GV phân nhóm 4, yêu cầu HS quan sát hình 3 và 4 hoàn thành Phiếu học tập số 1, thời	- HS làm việc cá nhân đọc khung thông tin. Sau đó đại diện một HS đọc to trước lớp. - HS quan sát hình 3 và trả lời câu hỏi. + Hoa gồm đài, cánh, nhị và nhuỵ hoa. + Hoa đơn tính là hoa chỉ có nhị hoặc nhuỵ hoa trên một hoa. + Hoa lưỡng tính là hoa có cả nhị và nhuỵ hoa trên một bông hoa.

gian 5 phút. - GV gọi đại diện nhóm trình bày phiếu, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhấn mạnh vào các bộ phận của nhị và nhuỵ hoa. - GV tổ chức cho HS đọc phần em có biết tìm hiểu về hoa ngô -GV chốt đáp án: Hình 3 cho biết hoa bưởi là hoa lưỡng tính, hoa bí ngô là hoa đơn tính GV kết luận: Hoa đơn tính chỉ có nhị hoặc nhuỵ; hoa lưỡng tính có cả nhị và nhuỵ trên cùng một hoa và ghi vào cột .	- HS làm việc nhóm, quan sát hình, hoàn thành phiếu. - Đại diện 1– 2 nhóm trình bày, các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung. - HS đọc bài. - HS lắng nghe, ghi bài.
3. Hoạt động luyện tập. - Mục tiêu: + Củng cố kiến thức đã học về các bộ phận của hoa. - Cách tiến hành:	
* Quan sát hình 4, chỉ và nói tên các bộ phận của nhị hoa, nhuỵ hoa.  Hình 4. Sơ đồ cơ quan sinh sản của thực vật có hoa *** Chỉ trên hình 5 và nói tên các bộ phận của hoa.**	- Hình 4 cho biết các bộ phận của nhị hoa, nhuỵ hoa là: + Nhị hoa gồm bao phấn, chỉ nhị. + Nhuỵ hoa gồm đầu nhuỵ, vòi nhuỵ, bầu nhuỵ, noãn.



Hình 5. Sơ đồ các bộ phận của hoa

- GV yêu cầu làm việc cá nhân rồi thảo luận nhóm để thực hiện bài tập 1.

- GV gọi đại diện 1 nhóm lên chia sẻ kết quả, chỉ và nói các bộ phận của hoa trên hình.
- GV nhận xét các ý kiến và điều chỉnh (nếu có).

***Thu thập, xác định hoa đơn tính, hoa lưỡng tính**

- GV tổ chức cho HS thực hành quan sát các bộ phận của hoa mang đến lớp như hoa bí, hoa bưởi, hoa li, hoa mướp,… hoặc nếu có vườn trường thi tổ chức HS tham quan vườn trường, quan sát và chỉ (hoặc ghi lại) các bộ phận của một số hoa quan sát vào bảng báo cáo.
- GV theo dõi hoạt động HS.
- GV yêu cầu các nhóm dán các phiếu kết quả lên bảng, đại diện các nhóm trình bày, các nhóm theo dõi bổ sung, điều chỉnh (nếu có).

- HS lắng nghe và thực hiện nhiệm vụ.
- Nhóm thống nhất, hoàn thành nhiệm vụ.
+ Các bộ phận của hoa: 1. Bao phấn; 2. Chỉ nhị; 3. Nhị hoa; 4. Cánh hoa; 5. Lá đài; 6. Đầu nhuỵ; 7. Vòi nhuỵ; 8. Bầu nhuỵ; 9. Noãn; 10. Nhuỵ hoa.
- Đại diện 1 nhóm trình bày, các nhóm khác quan sát, theo dõi kết quả của nhóm mình, nhận xét và điều chỉnh (nếu có).

- HS thực hành tìm hiểu các bộ phận của một số hoa thu thập hoặc hoa vườn trường.

- Báo cáo kết quả thực hành
+ Hoa đơn tính là hoa mướp, hoa bí, dưa chuột, hoa li,…….
+ Hoa lưỡng tính là hoa cải, hoa bưởi, hoa cam,….
- Các nhóm trưng bày phiếu báo cáo và chia sẻ kết quả.

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:
+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và

năng lực thẩm mĩ. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- Nhận xét tiết học . - Dặn dò: + GV tổng kết bảng *KWL* và dặn dò HS chuẩn bị tiết học sau mang một số quả non hoặc quả già đến lớp.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. - HS nghe và thực hiện - HS tìm hiểu về tác dụng của đất đối với cây trồng.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

TUẦN 14: **CHỦ ĐỀ 3: THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT**

Bài 13: SINH SẢN CỦA THỰC VẬT CÓ HOA (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Năng lực khoa học: Xác định được cơ quan sinh sản của thực vật có hoa.

- HS dựa vào sơ đồ nêu được vai trò của nhị và nhuỵ trong quá trình thụ phấn, thụ tinh, tạo hạt và quả.

- HS vận dụng được kiến thức về sự thụ phấn, thụ tinh, tạo quả và hạt giải thích được một số hiện tượng tự nhiên.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: tích cực, chủ động tìm thông tin thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của bài học.

- Năng lực trách nhiệm: Thực hiện nhiệm vụ của nhóm, tìm hiểu thành phần và vai trò của đất đối với cây trồng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia nhiệm vụ nhóm và chia sẻ trong nhóm, trình bày kết quả nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chuẩn bị bài trước khi đến lớp, hăng say tìm tòi kiến thức bên ngoài để mở rộng hiểu biết và thường xuyên xem lại kiến thức bài cũ.

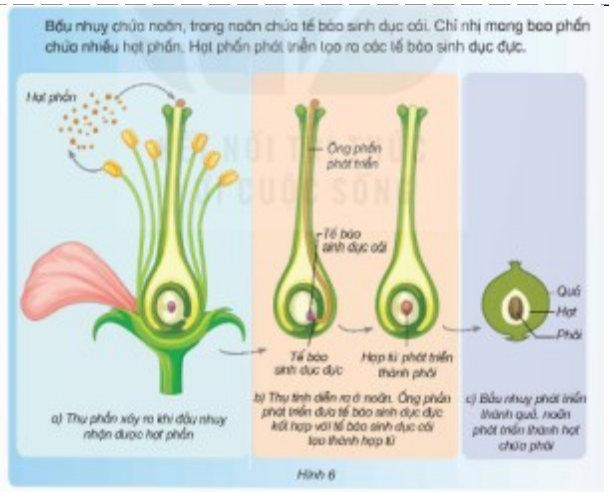
- Phẩm chất trách nhiệm: Hoàn thành các nhiệm vụ tự học cá nhân, nắm được và thực hiện tốt nhiệm vụ khi làm việc nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK, tranh ảnh sưu tầm hoặc vật thể về các loại đất và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi ghép thẻ chữ với hình tương ứng: Có 4 đội chơi, mỗi đội có 5 thành viên với 10 thẻ chữ tương ứng với 10 bộ phận của hoa hoàn chỉnh. GV đưa ra hình 1 sơ đồ hoa với các thanh chỉ trống. Yêu cầu lần lượt thành viên các đội trong 3 phút gắn các thẻ chữ với các chú thích. Nhóm nào hoàn thành nhanh và đúng nhất được thưởng sao. - GV tổng kết trò chơi, thưởng sao cho đội chiến thắng - GV dẫn dắt giới thiệu bài : Các bộ phận của hoa tham gia vào quá trình thụ phấn, thụ tinh, tạo quả và hạt như thế nào.	- Các nhóm HS cử 5 đại diện tham gia ghép thẻ chữ. Mỗi HS trong nhóm cầm 2 thẻ ghép lên hình của nhóm mình. - Đại diện HS theo dõi, nhận xét kết quả các đội chơi - HS lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá: - Mục tiêu: + HS dựa vào sơ đồ nêu được vai trò của nhị và nhuỵ trong quá trình thụ phấn, thụ tinh, tạo hạt và quả. - Cách tiến hành:	
***Sự thụ phấn, thụ tinh, tạo quả và hạt** - GV tổ chức cho HS quan sát hình 6, đọc khung thông tin, yêu cầu HS làm việc cá nhân và thảo luận nhóm 4, hoàn thành Phiếu học tập số 2.	- HS làm việc cá nhân rồi thảo luận nhóm 4 thực hiện nhiệm vụ:





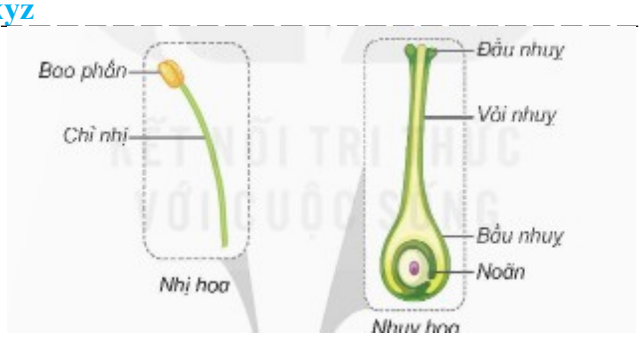
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

+ Chỉ trên hình và nói về sự thụ phấn, thụ tinh ở thực vật có hoa.

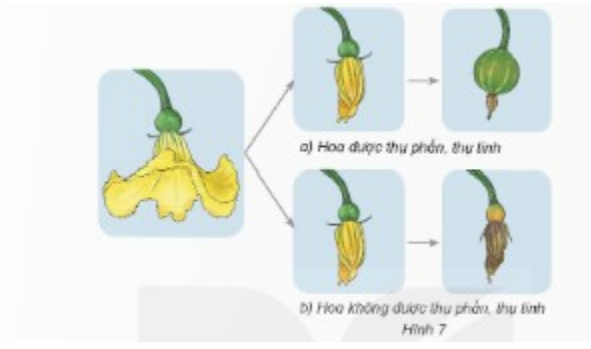
+ Nêu vai trò của nhị hoa, nhuy hoa trong quá trình thụ phốn, thụ tinh.

+ Cho biết bộ phận nào hình thành quả và hạt.

- GV gọi một số nhóm trình bày.
- GV nhận xét, chỉnh sửa nếu cần.
- Từ câu trả lời các nhóm GV nhấn mạnh vai trò của nhị và nhuy trong quá trình thụ phấn, thụ tinh, tạo hạt và quả: Nhị giải



+ Ghi chú các bộ phận trong sơ đồ:
1. Bộ phận của hoa tạo tế bào sinh dục đực là nhị hoa (hạt phấn/chỉ nhị).
2. Bộ phận của hoa tạo tế bào sinh dục cái là nhuy hoa (noãn).
3. Bộ phận của hoa hình thành quả là bầu nhuy.
4. Bộ phận của hoa hình thành hạt là noãn.
5. Khi đầu nhuy nhận được hạt phấn là sự thụ phấn.
6. Thụ tinh xảy ra khi tế bào sinh dục đực kết hợp với tế bào sinh dục cái tạo thành hợp tử.
- Sự thụ phấn, thụ tinh ở thực vật có hoa:
+ Thụ phấn xảy ra khi đầu nhuy nhận được hạt phấn.
+ Thụ tinh diễn ra ở noãn. Ống phấn phát triển đưa tế bào sinh dục đực kết hợp với tế bào sinh dục cái tạo thành hợp tử.
- Vai trò của nhị hoa, nhuy hoa trong quá trình thụ phấn, thụ tinh:
+ Nhị hoa gồm chỉ nhị mang bao phấn chứa nhiều hạt phấn. Nhị hoa sẽ phát tán hạt phấn để hạt phấn đến đầu nhuy thì xảy ra quá trình thụ phấn.
+ Hạt phấn trên đầu nhuy sẽ phát triển tạo ra các tế bào sinh dục đực. Ống phấn phát triển đưa tế bào sinh đực kết hợp với

phóng hạt phấn để thụ tinh với tế bào sinh dục cái nằm trong noãn ở bầu nhuỵ. Sau thụ tinh, noãn sau đó sẽ phát triển thành hạt, bầu nhuỵ phát triển thành quả. - GV kết luận: Sau khi hoa được thụ phấn, sự thụ tinh xảy ra, hình thành hợp tử. Hợp tử phát triển thành phôi, noãn phát triển thành hạt chứa phôi, bầu nhuỵ phát triển thành quả chứa hạt.	tế bào sinh dục cái tạo thành hợp tử trong noãn. Như vậy quá trình thụ tinh diễn ra toàn bộ trong nhuỵ hoa. - Bầu nhuỵ phát triển thành quả, noãn phát triển thành hạt chứa phôi. - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, điều chỉnh, bổ sung (nếu có). - HS lắng nghe, ghi kết luận vào vở.
3. Hoạt động luyện tập. - Mục tiêu: + HS vận dụng được kiến thức về sự thụ phấn, thụ tinh, tạo quả và hạt giải thích được một số hiện tượng tự nhiên. + HS đặt được câu hỏi về sự sinh sản của thực vật có hoa. - Cách tiến hành:	
3.1. Quan sát hình 7, sự phát triển của hoa được thụ phấn và không thụ phấn - GV tổ chức cho HS quan sát hình 7 về sự phát triển tiếp theo của hoa trong hai trường hợp để thực hiện bài tập 1.  Hình 7 - Từ câu trả lời của HS, GV chốt và nhấn mạnh về vai trò của sự thụ phấn, thụ tinh trong quá trình tạo quả và hạt.	- HS quan sát hình 7 về sự phát triển tiếp theo của hoa trong hai trường hợp, trả lời câu hỏi. - Đại diện một số HS trả lời, các HS lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

+ Khi hoa được thụ phấn, thụ tinh thì sự phát triển tiếp theo của hoa sẽ như thế nào. + Khi hoa không được thụ phấn, thụ tinh thì sự phát triển tiếp theo của hoa sẽ như thế nào. - GV tổ chức HS đọc mục "Em có biết?" sgk trang 51. - GV hỏi các em thêm về mối quan hệ giữa ong, bướm và hoa hoặc câu hỏi vận dụng như: Có hai vườn nhãn, một vườn nuôi ong có năng suất cao hơn (quả nhiều hơn), thu nhập cao hơn vườn không nuôi ong. Em hãy giải thích. - GV chốt về đặc điểm hoa thụ phấn nhờ côn trùng, nhờ gió và mối quan hệ giữa côn trùng với hoa trong tự nhiên. **3.2. Đặt câu hỏi tìm hiểu về sự sinh sản của một số cây hoa.** - GV tổ chức HS hoạt động nhóm 4 để đặt câu hỏi tìm hiểu về sự sinh sản của một số cây có hoa theo một số gợi ý trong SGK. - GV phân nhóm, mỗi nhóm một cây có hoa quen thuộc ở địa phương như cây đào, cây ổi, cây khế, cây mướp,… + Một số câu hỏi như: Cơ quan sinh sản của cây hoa là gì? Là hoa lưỡng tính hay đơn tính? - GV yêu cầu 1 – 2 nhóm cử đại diện lên	+ Khi hoa được thụ phấn, thụ tinh thì hoa trở thành nơi cung cấp chất dinh dưỡng để nuôi quả + Khi hoa không được thụ phấn, thụ tinh thì hoa sẽ tự héo úa. + Nếu hoa không được thụ phấn, thụ tinh thì hạt và quả sẽ không thể hình thành được. - Đại diện HS đọc, HS lắng nghe. - HS trả lời câu hỏi: Vườn nuôi ong, ong lấy mật hoa sẽ thụ phấn cho hoa giúp tạo quả nhiều hơn, ong còn tạo mật nên sẽ có thu nhập cao hơn vườn không nuôi ong. - HS lắng nghe - HS hoạt động theo nhóm, thảo luận đặt các câu hỏi để tìm hiểu về cơ quan sinh sản, các bộ phận, vai trò các bộ phận, sự hình thành quả, hạt,… + Tổ chức chia sẻ trong mỗi nhóm, bạn đặt câu hỏi, bạn trả lời. + Sự sinh sản của cây hoa sen + Cơ quan sinh sản là hoa sen. + Hoa sen là hoa lưỡng tính, những cái tơ nhỏ màu vàng phía dưới là nhị hoa và phần chấm đỏ có lồi lên một chút là nhuỵ hoa. Từ đó, hình thành đài sen. - Đại diện 1 nhóm trình bày, các nhóm lắng nghe, bổ sung.

chia sẻ theo hình thức bạn hỏi, bạn trả lời. - GV nhận xét, đánh giá, thưởng sao các nhóm tốt.	
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mĩ. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS tổng kết bài học theo nội dung mục "Em đã học". - GV yêu cầu HS thực hiện mục "Em có thể" xác định hoa đơn tính, hoa lưỡng tính một số hoa phổ biến ở địa phương. - GV nhận xét tiết học. GV dặn HS về nhà chuẩn bị phần tiếp theo: Gieo một số hạt giống (đậu, lạc, cam, bưởi, …) vào cốc trước 3 – 4 ngày khi học bài tiếp theo và mang đến lớp.	- Đại diện HS đọc, lắng nghe - HS lắng nghe - HS nghe và chuẩn bị trước khi đến lớp

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

.....

CHỦ ĐỀ 3: THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT
BÀI 14: SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÂY CON- TIẾT 1

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Vẽ sơ đồ (hoặc sử dụng sơ đồ đã cho), ghi chú được tên các bộ phận của hạt

- Sử dụng sơ đồ đã cho, ghi chú được tên một số giai đoạn phát triển chính của cây con mọc lên từ hạt

- Trình bày được sự lớn lên của cây con.

- Nêu được ví dụ về cây con mọc lên từ hạt.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực, chủ động hoàn thành các nhiệm vụ được giao, chia sẻ nội dung tìm hiểu về sự phát triển của cây con.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hiện tốt và có sáng tạo trong thực hiện các hoạt động của bài học để nắm chắc kiến thức.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tự tin trình bày ý kiến thảo luận, hợp tác với bạn trong các hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Xây dựng tốt mối quan hệ thân thiện với bạn trong học tập và trải nghiệm.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để nắm vững nội dung yêu cầu cần đạt của bài học.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm giữ vệ sinh, chăm chỉ trong các hoạt động trồng cây.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học. - Cách tiến hành:	
GV tổ chức trò chơi "Hái xoài" để khởi động bài học. + Câu 1: Cơ quan sinh sản của thực vật có hoa là: A. Gốc B. Rễ C. Lá D. Hoa + Câu 2: Tế bào dục đực của thực vật có hoa gọi là gì? A. Nhụy B. Nhị C. Noãn D. Phôi + Câu 3: Tế bào dục cái của thực vật có hoa	- HS tham gia trò chơi + Câu 1: D. Hoa + Câu 2: B. Nhị

gọi là gì? A. Nhụy B. Nhị C. Noãn D. Phôi + Câu 4: Hoa của cây nào dưới đây là hoa lưỡng tính: A. Hoa bí B. Hoa mướp C. Hoa bưởi D. Hoa bầu - GV nhận xét tuyên dương - GV dẫn dắt vào bài mới	+ Câu 3: A. Nhụy + Câu 4: C. Hoa bưởi - HS lắng nghe
2. Khám phá: 1. Cây con mọc lên từ hạt - Mục tiêu: + Vẽ sơ đồ (hoặc sử dụng sơ đồ đã cho), ghi chú được tên các bộ phận của hạt + Sử dụng sơ đồ đã cho, ghi chú được tên một số giai đoạn phát triển chính của cây con mọc lên từ hạt + Trình bày được sự lớn lên của cây con. + Nêu được ví dụ về cây con mọc lên từ hạt. - Cách tiến hành:	
<u>Hoạt động khám phá 1:</u>	
- Yêu cầu HS đọc đoạn thông tin trong sgk + Hạt thường có những bộ phận nào?	- 1 HS đọc, cả lớp theo dõi + Hạt thường 3 bộ phận gồm: vỏ hạt, chất dinh dưỡng dự trữ, phôi (mầm cây)
- Yêu cầu HS quan sát hình 2 và thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi: + Hạt đậu gồm những bộ phận nào?	- HS thảo luận nhóm đôi. + Hạt đậu gồm có 3 bộ phận là: vỏ hạt, chất dinh dưỡng dự trữ, phôi.
+ Bộ phận nào của hạt đậu sẽ mọc thành cây?	+ Phôi của hạt đậu mọc thành cây.
- GV mời các nhóm báo cáo kết quả (có thể mời HS lên bảng hỏi và chỉ các bộ phận).	- Các nhóm báo cáo kết quả.
- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.	- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương và kết luận: ***Hạt thường gồm vỏ hạt, chất dinh dưỡng dự trữ và phôi (mầm cây).***	- HS lắng nghe
<u>Hoạt động khám phá 2:</u>	
- GV cho HS thảo luận nhóm 6 và phát cho mỗi nhóm 1 đĩa có các hạt đậu mà giáo viên đã	- HS thảo luận nhóm 6 theo yêu cầu của GV.

chuẩn bị và ngâm trong nước 6 tiếng yêu cầu các nhóm thực hiện nhiệm vụ sau: + Quan sát bên ngoài hạt + Tách đôi hạt theo đường rãnh + Chỉ và nói tên các bộ phận của hạt + Vẽ vào giấy A4 và ghi chú các bộ phận của hạt quan sát được. - GV mời các nhóm báo cáo kết quả. - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét tuyên dương	Ví dụ sơ đồ: - Các nhóm báo cáo kết quả. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Lắng nghe
<u>Hoạt động khám phá 3:</u>	
Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi: Quan sát hình 3 và trả lời câu hỏi: + Nêu tên các giai đoạn phát triển chính của cây đậu mọc lên từ hạt? + Trình bày sự lớn lên của cây đậu con mọc lên từ hạt? + Vẽ sơ đồ các giai đoạn phát triển chính của cây? - GV mời các nhóm báo cáo kết quả. - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét tuyên dương và kết luận: ***Cây con có thể mọc lên từ hạt. Các giai đoạn phát triển chính của cây gồm: nảy mầm, cây con, cây trưởng thành.***	- HS thảo luận, quan sát, trả lời câu hỏi + Các giai đoạn phát triển chính của cây đậu là: nảy mầm; cây con; cây trưởng thành. + Sự lớn lên của cây đậu cây đậu mọc lên từ hạt là: rễ mầm mọc và đâm xuống đất, chồi mầm mọc vươn lên cao; cây con phát triển ra nhiều lá, rễ mới; cây ra hoa, tạo quả. + Nảy mầm Cây con Cây trưởng thành - Các nhóm báo cáo kết quả. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Lắng nghe
3. Luyện tập: - Mục tiêu: + Kể được các cây mọc lên từ hạt. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi "Tiếp sức"	- HS chơi trò chơi.

+ Luật chơi: Mỗi tổ cử 5 bạn lên xếp hàng trước bảng, HS đầu hàng cầm phấn ghi 1 đáp án cây mọc lên từ hạt lên bảng rồi đưa phấn cho bạn tiếp theo cứ như vậy trong vòng 3 phút đội nào ghi được nhiều đáp án đúng hơn là đội giành chiến thắng - GV nhận xét, tuyên dương nhóm thắng cuộc.	+ Ví dụ: ngô, lúa,… - Lắng nghe
4. Vận dụng, trải nghiệm - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu trong thực tế, sách báo, internet, …về sự phát triển của cây con mọc lên từ hạt mà em biết và vẽ sơ đồ và ghi chú các giai đoạn phát triển chính của cây. - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.	- Học sinh lắng nghe. - HS lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

KHOA HỌC

BÀI 16: VÒNG ĐỜI VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA ĐỘNG VẬT (tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được vòng đời và sự phát triển của động vật đẻ trứng.
- Trình bày được sự lớn lên của con non nở ra từ trứng.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu vòng đời của một số động vật đẻ trứng.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Ghi chú được vòng đời của một số động vật đẻ trứng dựa vào sơ đồ đã cho. Trình bày được sự lớn lên của con non nở ra từ trứng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nhận biết và trao đổi với bạn và mọi người về vòng đời của một số động vật đẻ trứng. Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng hiểu biết vòng đời của một số động vật đẻ trứng. Biết được sự lớn lên của con non nở ra từ trứng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể. Yêu quý động vật.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV đưa ra câu hỏi: ? Kể tên một con vật mà em yêu thích? Nêu hình thức sinh sản và một số điểm khác biệt giữa con non và con trưởng thành của động vật? - GV mời một số học sinh trình bày - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Ở tiết học trước, cô trò chúng ta đã đi tìm hiểu	- Cả lớp lắng nghe. Một con vật mà em yêu thích là con chó. Con non không sinh sản được. Con trưởng thành sinh sản được. Đó là sự khác biệt giữa con non và con trưởng thành của con chó. Ngoài ra, con non còn có kích thước nhỏ hơn con trưởng thành. - HS lắng nghe.

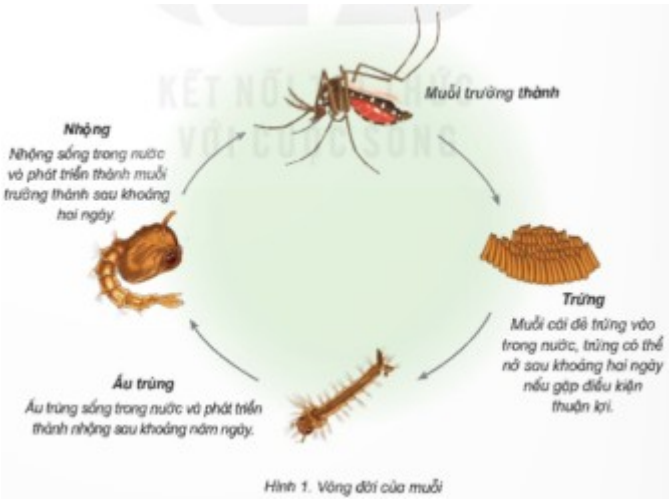
về sự sinh sản của động vật đẻ trứng và đẻ con.Vậy vòng đời và sự phát triển của động vật đẻ trứng diễn ra như thế nào? Qúa trình đó ra sao? Thì tiết học hôm nay cta cùng khám phá nhé: "Vòng đời và sự phát triển của động vật"	

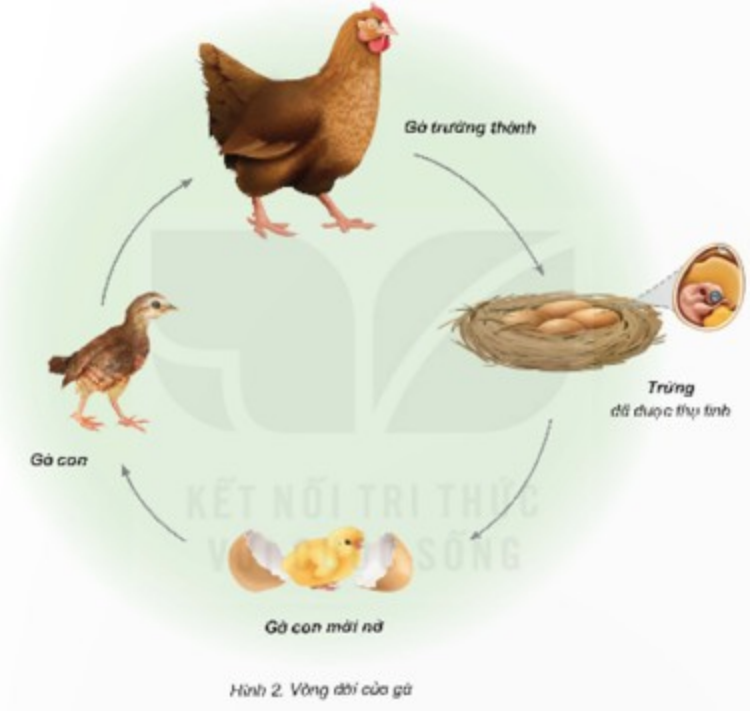
2. Hoạt động khám phá:

- Mục tiêu:

+ Học sinh trình bàyvòng đời và sự phát triển của động vật đẻ trứng .

- Cách tiến hành:

Hoạt động khám phá 1. - GV yêu cầu hs quan sát hình 1, đọc thông tin và trả lời câu hỏi  Hình 1. Vòng đời của muỗi . - GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. - GV nhận xét, tuyên dương. **Hoạt động khám phá 2.** GV tổ chức cho Hs tham gia hoạy động nhóm 2, quan sát hình 2, đọc thông tin và trả lời câu hỏi Nêu tên các giai đoạn phát triển của gà. - Nhận xét về hình dạng của gà con so với gà trưởng thành. - Mô tả sự phát triển của của gà con nở ra từ trứng.	- HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: - Các giai đoạn phát triển chính trong vòng đời của muỗi (4 giai đoạn): trứng - ấu trùng - nhộng - muỗi trưởng thành. - Hình dạng và nơi sống của ấu trùng nở ra từ trứng: Ấu trùng sống trong nước. Hình dạng của ấu trùng cũng đầy đủ các bộ phận nhưng chưa có cánh. - Sự phát triển của ấu trùng đến khi là muỗi trưởng thành: Ấu trùng phát triển thành nhộng sau khoảng năm ngày. Nhộng sống trong nước và phát triển thành muỗi trưởng thành sau khoảng hai ngày. - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. - HS lắng nghe nhiệm vụ để chuẩn bị thực hiện. - Các nhóm thảo luận và tiến hành



Hình 2. Vòng đời của gà

- GV mời đại diện các nhóm trình bày, các nhóm nhận xét lẫn nhau.
- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV cho HS đọc mục Em có biết?

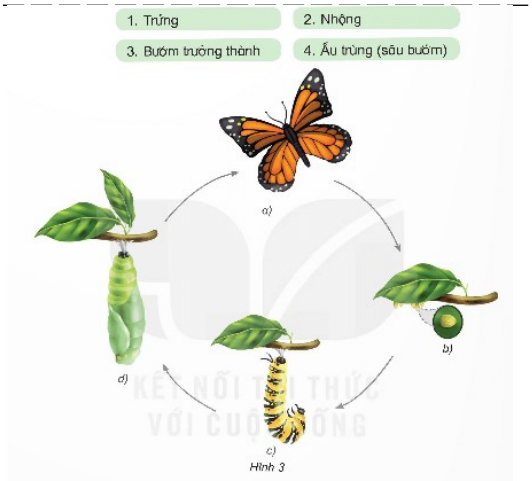
thực hiện theo yêu cầu.
- Các giai đoạn phát triển của gà:
+ Trứng.
+ Gà con mới nở.
+ Gà con.
+ Gà trưởng thành.
- Hình dạng của gà con so với gà trưởng thành: Kích thước của gà trưởng thành lớn, lớn hơn với gà con. Hình dạng của gà trưởng thành và gà con tương tự nhau.
- Mô tả sự phát triển của của gà con nở ra từ trứng: Trứng được thụ tinh hình thành nên gà con. Gà con nở ra phát triển dần thành gà trưởng thành.

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả và nhận xét lẫn nhau.
- HS đọc

3. Hoạt động luyện tập.

- Mục tiêu:
+ Củng cố những kiến thức về vòng đời của một số động vật đẻ trứng và đẻ con.
+ Rèn luyện kĩ năng để góp phần phát triển năng lực tư duy, năng lực thẩm mỹ.
- Cách tiến hành:

Hoạt động trò chơi: “” - GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh ai đúng ”. - Luật chơi: + Ba đội tham gia trò chơi. Mỗi đội 4 HS. + Khi có hiệu lệnh, các Hs trong đội lần lượt ghép các ô chữ lên bảng theo đúng giai đoạn phát triển trong vòng đời của bướm với hình tương ứng. + Trong 2 phút, đội nào ghép đúng và nhanh	- HS lắng nghe luật chơi. - HS tham gia chơi. - Các giai đoạn phát triển trong vòng đời của bướm với hình tương ứng: 3 – a; 1 – b; 4 – c; 2 – d.

nhất sẽ là đội chiến thắng. - GV tổng kết trò chơi. - GV nhận xét chung tuyên dương các nhóm. Gv chốt : Sự phát triển trình bày của bướm qua các giai đoạn: Bướm đẻ trứng, trứng lớn lên thành ấu trùng (sâu bướm). Sâu bướm trưởng thành thành nhộng. Nhộng phá kén thành con bướm.	 Hình 3 HS lắng nghe

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mĩ.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV mời HS chia sẻ về vòng đời của một động vật đẻ trứng và viết sơ đồ miêu tả vòng đời của động vật đó. - GV nhận xét tuyên dương. (có thể cho xem video) - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- Học sinh tham gia chia sẻ. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

.....

KHOA HỌC

BÀI 16: VÒNG ĐỜI VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA ĐỘNG VẬT (tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được vòng đời và sự phát triển của động vật đẻ con.
- Trình bày được sự lớn lên của con non được sinh ra từ thú mẹ.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu vòng đời của một số động vật và đẻ con.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Ghi chú được vòng đời của một số động vật đẻ con dựa vào sơ đồ đã cho.

Trình bày được sự lớn lên của con non được sinh ra từ thú mẹ

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nhận biết và trao đổi với bạn và mọi người về vòng đời của một số động vật đẻ con. Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tim tòi để mở rộng hiểu biết vòng đời của một số động đẻ con, được sự lớn lên của con non được sinh ra từ thú mẹ.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể. Yêu quý động vật.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
? GV mời HS chia sẻ về vòng đời của một động vật đẻ trứng và viết sơ đồ miêu tả vòng đời của động vật đó. - GV mời một số học sinh trình bày - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Ở tiết học trước, cô trò chúng ta đã đi tìm hiểu về	- Cả lớp lắng nghe. - HS trình bày

sự đời và sự phát triển của động vật đẻ trứng. Vậy đời và sự phát triển của động vật đẻ con diễn ra như thế nào? Sự lớn lên của con non được sinh ra từ thú mẹ ra sao? Thì tiết học hôm nay cta cùng khám phá nhé: "Vòng đời và sự phát triển của động vật (tiết 2)"	

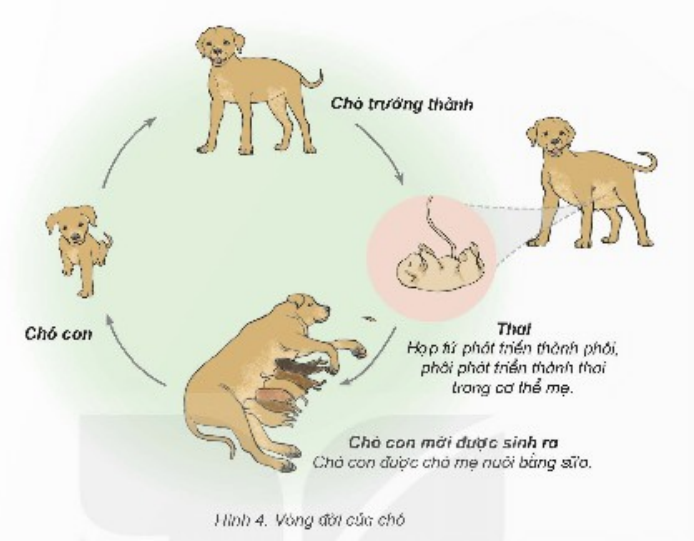
2. Hoạt động khám phá:

- Mục tiêu:

+ Học sinh trình bày vòng đời và sự phát triển của động vật đẻ con .

+ Trình bày được Sự lớn lên của con non được sinh ra từ thú mẹ.

- Cách tiến hành:

Hoạt động khám phá 1. - GV yêu cầu hs quan sát hình 4, đọc thông tin và trả lời câu hỏi  Hình 4. Vòng đời của chó - GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. - GV nhận xét, tuyên dương. **3. Hoạt động luyện tập.** - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức về vòng đời của một số động vật đẻ con. + Rèn luyện kĩ năng để góp phần phát triển năng lực tư duy, năng lực thẩm mỹ. Tìm hiểu sự phát triển của con vật theo gợi ý:	- HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi. - Các giai đoạn phát triển chính trong vòng đời của chó. + Thai. + Chó con mới được sinh ra. + Chó con. + Chó trưởng thành. - Hình dạng của chó con so với chó trưởng thành tương tự nhau. - Sự phát triển của chó con mới sinh đến khi trưởng thành: Chó con mới sinh ra được chó mẹ nuôi bằng sữa mẹ, rồi phát triển, tự kiếm ăn thành chó con và tăng dần về kích thước là chó trưởng thành. - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

- Tên con vật (Mèo) - Các giai đoạn trong vòng đời của con vật đó. - GV mời HS trình bày - GV nhận xét, tuyên dương. - GV cho HS đọc mục Em có biết? ***GV chốt:*** ***- Ở động vật đẻ trứng, con non nở ra từ trứng phát triển thành con trưởng thành hoặc ấu trùng nở ra từ trứng phát triển thành nhộng, nhộng phát triển thành con trưởng thành.*** ***- Ở động vật đẻ con, con non mới được sinh ra thường được nuôi bằng sữa mẹ cho đến khi có thể tự kiếm ăn và phát triển thành con trưởng thành.***	- HS lắng nghe nhiệm vụ để chuẩn bị thực hiện. Sự phát triển của con mèo: Mèo trưởng thành → Thai (Hợp tử phát triển thành phôi, phôi phát triển thành thai trong cơ thể mẹ) → Mèo con được mèo mẹ nuôi bằng sữa → Mèo con → Mèo trưởng thành. - HS đọc
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mĩ. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV mời HS vẽ và trình bày được vòng đời của một số động vật. - GV nhận xét tuyên dương.(có thể cho xem video) - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- Học sinh tham gia chia sẻ. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

.....

<u>TUẦN 18</u>: CHỦ ĐỀ 3: THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT

<u>Bài 17:</u> ÔN TẬP CHỦ ĐỀ THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Tóm tắt được những nội dung chính đã học trong chủ đề thực vật và động vật dưới dạng sơ đồ.
- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng của chủ đề vào giải quyết một số tình huống đơn giản trong cuộc sống liên quan đến vòng đời của thực vật, động vật.
- Tự chủ và tự học: Tích cực, chủ động hoàn thành các nhiệm vụ được giao, chia sẻ nội dung tìm hiểu về vòng đời ở một số động vật.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực, chủ động hoàn thành các nhiệm vụ được giao, chia sẻ nội dung tìm hiểu về vòng đời ở một số động vật.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Hoàn thành các phiếu thảo luận theo đúng yêu cầu, nhiệm vụ được giao.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tự tin khi trình bày ý kiến thảo luận. Hợp tác với bạn trong các hoạt động thảo luận nhóm nói và chia sẻ về các nội dung chính đã học trong chủ đề.

3. Phẩm chất.

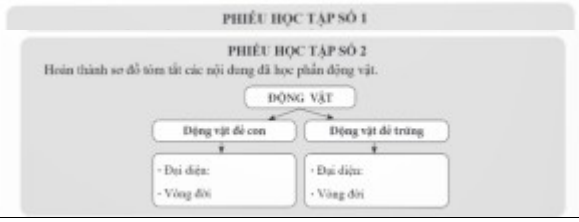
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ trong các hoạt động nhóm và trách nhiệm với việc giữ gìn vệ sinh nhà cửa.
- Phẩm chất trách nhiệm: Thể hiện ở thái độ, hành vi bảo vệ môi trường, biện pháp phòng chống muỗi.

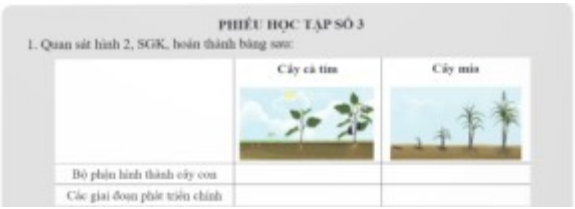
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Hình ảnh minh hoạ các nội dung liên quan đến bài học về vòng đời của một số thực vật và động vật như SGK.
- Dụng cụ chiếu tranh, ảnh lên màn ảnh (nếu có); video về vòng đời của ếch; video về biện pháp phòng chống muỗi; Phiếu học tập số 1.
- Bảng nhóm đủ số lượng cho mỗi nhóm (hoặc thẻ trống để HS viết).
- Phiếu học tập.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) - Mục tiêu:	

+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. + HS nêu được một số từ khoá và một số điều HS thích ở chủ đề Thực vật và động vật. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi Ai nhanh hơn: + Yêu cầu HS xung phong lập nhóm tham gia, mỗi nhóm 5 người. + Chơi tiếp sức, HS mỗi nhóm lần lượt ghi lên bảng các từ khoá (thuật ngữ) trong chủ đề với thời gian 3 phút. + Nhóm 1 và 3: chủ đề thực vật. Nhóm 2 và 4: chủ đề động vật. - Hết giờ GV cùng HS tổng kết kết quả của các đội chơi. Đội nào ghi được nhiều từ khoá chính xác nhất được ghi nhận, khen động viên. - Từ các từ khoá, GV hỏi em thích nhất điều gì trong chủ đề này? Vì sao? - GV gọi 2 – 3 HS trả lời. - Từ câu trả lời, GV kết nối vào bài: Sử dụng các từ khoá và chia sẻ của HS để định hướng tổng kết. - GV giới thiệu bài, ghi bảng.	- HS lắng nghe chỉ dẫn của GV. - Xung phong tham gia chơi. - Các nhóm bàn nhau về cách chơi. - Nghe hiệu lệnh bắt đầu nhanh chóng ghi các từ khoá lên bảng. - HS cả lớp cùng theo dõi và đánh giá kết quả các nhóm. - HS lắng nghe và trả lời câu hỏi. - HS lắng nghe, ghi tên bài.
2. Hoạt động luyện tập, vận dụng: (24 phút) **-** Mục tiêu: + HS hoàn thiện sơ đồ tư duy về các nội dung chính đã học trong chủ đề.. + HS ghi chú được các giai đoạn phát triển của cây con mọc lên từ hạt và các bộ phận của cây mẹ. **-** Cách tiến hành:	
Hoạt động 1: - GV tổ chức HS theo nhóm 4, hoàn thiện sơ đồ tư duy về các nội dung chính đã học trong chủ đề theo Phiếu học tập số 1 và số 2. Một nửa lớp làm Phiếu học tập số 1, một nửa làm Phiếu học tập số 2.	- HS lắng nghe nhiệm vụ. - HS làm việc cá nhân rồi thảo luận nhóm, thực hiện nhiệm vụ hoàn thiện  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 Hoàn thành sơ đồ tóm tắt các nội dung đã học phần động vật. ĐỘNG VẬT Động vật đẻ con Động vật đẻ trứng · Đại diện: · Vòng đời · Đại diện: · Vòng đời

- GV kiểm tra nhanh kết quả các nhóm, đánh giá và gọi HS của 2 – 3 nhóm đại diện chia sẻ phiếu và trình bày tóm tắt nội dung đã học trong chủ đề Thực vật và động vật. - GV cùng HS thống nhất đáp án. **Hoạt động 2:** - GV tổ chức cho HS quan sát hình 2, yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ. - GV có thể giao nhiệm vụ dưới dạng phiếu học tập. - GV thu phiếu và gọi một số HS lên trình bày kết quả. - GV tổ chức 2 – 3 nhóm đại diện HS trả lời. - GV cùng HS thống nhất đáp án. **Hoạt động 3:** Mục tiêu: HS sắp xếp và trình bày giai đoạn phát triển trong vòng đời của ếch. Cách tiến hành: - GV yêu cầu HS quan sát hình 3 thực hiện nhiệm vụ. - GV có thể giao nhiệm vụ dưới dạng phiếu học tập. - GV nhắc lại về các giai đoạn trong vòng đời của thực vật có hoa và động vật. **Hoạt động 4:** Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức về vòng đời phát triển của động vật giải quyết được một số tình huống trong thực tiễn.	sơ đồ theo Phiếu học tập số 1 và số 2. - Đại diện HS lên trình bày. - HS lắng nghe và hoàn thiện sơ đồ vào vở. - HS lắng nghe nhiệm vụ. - HS làm việc cá nhân, sau đó thảo luận cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ. - HS hoàn thành theo nhóm đôi phiếu học tập số 3 trong thời gian 7 phút.  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3 1. Quan sát hình 2, SGK, hoàn thành bảng sau: Cây cà tím Cây mía Bộ phận hình thành cây con Các giai đoạn phát triển chính - HS đại diện trình bày, HS khác nhận xét. - Hs lắng nghe.  2. Quan sát hình 3, thực hiện nhiệm vụ: (1) (2) (3) (4) – Nêu tên các giai đoạn phát triển của ếch tương ứng mỗi hình: (1): .....; (2): .....; (3): .....; (4): ..... – Sắp xếp các giai đoạn theo trình tự phát triển vòng đời của ếch: – Mô tả vòng đời và sự phát triển của ếch: - HS lắng nghe. - HS lắng nghe nhiệm vụ, đọc SGK, tìm hiểu thực hiện nhiệm vụ. - HS xung phong trả lời:

Cách tiến hành: - GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 4 SGK về muỗi và đề xuất biện pháp hạn chế sự phát triển của muỗi. - GV cùng kiểm tra, hỗ trợ HS. - GV gọi 1 – 2 đại diện trình bày đáp án. - GV cùng HS đánh giá kết quả. - GV tóm tắt các kết quả chính, mở rộng cho HS một số ứng dụng hiểu biết vòng đời của động vật để hạn chế sự phát triển của những động vật có hại hay tạo điều kiện cho động vật có lợi phát triển. - GV dặn dò HS về nhà cùng thực hiện vệ sinh nơi ở để phòng chống bệnh tật, hạn chế sự phát triển của muỗi.	+ Ấu trùng muỗi ở những nơi có nước đọng. Muỗi thường có nhiều ở những bụi cây, nơi tối, ẩm ướt. + Hình dạng ấu trùng rất khác so với muỗi trưởng thành. + Biện pháp để hạn chế sự phát triển của muỗi: phát quang cây cỏ; loại bỏ những nơi có nước đọng để trứng muỗi không phát triển. - HS lắng nghe. - HS lắng nghe và ghi nhiệm vụ.
3. Vận dụng trải nghiệm: Ôn lại các kiến thức trong bài (8 phút) - Mục tiêu: + Tóm tắt được những nội dung chính đã học trong chủ đề thực vật và động vật. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: Rung chuông vàng. - GV đưa ra 1 số câu hỏi liên quan đến nội dung bài đã học.	- HS tham gia chơi. - HS trả lời bằng hình thức giơ bảng đáp án. - HS nào trả lời đúng đến câu hỏi cuối cùng sẽ giành chiến thắng.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

.....

TUẦN 18:

CHỦ ĐỀ 4: VI KHUẨN

Bai 18: VI KHUẨN XUNG QUANH CHÚNG TA (2 tiết)

Tiết 1

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận ra được vi khuẩn có kích thước nhỏ, không thể nhìn thấy bằng mắt thường.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực, chủ động hoàn thành các nhiệm vụ quan sát, dự đoán về vi khuẩn từ mẫu vật; quan sát nơi sống của vi khuẩn ở gia đình và xung quanh.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Dựa vào nội dung bài học biết cách bảo quản thực phẩm để hạn chế lây nhiễm vi khuẩn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia nhiệm vụ nhóm, chia sẻ ý kiến, trình bày kết quả nhóm, tham gia trò chơi.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tim tòi để mở rộng hiểu biết vận dụng những kiến thức đã học về vi khuẩn trong cuộc sống.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể. Biết cách bảo quản thực phẩm để hạn chế lây nhiễm vi khuẩn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS tham gia hoạt động theo nhóm đôi hỏi đáp nội dung sau: + Vì sao em cần rửa tay bằng nước sạch, xà phòng trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh? - GV mời một số nhóm trình bày	- HS thảo luận nhóm hỏi đáp lẫn nhau về yêu cầu của GV. + HS dựa vào trải nghiệm của bản thân (người lớn dạy, xem tivi,..) chia sẻ nhiều ý kiến khác nhau, ví dụ: tay bẩn, nhiều vi trùng, vi khuẩn; khi đi vệ sinh có thể dính nước tiểu, phân nên cần rửa tay;

- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: GV dựa trên ý kiến của HS liên quan đến vi khuẩn để dẫn dắt vào nội dung bài học.	rửa tay cho sạch hoặc để tiêu diệt vì khuẩn, vi trùng;... - HS lắng nghe.

2. Hoạt động khám phá:

- Mục tiêu:

+ Học sinh trình bày được vi khuẩn có kích thước nhỏ, không thể nhìn thấy bằng mắt thường.

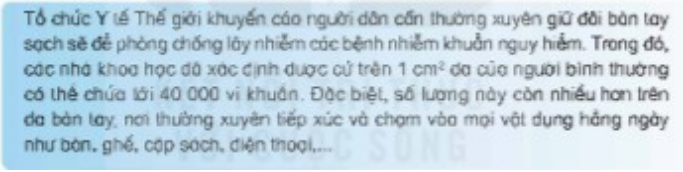
- Cách tiến hành:

*** KÍCH THƯỚC CỦA VI KHUẨN** **Hoạt động 1: Nhận ra được vi khuẩn không thể nhìn bằng mắt thường, có kích thước rất nhỏ.** *a. Dự đoán và chia sẻ về vi khuẩn trong các mẫu* - GV giới thiệu một số mẫu vật, nhắc nhở HS các mẫu vật này có thể chứa vi khuẩn và yêu cầu HS không tự ý sờ tay vào. Yêu cầu HS quan sát các mẫu trong khay và dự đoán mẫu nào chứa vi khuẩn. Chia sẻ những điều em biết về vi khuẩn có trong những mẫu đó.  Hình 1 - GV tổ chức cho các nhóm chia sẻ: + Các nhóm sắp xếp các phiếu học tập trên bảng. Thực hiện theo yêu cầu: cả lớp quan sát sản phẩm nhóm khác và phát hiện điểm giống, điểm khác với nhóm mình.	- HS làm việc theo nhóm: + Đại diện nhóm lên lấy khay mẫu, đeo găng tay. Thư kí nhóm lên lấy phiếu học tập. + Nhóm trưởng yêu cầu từng bạn quan sát, dự đoán mẫu chứa vi khuẩn. + Lần lượt từng bạn trong nhóm chia sẻ dự đoán (mỗi bạn chỉ chia sẻ 1-2 mẫu); các bạn bổ sung thêm ý kiến, dự đoán về vi khuẩn trong các mẫu. - Nhóm trưởng thống nhất để thư kí ghi cột 1 của phiếu. Ví dụ: + Mẫu... có hoặc không có vi khuẩn. + Mô tả hoặc vẽ mô phỏng về hình dạng, kích thước vi khuẩn... (như hình tròn, nốt chấm, màu...

+ Mới 1 nhóm nêu nhận xét, các nhóm khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung các phát hiện khác các bạn. - GV dựa trên các ý kiến giống và khác nhau giữa các nhóm, tổ chức hỏi - đáp (phỏng vấn) một số nhóm để hiểu rõ hơn những ý kiến của HS đã nêu. Ví dụ: + Những mẫu nào chứa vi khuẩn? + Vì sao em cho rằng mẫu đó chứa vi khuẩn? hoặc từ mà em biết những điều (đã nêu ở trên) về vi khuẩn trong mẫu vật?	- HS lắng nghe - Đại diện 1 nhóm lên trình bày kết quả nhóm mình, nhận điểm giống và khác với nhóm bạn. - Nhóm khác bổ sung ý kiến phát hiện và đặt câu hỏi cho nhóm bạn (nếu cần). - Một số HS trả lời câu hỏi của GV
b. Đề xuất cách quan sát vi khuẩn - GV dẫn dắt để HS đề xuất cách quan sát tìm hiểu về vi khuẩn: + Khẳng định ý kiến đúng của HS: những đồ vật đã quan sát đều chứa vi khuẩn. + Các em đã thực sự từng nhìn thấy vi khuẩn trên mẫu vật đó chưa? + Theo em vi khuẩn nhỏ như những sinh vật nào em thường thấy (như con kiến/râu con kiến,..) Vậy, theo các em làm thế nào chúng ta có được các hình ảnh vi khuẩn mà các em nhìn thấy ở trên ti-vi hay ở trong sách hoặc các em hãy đề xuất cách để quan sát, tìm hiểu về vi khuẩn. - GV tổ chức cho HS đọc khung thông tin trang 67. Có thể giới thiệu thêm hình ảnh, tác dụng của kinh hiển vi giúp cho việc nghiên cứu về vi khuẩn, từ đó chuyển tiếp sang hoạt động 2.	+ Trên tất cả các mẫu vật. + Có thể nêu ra một số ý kiến từ những trải nghiệm của bản thân (Ví dụ: đã từng xem ở trên tỉ-vi, đọc sách, mẹ nói hoặc nhìn thấy... rất nhiều vi khuẩn ở trong đất, vi khuẩn nhỏ xíu,..). - HS theo câu hỏi dẫn dắt của GV có thể trả lời được một số ý như: + HS lắng nghe + Chưa từng thực sự nhìn thấy vi khuẩn ở ngoài đời. + Vi khuẩn nhỏ hơn con kiến, nhỏ hơn râu con kiến hoặc không biết. - HS đề xuất một số dụng cụ (nhìn ống nhòm, kính lúp, kinh hiển vi... và đọc sách.
Hoạt động 2: Đối chiếu với thông tin khoa học, chính xác hoá kiến thức, nhận ra kích	

thước của vi khuẩn. - GV giới thiệu hình 3 về một số vi khuẩn thu được ở các mẫu trong hình 1.  - Yêu cầu HS làm việc theo nhóm cũ, quan sát, hình ảnh vi khuẩn và nhận xét hình dạng, kích thước của vi khuẩn. - Tổ chức HS chia sẻ kết quả của nhóm trước lớp: + Mời HS chia sẻ kết quả làm việc của nhóm + Yêu cầu HS đối chiếu kết quả với dự đoán ban đầu và đưa ra nhận xét về vi khuẩn có trong các mẫu vật. - GV nhận xét, tuyên dương và kết luận: ***Vi khuẩn có kích thước rất nhỏ. Để quan sát nghiên cứu về vi khuẩn cần sử dụng kính hiển vi có độ phóng đại lớn.***	- HS đọc khung thông tin và quan sát hình 2. Có thể hình tưởng tượng tới mức độ lớn hơn hàng nghìn lần của một vật khi nhìn qua kính hiển vi (ví dụ như khi kết nối hàng nghìn các dấu chấm lại với nhau). - HS quan sát - HS làm việc nhóm: quan sát hình ảnh các mẫu với hình phóng to vi khuẩn từ các mẫu đó; nêu nhận xét về hình dạng, kích thước của vi khuẩn; thảo luận và cùng thống nhất kết quả. - Đại diện HS chia sẻ kết quả nhận xét về vi khuẩn, HS khác bổ sung, trình bày được: + Nhận xét về vi khuẩn trong hình phóng to các mẫu: Các mẫu đều có vi khuẩn, vi khuẩn có hình dạng khác nhau. + Nhận xét sau khi đối chiều kết quả quan sát với dự đoán ban đầu: Quan sát mắt thường không nhìn thấy vì khuẩn; qua hình ảnh chụp từ kính hiển vi đã nhìn rõ hình dạng vi khuẩn trong các mẫu vật. - Nhóm khác nhận xét, bổ sung - HS lắng nghe
3. Hoạt động luyện tập. - Mục tiêu:	

+ Giải thích được ý nghĩa của việc rửa tay.
- Cách tiến hành:

Hoạt động trò chơi: "Sạt điện" - GV tổ chức trò chơi "Sạt điện". - Nội dung: Dựa vào câu hỏi phần ở đầu, đọc thông tin ở bản sau và giải thích ý nghĩa của việc rửa tay.  Tổ chức Y tế Thế giới khuyến cáo người dân cần thường xuyên giữ đôi bàn tay sạch sẽ để phòng chống lây nhiễm các bệnh nhiễm khuẩn nguy hiểm. Trong đó, các nhà khoa học đã xác định được cứ trên 1 cm^2 da của người bình thường có thể chứa tới 40 000 vi khuẩn. Đặc biệt, số lượng này còn nhiều hơn trên da bàn tay, nơi thường xuyên tiếp xúc và chạm vào mọi vật dụng hằng ngày như bàn, ghế, cặp sách, điện thoại,... - Luật chơi: + Chia làm 3 đội, đội trả lời đúng có quyền chỉ (sạc điện) đội bạn trả lời, HS sau không trùng ý với HS trước. + Đội nào trả lời sai thì ngừng cuộc chơi. + Trong 10 phút, đội nào có số câu trả lời đúng nhiều nhất sẽ là đội chiến thắng. - GV tổng kết trò chơi. - GV khen ngợi các nhóm đã đưa ra rất nhiều lí do cần thiết phải rửa tay. Có thể hỏi thêm HS: 40.000 vi khuẩn trên 1 cm' da là nhiều hay ít, các em có thể nhìn thấy chúng trên da không? Vì sao?	- HS làm việc cá nhân, đọc thông tin, trao đổi, chia sẻ với bạn cùng bàn. - HS lắng nghe luật chơi. - HS tham gia chơi. HS có thể nêu được một số lí do như: + Giảm lượng vi khuẩn dinh trên da tay. + Ngăn chặn vi khuẩn gây bệnh từ tay vào miệng và cơ thể. + Phòng chống bị lây nhiễm các bệnh nhiễm vi khuẩn nguy hiểm. + Tay thường sở, chạm vào nhiều đồ vật, nguy cơ nhiễm rất nhiều vi khuẩn mà nhìn mắt thường không thấy được nên cần rửa tay để loại bỏ (tiêu diệt) chúng. - HS lắng nghe. - HS trả lời câu hỏi gợi ý thêm.

4. Vận dụng trải nghiệm.
- Mục tiêu:
+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển phẩm chất chăm chỉ và trách nhiệm trong việc hạn chế lây nhiễm vi khuẩn.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV tổng kết và kết thúc tiết 1, dặn HS chuẩn bị cho tiết 2: Về quan sát, dự đoán viết tên những đồ vật nào ở nhà có thể có hoặc không có chứa vi khuẩn, Vì sao em biết? để chia sẻ ở tiết 2. - Dặn HS sẽ thực hiện việc rửa tay hằng ngày (ngay sau khi về nhà thực hiện rửa tay trước khi ăn trưa, sau khi đi vệ sinh). - GV nhận xét tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- Học sinh thực hành ở nhà để báo cáo trước lớp vào tiết 2. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

.....